Tháng Báy 2026

Health Plan of San Joaquin
Mountain Valley Health Plan
Advantage D-SNP (HMO)

Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ

VUI LÒNG ĐỌC: TÀI LIỆU NÀY CHỨA THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI THUỐC CHÚNG TÔI ĐÀI THỌ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY. Danh Sách Thuốc này được cập nhật vào 07/01/2026 .
Formulary ID 26347 Version #13

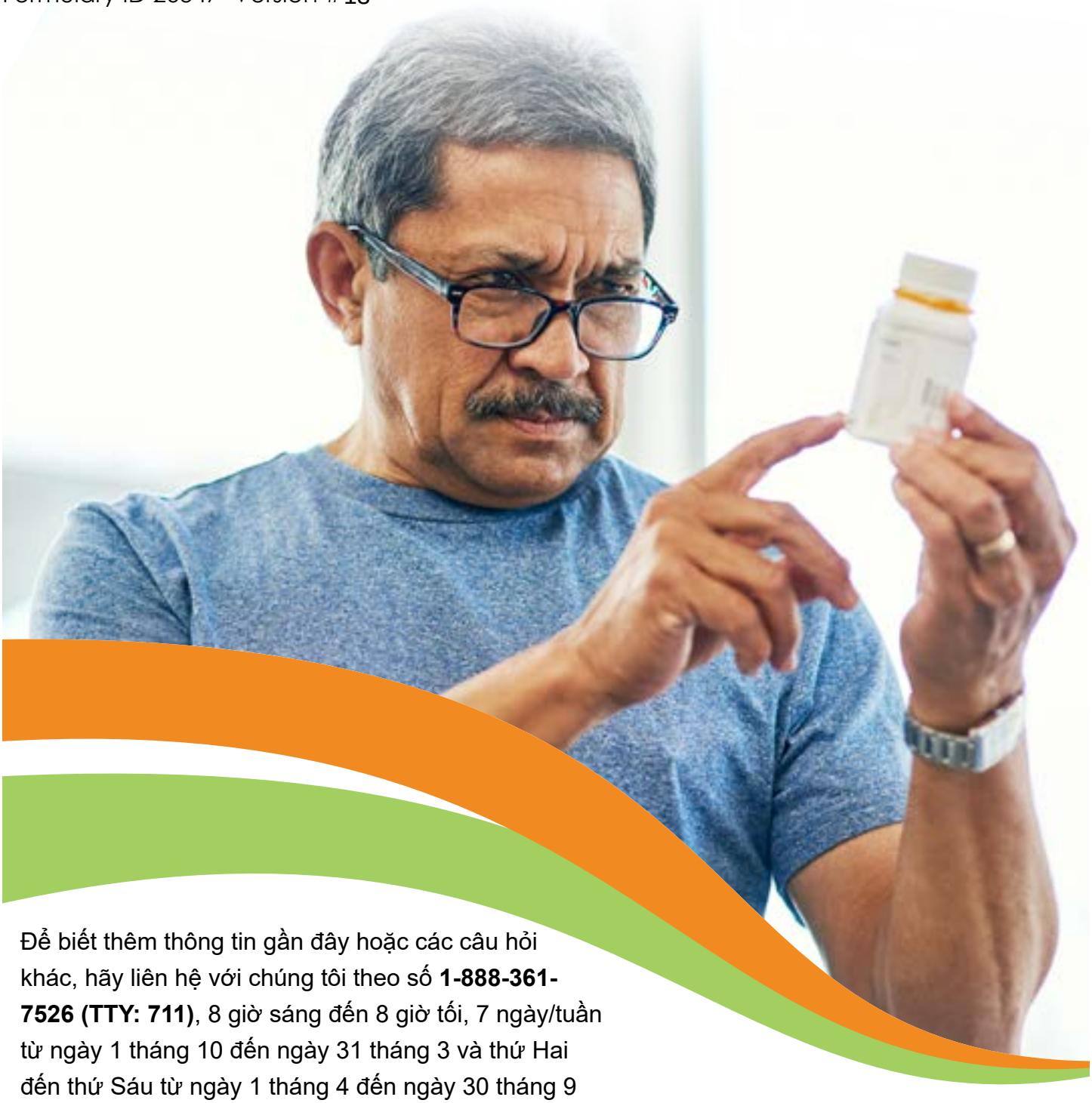

Để biết thêm thông tin gần đây hoặc các câu hỏi khác, hãy liên hệ với chúng tôi theo số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**, 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9 hoặc truy cập trang **www.hpsj-mvhp.org**.

H5734_0101323420AM_V_C_08262025_APPROVED

Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP (HMO)

Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ năm 2026 (*Danh Sách Thuốc* hoặc Danh Mục Thuốc)

VUI LÒNG ĐỌC: TÀI LIỆU NÀY CHỨA THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI THUỐC CHÚNG TÔI ĐÀI THỌ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY

Giới Thiệu

Tài liệu này được gọi là *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* (còn gọi là *Danh Sách Thuốc*). Tài liệu cho quý vị biết những loại thuốc và sản phẩm không phải thuốc nào được Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP (HMO) đài thọ. *Danh Sách Thuốc* cũng cho quý vị biết liệu có bất kỳ quy tắc hoặc hạn chế đặc biệt nào đối với bất kỳ loại thuốc nào được Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đài thọ hay không. Các thuật ngữ chính và định nghĩa tương ứng xuất hiện trong chương cuối của *Sổ Tay Hội Viên*.

Mục lục

A. Tuyên Bố Miễn Trừ Trách Nhiệm 3

B. Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ) 10

B1. Những loại thuốc kê đơn nào nằm trong *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ*? (Chúng tôi gọi tắt *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* là "*Danh Sách Thuốc*") 10

B2. *Danh Sách Thuốc* có bao giờ thay đổi không? 10

B3. Điều gì xảy ra khi có thay đổi trong *Danh Sách Thuốc*? 11

B4. Có bất kỳ hạn chế hoặc giới hạn nào về phạm vi đài thọ thuốc hoặc bất kỳ hành động bắt buộc nào phải thực hiện để có được một số loại thuốc nhất định không? 13

B5. Làm thế nào để biết liệu loại thuốc tôi muốn có bị giới hạn hay cần thực hiện hành động bắt buộc để mua được thuốc? 14

B6. Điều gì xảy ra nếu Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP thay đổi các quy tắc đài thọ một số loại thuốc (ví dụ: chấp thuận trước, giới hạn số lượng và/hoặc hạn chế theo trị liệu từng bước)? 14

B7. Làm thế nào tôi có thể tìm thấy một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc*? 14

B8. Điều gì sẽ xảy ra nếu thuốc tôi muốn sử dụng lại không có trong *Danh Sách Thuốc*? 14

B9. Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi là hội viên mới của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP và không thể tìm thấy thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc* hoặc gặp vấn đề khi nhận thuốc? 15

B10. Tôi có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ để được đài thọ thuốc của mình không? 16

B11. Làm thế nào tôi có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ? 16

B12. Mất bao lâu để nhận được duyệt trường hợp ngoại lệ? 16

B13. Thuốc gốc là gì? 17

B14. Các sinh phẩm gốc là gì và chúng liên quan đến thuốc sinh học tương tự như thế nào? 17

B15. Thuốc OTC (không kê đơn) là gì? 18

B16. Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có đài thọ các sản phẩm OTC không phải thuốc không? 18

B17. Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có đài thọ cho việc cung cấp thuốc kê đơn dài hạn không? 18

B18. Khoản đồng thanh toán của tôi là bao nhiêu? 18

C. Tổng quan về *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* 20

C1. Danh Sách Thuốc theo Loại Thuốc 21

D. Chỉ Mục Thuốc Được Đài Thọ I-1

A.Tuyên Bố Miễn Trừ Trách Nhiệm

Đây là danh sách các loại thuốc mà hội viên có thể nhận được trong Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP (HMO)

- Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP là một chương trình thuộc loại Tổ Chức Duy Trì Sức Khỏe (HMO) có hợp đồng với Medicare và Medi-Cal. Việc ghi danh tham gia Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP phụ thuộc vào tình trạng gia hạn hợp đồng.
- Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP tuân thủ luật dân quyền liên bang hiện hành và không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, tình trạng khuyết tật hoặc giới tính. Gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP theo số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3, và từ Thứ Hai đến Thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Truy cập trang web của chúng tôi tại www.hpsj-mvhp.org.
- Quý vị luôn có thể kiểm tra *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* cập nhật của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP trực tuyến tại www.hpsj-mvhp.org hoặc gọi đến số **1-888-361-7526 (TTY: 711),** 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9**.** Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí.
- Quý vị có thể tải tài liệu này miễn phí ở các định dạng khác, chẳng hạn như in cỡ lớn, chữ nổi hoặc tệp âm thanh. Gọi theo các số điện thoại ở cuối trang của tài liệu này. Đây là cuộc gọi miễn cước. Tài liệu này có sẵn miễn phí bằng tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Campuchia và tiếng Việt.

Thông Báo về Sự Sẵn Có của Dịch Vụ Hỗ Trợ Ngôn Ngữ và Các Công Cụ Hỗ Trợ và Dịch Vụ Phụ Trợ

English

ATTENTION: If you need help in your language, call **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Aids and services for people with disabilities, like documents in braille and large print, are also available. Call **1-888-361-7526 (TTY: 711).** These services are free of charge.

العربية (Arabic)

يرجى الانتباه: إذا احتجت المساعدة بلغتك، فاتصل بـ **1-888-361-7526**.
(TTY: 711)تتوفر أيضا المساعدات والخدمات للأشخاص ذوي الإعاقة، مثل المستندات المكتوبة بطريقة برايل والخط الكبير. اتصل بـ **1-888-361-7526**.
(TTY: 711)هذه الخدمات مجانية

Հայերեն (Armenian)

ՈՒՇԱԴՐՈՒԹՅՈՒՆ. եթե Ձեզ օգնություն է հարկավոր Ձեր լեզվով, զանգահարեք **1-888-361-7526 (TTY: 711)**: Կան նաև օժանդակ միջոցներու ծառայություններ հաշմանդամություն ունեցող անձանց համար, օրինակ՝ Բրայլի գրատիպով ու խոշորատառ տպագրված նյութեր: Զանգահարեք **1-888-361-7526 (TTY: 711)**: Այս ծառայություններն անվճար են:

中文 (Chinese)

请注意：如果您需要以您的母语提供帮助，请致电 **1-888-361-7526 (TTY: 711)**。另外还提供针对残疾人士的帮助和服务，例如盲文和需要较大字体阅读，也是方便取用的。请致电 **1-888-361-7526 (TTY: 711)**。这些服务都是免费的。

ਪੰਜਾਬੀ (Punjabi)

ਧਿਆਨ ਦਿਓ: ਜੇਕਰ ਤੁਹਾਨੂੰ ਆਪਣੀ ਭਾਸ਼ਾ ਵਿੱਚ ਮਦਦ ਦੀ ਲੋੜ ਹੈ ਤਾਂ **1-888-361-7526 (TTY: 711)** 'ਤੇ ਕਾਲ ਕਰੋ। ਅਪਾਹਜ ਲੋਕਾਂ ਲਈ ਸਹਾਇਤਾ ਅਤੇ ਸੇਵਾਵਾਂ, ਜਿਵੇਂ ਕਿ ਬ੍ਰੇਲ ਅਤੇ ਵੱਡੇ ਅੱਖਰਾਂ ਵਿੱਚ ਦਸਤਾਵੇਜ਼, ਵੀ ਉਪਲਬਧ ਹਨ। **1-888-361-7526 (TTY: 711)** 'ਤੇ ਕਾਲ ਕਰੋ। ਇਹ ਸੇਵਾਵਾਂ ਮੁਫ਼ਤ ਹਨ।

हिंदी (Hindi)

ध्यान दें: अगर आपको अपनी भाषा में सहायता की आवश्यकता है, तो **1-888-361-7526 (TTY: 711)** पर कॉल करें। अशक्तता वाले लोगों के लिए सहायता और सेवाएं, जैसे ब्रेल और बड़े प्रिंट में भी दस्तावेज़ उपलब्ध हैं। **1-888-361-7526 (TTY: 711)** पर कॉल करें। ये सेवाएं निःशुल्क हैं।

Hmoob (Hmong)

CEEB TOOM: Yog koj xav tau kev pab txhais koj hom lus hu rau **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Muaj cov kev pab txhawb thiab kev pab cuam rau cov neeg xiam oob qhab, xws li puav leej muaj ua cov ntawv su thiab luam tawm ua tus ntawv loj. Hu rau **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Cov kev pab cuam no yog pab dawb xwb.

日本語 (Japanese)

注意：日本語の対応が必要な場合は、**1-888-361-7526 (TTY: 711)**へお電話ください。点字の資料や文字の拡大表示など、障がいをお持ちの方のためのサービスを用意しています。**1-888-361-7526 (TTY: 711)**へお電話ください。これらのサービスは無料で提供しています。

한국어 (Korean)

유의사항: 귀하의 언어로 도움을 받고 싶으시면 **1-888-361-7526 (TTY: 711)** 번으로 의하십시오. 점자나 큰

활자로 된 문서와 같이 장애가 있는 분들을 위한 도움과 서비스도 이용 가능합니다. **1-888-361-7526 (TTY: 711)** 번으로 의하십시오. 이러한 서비스는 무료로 제공됩니다.

ພາສາລາວ (Laotian)

ປະກາດ: ຖ້າທ່ານຕ້ອງການຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອໃນພາສາຂອງທ່ານ ໃຫ້ໂທຫາເບີ **1-888-361-7526 (TTY: 711)**.
ຍັງມີຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອ ແລະ ການບໍລິການສໍາລັບຄົນພິການ ເຊັ່ນ: ເອກະສານທີ່ເປັນອັກສອນນູນ ແລະ ມີໂຕພິມໃຫຍ່, ໃຫ້ໂທຫາເບີ **1-888-361-7526 (TTY: 711)**.
ການບໍລິການເຫຼົ່ານີ້ແມ່ນບໍ່ໄດ້ເສຍຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໆ

Mien

LONGC HNYOUV JANGX LONGX OC: Beiv taux meih qiemx longc mienh tengx faan benx meih nyei waac nor douc waac daaih lorx taux **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Liouh lorx jauv-louc tengx aengx caux nzie gong bun taux ninh mbuo wuaaic fangx mienh, beiv taux longc benx nzangc-pokc bun hluo mbiutc aengx caux aamz mborqv benx domh sou se mbenc nzoih bun longc. Douc waac daaih lorx **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Naaiv deix nzie weih gong-bou jauv-louc se benx wang-henh tengx mv zuqc cuotv nyaanh oc.

ខ្មែរ (Cambodian)

ចំណាំ៖ បើអ្នកត្រូវការជំនួយជាភាសារបស់អ្នក
សូមទូរសព្ទទៅលេខ **1-888-361-7526 (TTY: 711)**។ ជំនួយ
និងសេវាកម្មសម្រាប់ជនពិការ
ដូចជាឯកសារសរសេរជាអក្សរផុសសម្រាប់ជនពិការ

និងជាពុម្ពអក្សរធំក៏អាចរកបានផងដែរ។ ទូរសព្ទទៅលេខ **1-888-361-7526 (TTY: 711)**។ សេវាកម្មទាំងនេះមិនគិតថ្លៃទេ ។

فارسی (Farsi)

توجه: اگر می‌خواهید به زبان خود کمک دریافت کنید، با **1-888-361-7526 (TTY: 711)** تماس بگیرید. کمک‌ها و خدمات مخصوص افراد دارای معلولیت، مانند نسخه‌های خط بریل و چاپ با حروف بزرگ، نیز موجود است. با **1-888-361-7526 (TTY: 711)** تماس بگیرید. این خدمات رایگان ارائه می‌شوند.

Русский (Russian)

ВНИМАНИЕ! Если вам нужна помощь на вашем родном языке, звоните по номеру **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Предоставляются также средства и услуги для людей с ограниченными возможностями, например документы крупным шрифтом или шрифтом Брайля. Звоните по номеру **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Такие услуги предоставляются бесплатно.

Español (Spanish)

ATENCIÓN: si necesita ayuda en su idioma, llame al **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. También ofrecemos asistencia y servicios para personas con discapacidades, como documentos en braille y con letras grandes. Llame al **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Estos servicios son gratuitos.

Tagalog (Filipino)

ATENSIYON: Kung kailangan mo ng tulong sa iyong wika, tumawag sa **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Mayroon ding mga tulong at serbisyo para sa mga taong may

kapansanan,tulad ng mga dokumento sa braille at malaking print. Tumawag sa **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Libre ang mga serbisyong ito.

ภาษาไทย (Thai)

โปรดทราบ: หากคุณต้องการความช่วยเหลือเป็นภาษาของคุณ กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข 1-888-361-7526 (TTY: 711). นอกจากนี้ ยังพร้อมให ค้ วามช่วยเหลือและบริการต่าง ๆ ส าหรับบุคคลที่มีความพิการ เช่น เอกสารต่าง ๆ ที่เป็นอักษรเบรลล์และเอกสารที่พิมพ์ด้วย ตัวอักษรขนาดใหญ่. กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข 1-888-361-7526 (TTY: 711). ไม่มีค่าใช้จ่ายส าหรับบริการเหล่านี้.

Українська (Ukrainian)

УВАГА! Якщо вам потрібна допомога вашою рідною мовою, телефонуйте на номер **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Люди з обмеженими можливостями також можуть скористатися допоміжними засобами та послугами, наприклад отримати документи, надруковані шрифтом Брайля та великим шрифтом. Телефонуйте на Номер **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Ці послуги безкоштовні.

Tiếng Việt (Vietnamese)

CHÚ Ý: Nếu quý vị cần trợ giúp bằng ngôn ngữ của mình, vui lòng gọi số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Chúng tôi cũng hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ dành cho người khuyết tật, như tài liệu bằng chữ nổi Braille và bản in khổ chữ lớn. Vui lòng gọi số **1-888-361-7526 (TTY: 711)**. Các dịch vụ này đều miễn phí.

- Gọi cho Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP để cho biết ngôn ngữ hoặc định dạng ưa thích của quý vị. Chúng tôi sẽ hỏi xem quý vị yêu cầu cho một tài liệu hay cho tất cả.

- Nếu quý vị yêu cầu tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Campuchia, tiếng Việt hoặc định dạng khác cho tất cả các tài liệu, đây được gọi là yêu cầu thường trực. Yêu cầu của quý vị sẽ được lưu giữ trong hệ thống của chúng tôi cho tất cả các thư và lần liên lạc trong tương lai. Quý vị chỉ phải yêu cầu các tùy chọn này một lần. Nếu sử dụng các ngôn ngữ khác, phải yêu cầu cho mỗi tài liệu.
- Để cập nhật tùy chọn của quý vị, hãy gọi tới số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9. Đây là cuộc gọi miễn cước. Để biết thêm thông tin, truy cập www.hpsj-mvhp.org.

B. Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ)

Tìm câu trả lời tại đây cho các câu hỏi của quý vị về *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ (Danh Sách Thuốc) này*. Quý vị có thể đọc tất cả Câu Hỏi Thường Gặp để tìm hiểu thêm hoặc tìm kiếm câu hỏi và câu trả lời.

B1. Những loại thuốc kê đơn nào nằm trong *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ*? (Chúng tôi gọi tắt *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* là "*Danh Sách Thuốc*").

Các loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* từ **Mục C** là những loại thuốc được Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đài thọ. Thuốc có sẵn tại các nhà thuốc trong mạng lưới của chúng tôi. Một nhà thuốc thuộc mạng lưới của chúng tôi nếu chúng tôi có thỏa thuận với họ để hợp tác với chúng tôi và cung cấp dịch vụ cho quý vị. Chúng tôi gọi những nhà thuốc này là "nhà thuốc trong mạng lưới".

Các loại thuốc khác, chẳng hạn như một số loại thuốc không kê đơn (OTC) và một số loại vitamin, có thể được Medi-Cal Rx đài thọ. Vui lòng truy cập trang web Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Thẻ ID Người Thụ Hưởng Medi-Cal (BIC) khi nhận đơn thuốc qua Medi-Cal Rx.

- Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP sẽ đài thọ tất cả các loại thuốc cần thiết về mặt y tế trong *Danh Sách Thuốc* nếu:
    - Bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác của quý vị nói rằng quý vị cần những loại thuốc này để khỏe hơn hoặc duy trì sức khỏe,
    - Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đồng ý rằng thuốc là cần thiết về mặt y tế cho quý vị, **và**
    - Quý vị mua thuốc kê đơn của một nhà thuốc trong mạng lưới của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP.
- Trong một số trường hợp, quý vị phải làm điều gì đó trước khi có thể dùng thuốc. Tham khảo câu hỏi B4 để biết thêm thông tin.

Quý vị cũng có thể tìm thấy danh sách thuốc cập nhật mà chúng tôi đài thọ trên trang web www.hpsj-mvhp.org hoặc gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng theo số điện thoại ở cuối trang trong tài liệu này.

B2. *Danh Sách Thuốc* có bao giờ thay đổi không?

Có và Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP phải tuân theo các quy tắc của Medicare và Medi-Cal khi thực hiện thay đổi. Chúng tôi có thể thêm hoặc loại bỏ thuốc có trong *Danh Sách Thuốc* trong năm.

Chúng tôi cũng có thể thay đổi các quy tắc về thuốc. Ví dụ, chúng tôi có thể:

- Quyết định yêu cầu hoặc không yêu cầu chấp thuận trước đối với một loại thuốc. (Chấp thuận trước là sự cho phép trước từ Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP trước khi quý vị có thể nhận thuốc.)

- Thêm hoặc thay đổi số lượng thuốc quý vị có thể nhận được (gọi là giới hạn số lượng).

- Thêm hoặc thay đổi hạn chế theo trị liệu từng bước đối với một loại thuốc. (Trị liệu từng bước có nghĩa là quý vị phải dùng một loại thuốc trước khi chúng tôi đài thọ một loại thuốc khác.)

Để biết thêm thông tin về các quy tắc thuốc này, hãy tham khảo câu hỏi B4.

Nếu quý vị đang dùng một loại thuốc đã được đài thọ vào **đầu** năm, chúng tôi thường sẽ không loại bỏ hoặc thay đổi phạm vi đài thọ của loại thuốc đó **trong thời gian còn lại của năm**, trừ khi:

- Một loại thuốc mới, rẻ hơn xuất hiện trên thị trường và có tác dụng giống như một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* hiện nay, hoặc

- Chúng tôi biết rằng một loại thuốc không an toàn, hoặc

- Một loại thuốc được loại bỏ khỏi thị trường.

Các câu hỏi B3 và B6 dưới đây có thêm thông tin về điều gì sẽ xảy ra khi *Danh Sách Thuốc* thay đổi.

- Quý vị luôn có thể kiểm tra *Danh Sách Thuốc* cập nhật của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP trực tuyến tại www.hpsj-mvhp.org. Cập nhật *Danh Sách Thuốc* được đăng trên trang web hàng tháng.

- Quý vị cũng có thể gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng theo các số ở chân trang của tài liệu này để kiểm tra *Danh Sách Thuốc* hiện tại.

B3. Điều gì xảy ra khi có thay đổi trong *Danh Sách Thuốc*?

Một số thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc* sẽ được thực hiện **ngay lập tức**. Ví dụ:

- **Thay thế một số phiên bản mới của thuốc.** Chúng tôi có thể ngay lập tức loại bỏ thuốc khỏi *Danh Sách Thuốc* nếu chúng tôi thay thế bằng một số phiên bản mới nhất định của loại thuốc đó, nhưng chi phí của quý vị cho loại thuốc mới sẽ vẫn là $0. Khi thêm phiên bản mới của một loại thuốc, chúng tôi cũng có thể quyết định giữ nguyên thuốc biệt dược hoặc sinh phẩm gốc trong danh sách nhưng thay đổi các quy tắc hoặc giới hạn đài thọ.

- Chúng tôi có thể không cho quý vị biết trước khi thực hiện thay đổi này, nhưng chúng tôi sẽ gửi cho quý vị thông tin về thay đổi cụ thể mà chúng tôi đã thực hiện khi thay đổi đó xảy ra.
- Chúng tôi chỉ có thể thực hiện những thay đổi này nếu loại thuốc chúng tôi sẽ bổ sung:
  - Là phiên bản thuốc gốc mới của thuốc biệt dược, hoặc
  - Là một phiên bản thuốc sinh học tương tự mới nhất định của các sinh phẩm gốc trong *Danh Sách Thuốc* (ví dụ: thêm một loại thuốc sinh học tương tự có thể hoán đổi cho nhau có thể thay thế cho một sinh phẩm gốc mà không cần đơn thuốc mới).
  - Một số loại thuốc này có thể còn mới lạ với quý vị. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo **Mục B14**.
- Quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ từ những thay đổi này. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị một thông báo với các bước quý vị có thể thực hiện để yêu cầu trường hợp ngoại lệ. Vui lòng tham khảo các câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

- **Loại bỏ các loại thuốc không an toàn và các loại thuốc khác được rút khỏi thị trường.** Đôi khi một loại thuốc có thể được phát hiện là không an toàn hoặc rút khỏi thị trường vì một lý do khác. Nếu điều này xảy ra, chúng tôi có thể ngay lập tức loại thuốc đó ra khỏi *Danh Sách Thuốc*. Nếu quý vị đang dùng thuốc, chúng tôi sẽ gửi thông báo cho quý vị sau khi thực hiện thay đổi. Thông báo sẽ cung cấp cho quý vị hướng dẫn về những việc cần làm. Ví dụ, quý vị có thể được yêu cầu gọi cho bác sĩ kê đơn của mình.

Chúng tôi có thể thực hiện những thay đổi khác ảnh hưởng đến các loại thuốc quý vị sử dụng. Chúng tôi sẽ thông báo trước cho quý vị về những thay đổi khác đối với *Danh Sách Thuốc*. Những thay đổi này có thể xảy ra nếu:

- FDA cung cấp hướng dẫn mới hoặc có hướng dẫn lâm sàng mới về một loại thuốc.
- Chúng tôi xóa một loại thuốc biệt dược khỏi *Danh Sách Thuốc* khi thêm một loại thuốc gốc đã từng có trên thị trường**,** hoặc
- Chúng tôi loại bỏ một sinh phẩm gốc khi thêm một thuốc sinh học tương tự, hoặc
- Chúng tôi thay đổi các quy tắc hoặc giới hạn đài thọ cho thuốc biệt dược.

Khi những thay đổi này xảy ra, chúng tôi sẽ:

- Thông báo cho quý vị ít nhất 30 ngày trước khi chúng tôi thực hiện thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc*; **hoặc**

- Thông báo và cung cấp thuốc cho quý vị trong 30 ngày sau khi quý vị yêu cầu mua thêm thuốc.

Điều này sẽ cho quý vị thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định:

- Nếu có một loại thuốc tương tự trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể dùng để thay thế hoặc
- Có nên yêu cầu trường hợp ngoại lệ từ những thay đổi này hay không. Để tìm hiểu thêm về các trường hợp ngoại lệ, hãy tham khảo câu hỏi B10-B12.

B4. Có bất kỳ hạn chế hoặc giới hạn nào về phạm vi đài thọ thuốc hoặc bất kỳ hành động bắt buộc nào phải thực hiện để có được một số loại thuốc nhất định không?

Có, một số loại thuốc có quy định về đài thọ hoặc có giới hạn về số tiền quý vị có thể nhận. Trong một số trường hợp, quý vị hoặc bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác của quý vị phải làm gì đó trước khi quý vị có thể mua thuốc. Ví dụ:

- **Chấp thuận trước:** Đối với một số loại thuốc, quý vị hoặc bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác của quý vị phải nhận được sự cho phép từ Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP trước khi quý vị mua thuốc kê đơn của mình. Chấp thuận trước khác với giấy giới thiệu. Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có thể không đài thọ thuốc nếu quý vị không có chấp thuận trước.
- **Giới hạn số lượng:** Đôi khi Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP giới hạn số lượng thuốc quý vị có thể nhận.
- **Trị liệu từng bước:** Đôi khi Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP yêu cầu quý vị thực hiện liệu pháp từng bước. Điều này có nghĩa là quý vị sẽ phải sử dụng thuốc theo một thứ tự nhất định cho tình trạng bệnh lý của mình. Quý vị có thể phải sử dụng một loại thuốc trước khi chúng tôi đài thọ một loại thuốc khác. Nếu bác sĩ kê đơn của quý vị cho rằng loại thuốc đầu tiên không có tác dụng với quý vị, chúng tôi sẽ đài thọ loại thuốc thứ hai.

Quý vị có thể tìm hiểu xem thuốc của mình có bất kỳ yêu cầu hoặc giới hạn bổ sung nào hay không bằng cách xem các bảng trong **Mục C**. Quý vị cũng có thể biết thêm thông tin bằng cách truy cập trang web của chúng tôi tại www.hpsj-mvhp.org. Chúng tôi đã đăng trực tuyến các tài liệu giải thích chấp thuận trước và các hạn chế về trị liệu từng bước của chúng tôi. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi một bản sao cho quý vị.

Quý vị có thể yêu cầu ngoại lệ từ những giới hạn này. Điều này sẽ cho quý vị thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc tương tự trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể dùng thay thế hay nên yêu cầu trường hợp ngoại lệ. Tham khảo câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

B5. Làm thế nào để biết liệu loại thuốc tôi muốn có bị giới hạn hay cần thực hiện hành động bắt buộc để mua được thuốc?

Bảng trong phần có tiêu đề "Danh Sách Thuốc theo Loại Thuốc" có cột được dán nhãn "Các hành động cần thiết, hạn chế hoặc giới hạn sử dụng".

B6. Điều gì xảy ra nếu Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP thay đổi các quy tắc đài thọ một số loại thuốc (ví dụ: chấp thuận trước, giới hạn số lượng và/hoặc hạn chế theo trị liệu từng bước)?

Trong một số trường hợp, chúng tôi sẽ cho quý vị biết trước nếu chúng tôi thêm hoặc thay đổi chấp thuận trước, giới hạn số lượng và/hoặc hạn chế điều trị từng bước đối với một loại thuốc. Tham khảo câu hỏi B3 để biết thêm thông tin về thông báo trước này và các tình huống mà chúng tôi có thể không thể cho quý vị biết trước khi các quy định của chúng tôi về thuốc trong *Danh Sách Thuốc* thay đổi.

B7. Làm thế nào tôi có thể tìm thấy một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc*?

Có hai cách để tìm thuốc:

- Quý vị có thể tìm kiếm theo thứ tự bảng chữ cái, **hoặc**
- Quý vị có thể tìm kiếm theo loại thuốc.

Để tìm kiếm **theo thứ tự bảng chữ cái**, hãy tìm thuốc của quý vị trong mục Chỉ Mục Thuốc Được Đài Thọ. Quý vị có thể tìm thấy phần này ở trang I-1.

Để tìm kiếm **theo loại thuốc**, hãy tìm **Mục C1** có nhãn "Danh Sách Thuốc Theo Loại Thuốc". Các loại thuốc trong phần này được nhóm thành các hạng mục theo loại thuốc. Ví dụ: nếu quý vị đang dùng thuốc điều trị đau nửa đầu, bạn nên tìm trong hạng mục "Thuốc Chống Đau Nửa Đầu". Đó là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị chứng đau nửa đầu.

B8. Điều gì sẽ xảy ra nếu thuốc tôi muốn sử dụng lại không có trong *Danh Sách Thuốc*?

Nếu quý vị không tìm thấy thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc*, hãy gọi Dịch Vụ Khách Hàng theo số điện thoại ở cuối của tài liệu này và hỏi về điều đó. Nếu quý vị biết Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP sẽ không đài thọ thuốc, quý vị có thể làm một trong những điều sau:

- Yêu cầu Dịch Vụ Khách Hàng cung cấp danh sách các loại thuốc giống như loại quý vị muốn dùng. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn

khác của quý vị. Họ có thể kê đơn một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* giống như loại quý vị muốn dùng. **Hoặc**

- Hãy yêu cầu Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP áp dụng trường hợp ngoại lệ để đài thọ thuốc của quý vị. Tham khảo câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

B9. Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi là hội viên mới của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP và không thể tìm thấy thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc* hoặc gặp vấn đề khi nhận thuốc?

Chúng tôi có thể giúp quý vị. Chúng tôi có thể đài thọ lượng thuốc tạm thời cho 30 ngày cho quý vị trong 90 ngày đầu tiên quý vị là hội viên của Health Plan of San Joaquin/ Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP. Điều này sẽ cho quý vị thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc tương tự trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể dùng thay thế hay nên yêu cầu trường hợp ngoại lệ.

Nếu đơn thuốc của quý vị được kê cho ít ngày hơn, chúng tôi sẽ cho phép cung cấp nhiều đơn thuốc cho tối đa 30 ngày.

Chúng tôi sẽ đài thọ cấp thuốc cho quý vị trong 30 ngày nếu:

- Quý vị đang dùng một loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi, **hoặc**
- Quy tắc chương trình của chúng tôi không cho phép quý vị nhận được lượng thuốc mà bác sĩ kê đơn của quý vị đã kê, **hoặc**
- Thuốc yêu cầu chấp thuận trước của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP, **hoặc**
- Quý vị đang dùng một loại thuốc được hạn chế theo trị liệu từng bước.

Nếu quý vị đang dùng một loại thuốc mà Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP không coi là thuốc Phần D, thuốc đó không có trong *Danh Sách Thuốc* và quý vị gặp vấn đề khi dùng thuốc, thuốc có thể được đài thọ thông qua Medi-Cal Rx. Nếu thuốc bị loại trừ trong Phần D yêu cầu trường hợp ngoại lệ và quý vị đang trong tình trạng khẩn cấp, Medi-Cal Rx sẽ cho phép cung cấp thuốc trong không dưới 72 giờ. Vui lòng truy cập trang web Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Medi-Cal BIC khi nhận đơn thuốc qua Medi-Cal Rx.

Nếu quý vị đang ở viện dưỡng lão hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn khác và cần một loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc* hoặc nếu quý vị không thể dễ dàng có được loại thuốc mình cần, chúng tôi có thể giúp quý vị. Nếu quý vị đã tham gia chương trình lâu hơn 90 ngày, sống ở một cơ sở chăm sóc dài hạn và cần thuốc ngay lập tức:

- Chúng tôi sẽ đài thọ một lượng thuốc quý vị cần đủ cho 31 ngày (trừ khi quý vị có đơn thuốc cho ít ngày hơn), cho dù quý vị có phải là hội viên mới của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP hay không.
- Số thuốc này khác với nguồn cung cấp tạm thời trong 90 ngày đầu tiên tham gia Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP.

Nếu quý vị đang chuyển tiếp giữa các cấp độ chăm sóc khác nhau (ví dụ: ngoài bệnh viện), Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP sẽ đài thọ lượng thuốc trong thời gian chuyển tiếp 31 ngày để quý vị sử dụng trong môi trường mới.

B10. Tôi có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ để được đài thọ thuốc của mình không?

Có. Quý vị có thể yêu cầu Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP áp dụng trường hợp ngoại lệ để đài thọ cho loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc*.

Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi quy định về thuốc của mình.

- Ví dụ: Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có thể giới hạn số lượng thuốc mà chúng tôi sẽ đài thọ. Nếu thuốc của quý vị có giới hạn, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi giới hạn và đài thọ thêm.
- Các ví dụ khác: Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ các giới hạn về trị liệu từng bước hoặc yêu cầu chấp thuận trước.

B11. Làm thế nào tôi có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ?

Để yêu cầu trường hợp ngoại lệ, hãy gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng. Đại diện Dịch Vụ Khách Hàng của quý vị sẽ làm việc với quý vị và bác sĩ kê đơn của quý vị để giúp quý vị yêu cầu trường hợp ngoại lệ. Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9**, **Mục G** trong *Sổ Tay Hội Viên* để tìm hiểu thêm về các trường hợp ngoại lệ.

B12. Mất bao lâu để nhận được duyệt trường hợp ngoại lệ?

Sau khi nhận được thông tin từ bác sĩ kê đơn của quý vị rằng họ ủng hộ yêu cầu trường hợp ngoại lệ của quý vị, chúng tôi sẽ ra quyết định trong vòng 72 giờ. Nếu quý vị yêu cầu trường hợp ngoại lệ, bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn của quý vị cũng sẽ cho chúng tôi biết lý do cho trường hợp ngoại lệ về thuốc. Chúng tôi gọi đây là "lời khai hỗ trợ". Bác sĩ hoặc bác sĩ kê đơn của quý vị có thể thông báo với chúng tôi qua điện thoại và fax hoặc gửi lời khai qua thư cho chúng tôi theo địa chỉ:

- Điện thoại: 1-833-546-0796 (TTY: 711), 7 ngày trong tuần, 24/24
- Số fax: 1-858-790-7100
- Thư: MedImpact
  10181 Scripps Gateway Court
  San Diego, CA 92131

Nếu quý vị hoặc bác sĩ kê đơn của quý vị nghĩ rằng sức khỏe của quý vị có thể bị tổn hại nếu quý vị phải đợi 72 giờ để nhận quyết định, quý vị có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ cấp tốc. Đây là một quyết định nhanh hơn. Nếu bác sĩ kê đơn của quý vị ủng hộ yêu cầu của quý vị, chúng tôi sẽ ra quyết định trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được lời khai hỗ trợ của bác sĩ kê đơn của quý vị.

B13. Thuốc gốc là gì?

Thuốc gốc được tạo thành từ các hoạt chất tương tự như thuốc biệt dược. Chúng thường có giá thấp hơn thuốc biệt dược và có hiệu quả tương tự. Loại thuốc này thường không có tên nổi tiếng. Thuốc gốc được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt. Có nhiều loại thuốc gốc cho nhiều loại thuốc biệt dược. Thuốc gốc thường có thể thay thế thuốc biệt dược tại nhà huốc mà không cần đơn thuốc mới - tùy thuộc vào luật pháp của tiểu bang.

Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đài thọ cả thuốc thương hiệu và thuốc gốc.

B14. Các sinh phẩm gốc là gì và chúng liên quan đến thuốc sinh học tương tự như thế nào?

Khi đề cập đến thuốc, điều này có thể có nghĩa là một loại thuốc hoặc một sinh phẩm. Sinh phẩm là các loại thuốc phức tạp hơn các loại thuốc thông thường. Do đó, sinh phẩm có các dạng được gọi là thuốc sinh học tương tự thay vì có dạng gốc như thuốc. Nói chung, thuốc sinh học tương tự hoạt động tốt như sinh phẩm gốc và có thể có giá thấp hơn. Có những lựa chọn thay thế thuốc sinh học tương tự cho một số sinh phẩm gốc. Một số thuốc sinh học tương tự là thuốc sinh học tương tự có thể hoán đổi cho nhau và, tùy thuộc vào luật pháp tiểu bang, có thể được thay thế cho sinh phẩm gốc tại nhà thuốc mà không cần đơn thuốc mới, giống như thuốc gốc có thể thay thế cho thuốc biệt dược.

Để biết thêm thông tin về các loại thuốc, hãy tham khảo **Chương 5** trong *Sổ Tay Hội Viên*.

B15. Thuốc OTC (không kê đơn) là gì?

OTC là viết tắt của "over-the-counter" (không kê đơn). Health Plan of San Joaquin/ Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đài thọ một số loại thuốc OTC khi chúng được nhà cung cấp của quý vị kê dưới dạng đơn thuốc.

Quý vị có thể xem *Danh Sách Thuốc* của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP để tìm hiểu những thuốc OTC được đài thọ.

Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP cung cấp các loại thuốc và sản phẩm OTC như một phúc lợi bổ sung Phần C. Để biết thêm thông tin về các phúc lợi bổ sung của quý vị, hãy xem **Chương 4** của *Sổ Tay Hội Viên*.

B16. Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có đài thọ các sản phẩm OTC không phải thuốc không?

Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đài thọ một số sản phẩm OTC không phải thuốc khi chúng được nhà cung cấp của quý vị kê trong đơn thuốc.

Ví dụ về các sản phẩm OTC không phải thuốc bao gồm kim lấy máu, tăm bông tẩm cồn và ống tiêm insulin.

Quý vị có thể xem *Danh Sách Thuốc* của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP để tìm hiểu những sản phẩm OTC không phải thuốc được đài thọ.

B17. Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có đài thọ cho việc cung cấp thuốc kê đơn dài hạn không?

- **Chương Trình Đặt Mua Qua Thư.** Chúng tôi cung cấp chương trình đặt mua qua thư cho phép quý vị nhận được lượng thuốc cho tối đa 90 ngày (Bậc 2, 3 và 4) hoặc 100 ngày (Bậc 1 và 6) trực tiếp tại nhà. Lượng thuốc dành cho 90 ngày hoặc 100 ngày có khoản đồng thanh toán như lượng thuốc trong một tháng.

- **Chương Trình Nhà Thuốc Bán Lẻ 90 Ngày hoặc 100 Ngày.** Một số nhà thuốc bán lẻ cũng có thể cung cấp thuốc được đài cho cho tối đa 90 ngày (Bậc 2, 3 và 4) hoặc 100 ngày (Bậc 1 và 6). Lượng thuốc dành cho 90 ngày hoặc 100 ngày có khoản đồng thanh toán như lượng thuốc trong một tháng.

B18. Khoản đồng thanh toán của tôi là bao nhiêu?

Các hội viên của Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có khoản đồng thanh toán dao động từ $0 đến $12,65 cho các sản phẩm kê đơn và không phải thuốc nếu tuân thủ các quy tắc của chương trình. Tham khảo câu hỏi B15 và B16 để biết thêm thông tin về thuốc OTC và các sản phẩm không phải thuốc.

Bậc là các nhóm thuốc trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi.

- Bậc 1 Thuốc gốc ưu tiên có khoản đồng thanh toán là $0.
- Bậc 2 Thuốc gốc có khoản đồng thanh toán từ $1,60 đến $5,10.
- Bậc 3 Thuốc biệt dược ưu tiên có khoản đồng thanh toán từ $4,90 đến $12,65.
- Bậc 4 Thuốc biệt dược không ưu tiên có khoản đồng thanh toán từ $4,90 đến $12,65.
- Bậc 5 Thuốc gốc đặc trị có khoản đồng thanh toán từ $1,60 đến $5,10.
- Bậc 5 Thuốc biệt dược đặc trị có khoản đồng thanh toán từ $4,90 đến $12,65.
- Bậc 6 Thuốc Chăm Sóc Chọn Lọc có khoản đồng thanh toán là $0.

Nếu quý vị có thắc mắc, hãy gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng theo số điện thoại ở cuối trang này.

C. Tổng quan về *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ*

Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ cung cấp cho quý vị thông tin về các loại thuốc được Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đài thọ. Nếu quý vị gặp khó khăn khi tìm thuốc của mình trong danh sách, hãy chuyển sang Chỉ Mục Thuốc Được Đài Thọ ở **Mục C**. Chỉ mục này liệt kê theo thứ tự bảng chữ cái tất cả các loại thuốc được Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP đài thọ.

Các loại thuốc khác, chẳng hạn như một số loại thuốc không kê đơn (OTC) và một số loại vitamin, có thể được Medi-Cal Rx đài thọ. Vui lòng truy cập trang web Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Thẻ ID Người Thụ Hưởng Medi-Cal (BIC) khi nhận đơn thuốc qua Medi-Cal Rx.

Kháng Cáo Theo Phần D

- Kháng cáo là một cách chính thức để yêu cầu chúng tôi xem lại một quyết định mà chúng tôi đã đưa ra về phạm vi đài thọ của quý vị và thay đổi nếu quý vị cho rằng chúng tôi đã nhầm lẫn.
- Ví dụ, chúng tôi có thể quyết định rằng một loại thuốc mà quý vị muốn không được đài thọ hoặc không còn được Medicare hoặc Medi-Cal đài thọ.
- Nếu quý vị hoặc bác sĩ kê đơn của quý vị không đồng ý với quyết định của chúng tôi, quý vị có thể kháng cáo. Nếu quý vị có câu hỏi, hãy gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng theo các số điện thoại ở cuối trang của tài liệu này.
- Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9** của *Sổ Tay Hội Viên* để tìm hiểu cách kháng cáo một quyết định.
- Các loại thuốc không phải là thuốc Phần D có các quy tắc kháng cáo khác nhau.

C1. Danh Sách Thuốc theo Loại Thuốc

Các loại thuốc trong phần này được nhóm thành các hạng mục tùy thuộc vào loại tình trạng y tế mà chúng được sử dụng để điều trị. Ví dụ, nếu quý vị mắc bệnh tim, quý vị nên tìm trong hạng mục Thuốc Điều Trị Bệnh Tim Mạch. Đó là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

Dưới đây là ý nghĩa của các mã được sử dụng trong cột "Hành động cần thiết, hạn chế hoặc giới hạn sử dụng":

VIẾT TẮT	MÔ TẢ	GIẢI THÍCH
G	Chỉ Báo Thuốc Gốc	Thuốc này được tạo thành từ các thành phần tương tự như thuốc biệt dược.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một hình thức quản lý sử dụng (UM) chỉ định giới hạn số lượng hoặc hạn chế đối với đơn thuốc theo thời gian. Giới hạn số lượng có thể có nhiều hình thức khác nhau, điển hình nhất là hạn chế hàng ngày và hàng tháng đối với việc cấp hoặc cấp lại đơn thuốc.
ST	Trị Liệu Từng Bước	Trước tiên, quý vị phải dùng (các) loại thuốc khác để điều trị tình trạng bệnh lý của mình. Thuốc này chỉ có thể được đài thọ nếu (các) loại thuốc khác không có tác dụng với quý vị.
PA	Chấp Thuận Trước	Quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) phải có chấp thuận trước để khi mua thuốc kê đơn. Nếu không có chấp thuận trước, Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có thể không đài thọ loại thuốc này.
PA NSO	Chấp Thuận Trước – Bắt Đầu Mới	Nếu quý vị chưa từng dùng thuốc này trước đây, quý vị (hoặc bác sĩ kê đơn của quý vị) phải có chấp thuận trước để khi mua thuốc kê đơn.
PA BvD	Chấp Thuận Trước - Phần B so với Phần D	Thuốc này có thể hội đủ điều kiện để thanh toán theo Medicare Phần B hoặc Phần D. Cần xem xét chấp thuận trước dựa trên các quy tắc bảo hiểm của Medicare.
LA	Tiếp Cận Hạn Chế	Thuốc này có thể chỉ có tại một số nhà thuốc. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Danh Mục Nhà Thuốc của quý vị hoặc gọi cho Dịch Vụ Khách Hàng theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 7 ngày/tuần.

VIẾT TẮT	MÔ TẢ	GIẢI THÍCH
AGE	Giới Hạn Độ Tuổi	Thuốc này có giới hạn đài thọ dựa trên các nhóm tuổi. Giới hạn có thể dựa trên cách thuốc được FDA phê duyệt hoặc các cảnh báo đặc biệt khi sử dụng bởi những người ở một số nhóm tuổi nhất định.
NDS	Cung Cấp Theo Ngày Không Kéo Dài	Thuốc này không đủ điều kiện để được cung cấp dài hạn (còn được gọi là "cung cấp kéo dài").
PA-HRM	Chấp Thuận Trước – Thuốc Rủi Ro Cao	Thuốc này đã được CMS coi là có khả năng gây hại và là Thuốc Rủi Ro Cao cho những người thụ hưởng Medicare từ 65 tuổi trở lên. Nếu không có chấp thuận trước, thuốc này có thể không được đài tho cho hội viên từ 65 tuổi trở lên.

Cột đầu tiên của bảng liệt kê tên của thuốc. Thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in nghiêng viết thường (ví dụ: lisinopril), thuốc biệt dược được viết hoa (ví dụ: HUMIRA) và các sản phẩm không phải thuốc được liệt kê bằng chữ thường (ví dụ: kim lấy máu*).* Thông tin trong cột "Hành động cần thiết, hạn chế hoặc giới hạn sử dụng" cho quý vị biết liệu Health Plan of San Joaquin/Mountain Valley Health Plan Advantage D-SNP có bất kỳ quy tắc nào để đài thọ thuốc của quý vị hay không.

Danh Sách Viết Tắt Dạng Bào Chế

Dưới đây là các chữ viết tắt, hoặc dạng rút gọn của từ hoặc cụm từ, có thể được liệt kê trong cột "Tên Thuốc" trong phần tiếp theo.

VIẾT TẮT DẠNG BÀO CHẾ	ĐỊNH NGHĨA
8 hr	8 giờ
12 hr hoặc 12h	12 giờ
24 hr hoặc 24h	24 giờ
72 hr	72 giờ
act	hoạt hóa
admix	chất phụ gia
aero	dạng khí dung
admin	đường dùng
ampul	ống thủy tinh
app, appl	dụng cụ bôi thuốc
auto	tự động

VIẾT TẮT DẠNG BÀO CHẾ	ĐỊNH NGHĨA
cap	viên nang
chew	dạng nhai
CT	số lượng
comb	kết hợp
del, delayed	trì hoãn
disinteg, disintegrat	tan rã
dose	liều dùng
DR	giải phóng chậm
EC	bao tan ruột
emolnt	chất làm mềm
ENFit	đầu nối cho nuôi ăn qua ống
er, ER	giải phóng kéo dài
ext, extnd, extend	kéo dài
gast	dạ dày
HFA	hydrofluoroalkane
hi	cao
IR	giải phóng ngay lập tức
liqd	chất lỏng
lo	thấp
loz, lozenge	viên ngậm
mini lozenge	viên ngậm nhỏ
misc	khác
MP	bơm định lượng
muco	nhầy
pak, pack	gói
PCA	dùng do bệnh nhân tự kiểm soát
pell	hạt nén

VIẾT TẮT DẠNG BÀO CHẾ	ĐỊNH NGHĨA
pk	gói
powdr	bột
pt	bệnh nhân
recon	hoàn nguyên
rel, release	giải phóng
soln	dung dịch
sprink, sprinkl	rắc
susp, suspen	hỗn dịch
syring	ống tiêm
tab	viên nén
TD	qua da
var	thay đổi
w/	với

Table of Contents

Analgesics 27
Anesthetics 31
Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents 31
Antianxiety Agents 32
Antibacterials 34
Anticancer Agents 41
Anticonvulsants 62
Antidementia Agents 68
Antidepressants 69
Antidiabetic Agents 73
Antifungals 79
Antigout Agents 81
Antihistamines 82
Anti-Infectives (Skin And Mucous Membrane) 82
Antimigraine Agents 82
Antimycobacterials 84
Antinausea Agents 84
Antiparasite Agents 85
Antiparkinsonian Agents 87
Antipsychotic Agents 88
Antivirals (Systemic) 96
Blood Products/Modifiers/Volume Expanders 104
Caloric Agents 107
Cardiovascular Agents 107
Central Nervous System Agents 119
Contraceptives 123
Dental And Oral Agents 131

Dermatological Agents 132
Devices 137
Enzyme Cofactors/Chaperones 185
Enzyme Replacement/Modifiers 186
Eye, Ear, Nose, Throat Agents 187
Gastrointestinal Agents 191
Genitourinary Agents 194
Heavy Metal Antagonists 195
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying 196
Immunological Agents 201
Inflammatory Bowel Disease Agents 215
Metabolic Bone Disease Agents 215
Miscellaneous Therapeutic Agents 217
Ophthalmic Agents 218
Replacement Preparations 219
Respiratory Tract Agents 221
Skeletal Muscle Relaxants 226
Sleep Disorder Agents 226
Vasodilating Agents 227
Vitamins And Minerals 227

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Analgesics			
Analgesics, Miscellaneous			
acetaminophen-codeine 300-30 mg/12.5 ml cup inner 300 mg-30 mg /12.5 ml		$0 (Tier 1)	NDS; QL (4500 per 30 days)
acetaminophen-codeine oral solution 120-12 mg/5 ml		$0 (Tier 1)	NDS; QL (4500 per 30 days)
acetaminophen-codeine oral tablet 300-15 mg, 300-30 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (360 per 30 days)
acetaminophen-codeine oral tablet 300-60 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
buprenorphine transdermal patch weekly 10 mcg/hour, 15 mcg/hour, 20 mcg/hour, 5 mcg/hour, 7.5 mcg/hour	(Butrans)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (4 per 28 days)
butalbital-acetaminop-caf-cod oral capsule 50-325-40-30 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; NDS; QL (180 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
butalbital-acetaminophen-caff oral capsule 50-300-40 mg	(Fioricet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; QL (180 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
butalbital-acetaminophen-caff oral capsule 50-325-40 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; QL (180 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
butalbital-acetaminophen-caff oral tablet 50-325-40 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; QL (180 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
endocet oral tablet 10-325 mg	(oxycodone-acetaminophen)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
endocet oral tablet 2.5-325 mg, 5-325 mg	(oxycodone-acetaminophen)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (360 per 30 days)
endocet oral tablet 7.5-325 mg	(oxycodone-acetaminophen)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (240 per 30 days)
fentanyl citrate buccal lozenge on a handle 1,200 mcg, 1,600 mcg, 400 mcg, 600 mcg, 800 mcg		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (120 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
fentanyl citrate buccal lozenge on a handle 200 mcg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; NDS; QL (120 per 30 days)
fentanyl transdermal patch 72 hour 100 mcg/hr, 12 mcg/hr, 25 mcg/hr, 50 mcg/hr, 75 mcg/hr	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (10 per 30 days)
hydrocodone-acetaminophen oral solution 10-300 mg/15 ml, 10-325 mg/15 ml, 7.5-325 mg/15 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (2700 per 30 days)
hydrocodone-acetaminophen oral tablet 10-325 mg, 7.5-325 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
hydrocodone-acetaminophen oral tablet 5-325 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (240 per 30 days)
hydromorphone oral tablet 2 mg, 4 mg, 8 mg (Dilaudid)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
methadone oral tablet 10 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (120 per 30 days)
methadone oral tablet 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
morphine concentrate oral solution 100 mg/5 ml (20 mg/ml)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; NDS; QL (180 per 30 days)
morphine oral solution 10 mg/5 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (700 per 30 days)
morphine oral solution 20 mg/5 ml (4 mg/ml)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (300 per 30 days)
MORPHINE ORAL TABLET 15 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	NDS; QL (180 per 30 days)
MORPHINE ORAL TABLET 30 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	NDS; QL (120 per 30 days)
morphine oral tablet extended release 100 mg, 200 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (60 per 30 days)
morphine oral tablet extended release 15 mg, 30 mg (MS Contin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (90 per 30 days)
morphine oral tablet extended release 60 mg (MS Contin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (60 per 30 days)
oxycodone oral capsule 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
oxycodone oral tablet 10 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
oxycodone oral tablet 15 mg, 30 mg	(Roxicodone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (120 per 30 days)
oxycodone oral tablet 20 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (120 per 30 days)
oxycodone-acetaminophen oral tablet 10-325 mg	(Endocet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (180 per 30 days)
oxycodone-acetaminophen oral tablet 2.5-325 mg, 5-325 mg	(Endocet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (360 per 30 days)
oxycodone-acetaminophen oral tablet 7.5-325 mg	(Endocet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (240 per 30 days)
tramadol oral tablet 50 mg		$0 (Tier 1)	NDS; QL (240 per 30 days)
tramadol-acetaminophen oral tablet 37.5-325 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (300 per 30 days)
Nonsteroidal Anti-Inflammatory Agents			
celecoxib oral capsule 100 mg, 200 mg, 400 mg, 50 mg	(Celebrex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
diclofenac epolamine transdermal patch 12 hour 1.3 %	(Flector)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA; QL (60 per 30 days)
diclofenac potassium oral tablet 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
diclofenac sodium oral tablet extended release 24 hr 100 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diclofenac sodium oral tablet,delayed release (dr/ec) 25 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diclofenac sodium oral tablet,delayed release (dr/ec) 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
diclofenac sodium oral tablet,delayed release (dr/ec) 75 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
diclofenac sodium topical drops 1.5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
diclofenac sodium topical solution in metered-dose pump 20 mg/gram /actuation(2 %)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (224 per 28 days)
diclofenac-misoprostol oral tablet,ir,delayed rel,biphasic 50-200 mg-mcg	(Arthrotec 50)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diclofenac-misoprostol oral tablet,ir,delayed rel,biphasic 75-200 mg-mcg	(Arthrotec 75)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
etodolac oral capsule 200 mg, 300 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
etodolac oral tablet 400 mg	(Lodine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
etodolac oral tablet 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
flurbiprofen oral tablet 100 mg	(Lurbiro)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ibu oral tablet 400 mg	(ibuprofen)	$0 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
ibu oral tablet 600 mg, 800 mg	(ibuprofen)	$0 (Tier 1)	
ibuprofen oral tablet 400 mg	(IBU)	$0 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
ibuprofen oral tablet 600 mg, 800 mg	(IBU)	$0 (Tier 1)	
indomethacin oral capsule 25 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
ketorolac oral tablet 10 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; QL (20 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
meloxicam oral tablet 15 mg, 7.5 mg		$0 (Tier 1)	
nabumetone oral tablet 500 mg, 750 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
naproxen oral tablet 250 mg, 375 mg		$0 (Tier 1)	
naproxen oral tablet 500 mg	(Naprosyn)	$0 (Tier 1)	
naproxen oral tablet,delayed release (dr/ec) 375 mg	(EC-Naprosyn)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sulindac oral tablet 150 mg, 200 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Anesthetics			
Local Anesthetics			
dermacinrx lidocan 5% patch outer	(lidocaine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (90 per 30 days)
glydo mucous membrane jelly in applicator 2 %	(lidocaine hcl)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
lidocaine hcl mucous membrane jelly 2 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
lidocaine hcl mucous membrane jelly in applicator 2 %	(Glydo)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
lidocaine topical adhesive patch,medicated 5 %	(DermacinRx Lidocan)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (90 per 30 days)
lidocaine topical ointment 5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (240 per 30 days)
lidocaine viscous mucous membrane solution 2 %	(lidocaine hcl)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lidocaine-prilocaine topical cream 2.5-2.5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (30 per 30 days)
lidocan iii topical adhesive patch,medicated 5 %	(lidocaine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (90 per 30 days)
tridacaine ii topical adhesive patch,medicated 5 %	(lidocaine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (90 per 30 days)
ZTLIDO TOPICAL ADHESIVE PATCH,MEDICATED 1.8 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (90 per 30 days)
Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents			
Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents			
acamprosate oral tablet,delayed release (dr/ec) 333 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
buprenorphine hcl sublingual tablet 2 mg, 8 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
buprenorphine-naloxone sublingual film 12-3 mg, 2-0.5 mg, 4-1 mg, 8-2 mg	(Suboxone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
buprenorphine-naloxone sublingual tablet 2-0.5 mg, 8-2 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
bupropion hcl (smoking deter) oral tablet extended release 12 hr 150 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
disulfiram oral tablet 250 mg, 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
KLOXXADO NASAL SPRAY,NON-AEROSOL 8 MG/ACTUATION		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)
naloxone injection solution 0.4 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
naloxone injection syringe 0.4 mg/ml, 0.4 mg/ml (prefilled syringe), 1 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
naloxone nasal spray,non-aerosol 4 mg/actuation	(Narcan)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
naltrexone oral tablet 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
NICOTROL NS NASAL SPRAY,NON-AEROSOL 10 MG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (240 per 180 days)
varenicline tartrate oral tablet 0.5 mg, 1 mg	(Chantix)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (336 per 365 days)
varenicline tartrate oral tablet 1 mg (56 pack)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (336 per 365 days)
varenicline tartrate oral tablets,dose pack 0.5 mg (11)- 1 mg (42)	(Chantix Starting Month Box)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Antianxiety Agents			
Benzodiazepines			
alprazolam oral tablet 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg	(Xanax)	$0 (Tier 1)	NDS; QL (120 per 30 days)
alprazolam oral tablet 2 mg	(Xanax)	$0 (Tier 1)	NDS; QL (150 per 30 days)
chlordiazepoxide hcl oral capsule 10 mg, 25 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (120 per 30 days)
clonazepam oral tablet 0.5 mg, 1 mg	(Klonopin)	$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
clonazepam oral tablet 2 mg	(Klonopin)	$0 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
clonazepam oral tablet,disintegrating 0.125 mg, 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
clonazepam oral tablet,disintegrating 2 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)
clorazepate dipotassium oral tablet 15 mg, 3.75 mg, 7.5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
diazepam injection solution 5 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (10 per 28 days)
diazepam injection syringe 5 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diazepam intensol oral concentrate 5 mg/ml	(diazepam)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (1200 per 30 days)
diazepam oral solution 5 mg/5 ml (1 mg/ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (1200 per 30 days)
diazepam oral tablet 10 mg, 2 mg, 5 mg	(Valium)	$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
lorazepam 2 mg/ml oral concent	(Lorazepam Intensol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (150 per 30 days)
lorazepam 4 mg/ml vial inner	(Ativan)	$0 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)
lorazepam injection solution 2 mg/ml	(Ativan)	$0 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)
lorazepam injection solution 4 mg/ml	(Ativan)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (2 per 30 days)
lorazepam injection syringe 2 mg/ml		$0 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)
lorazepam intensol oral concentrate 2 mg/ml	(lorazepam)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (150 per 30 days)
lorazepam oral tablet 0.5 mg, 1 mg	(Ativan)	$0 (Tier 1)	NDS; QL (90 per 30 days)
lorazepam oral tablet 2 mg	(Ativan)	$0 (Tier 1)	NDS; QL (150 per 30 days)
temazepam oral capsule 15 mg, 30 mg	(Restoril)	$0 (Tier 1)	NDS; QL (30 per 30 days)
temazepam oral capsule 22.5 mg	(Restoril)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (30 per 30 days)
temazepam oral capsule 7.5 mg	(Restoril)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	NDS; QL (120 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Antibacterials		
Aminoglycosides		
amikacin injection solution 500 mg/2 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ARIKAYCE INHALATION SUSPENSION FOR NEBULIZATION 590 MG/8.4 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (235.2 per 28 days)
gentamicin injection solution 40 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
gentamicin sulfate (ped) (pf) injection solution 20 mg/2 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
gentamicin sulfate (pf) intravenous solution 100 mg/10 ml, 60 mg/6 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
neomycin oral tablet 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
streptomycin intramuscular recon soln 1 gram	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
TOBI PODHALER INHALATION CAPSULE, W/INHALATION DEVICE 28 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (224 per 28 days)
tobramycin in 0.225 % nacl inhalation solution for nebulization 300 mg/5 ml (Tobi)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
tobramycin sulfate injection solution 10 mg/ml, 40 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Antibacterials, Miscellaneous		
clindamycin hcl oral capsule 150 mg, 300 mg, 75 mg (Cleocin HCl)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clindamycin phosphate injection solution 150 (mg/ml) (4 ml), 150 (mg/ml) (6 ml)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clindamycin phosphate injection solution 150 mg/ml (Cleocin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
colistin (colistimethate na) injection recon soln 150 mg (Coly-Mycin M Parenteral)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
daptomycin intravenous recon soln 350 mg, 500 mg		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
fosfomycin tromethamine oral packet 3 gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
linezolid in dextrose 5% intravenous piggyback 600 mg/300 ml	(Zyvox)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
linezolid oral suspension for reconstitution 100 mg/5 ml	(Zyvox)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
linezolid oral tablet 600 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methenamine hippurate oral tablet 1 gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
metronidazole in nacl (iso-os) intravenous piggyback 500 mg/100 ml	(Metro I.V.)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
metronidazole oral tablet 250 mg, 500 mg		$0 (Tier 1)	
nitrofurantoin macrocrystal oral capsule 100 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
nitrofurantoin monohyd/m-cryst oral capsule 100 mg	(Macrobid)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
trimethoprim oral tablet 100 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
vancomycin intravenous recon soln 1,000 mg, 1.25 gram, 10 gram, 5 gram, 500 mg, 750 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
vancomycin oral capsule 125 mg	(Vancocin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (56 per 14 days)
vancomycin oral capsule 250 mg	(Vancocin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (112 per 14 days)
XIFAXAN ORAL TABLET 200 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (9 per 30 days)
XIFAXAN ORAL TABLET 550 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
Cephalosporins			

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
cefaclor oral capsule 250 mg, 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefadroxil oral capsule 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefadroxil oral suspension for reconstitution 250 mg/5 ml, 500 mg/5 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefazolin injection recon soln 1 gram, 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefazolin intravenous recon soln 10 gram	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefdinir oral capsule 300 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefdinir oral suspension for reconstitution 125 mg/5 ml, 250 mg/5 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefepime injection recon soln 1 gram, 2 gram	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefixime oral capsule 400 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefixime oral tablet 400 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefoxitin intravenous recon soln 1 gram, 10 gram, 2 gram	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefpodoxime oral tablet 100 mg, 200 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefprozil oral tablet 250 mg, 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ceftaroline fosamil intravenous recon soln 400 mg, 600 mg (Teflaro)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
ceftazidime injection recon soln 1 gram, 2 gram, 6 gram (Tazicef)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ceftriaxone injection recon soln 1 gram, 10 gram, 2 gram, 250 mg, 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
cefuroxime axetil oral tablet 250 mg, 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefuroxime sodium injection recon soln 750 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cefuroxime sodium intravenous recon soln 1.5 gram, 7.5 gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cephalexin oral capsule 250 mg, 500 mg		$0 (Tier 1)	
cephalexin oral suspension for reconstitution 125 mg/5 ml, 250 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tazicef injection recon soln 1 gram, 2 gram, 6 gram	(ceftazidime)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Macrolides			
azithromycin intravenous recon soln 500 mg	(Zithromax)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
azithromycin oral suspension for reconstitution 100 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
azithromycin oral suspension for reconstitution 200 mg/5 ml	(Zithromax)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
azithromycin oral tablet 250 mg (6 pack), 500 mg (3 pack), 600 mg		$0 (Tier 1)	
azithromycin oral tablet 250 mg, 500 mg	(Zithromax)	$0 (Tier 1)	
clarithromycin oral suspension for reconstitution 125 mg/5 ml, 250 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clarithromycin oral tablet 250 mg, 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
erythromycin ethylsuccinate oral suspension for reconstitution 200 mg/5 ml	(E.E.S. Granules)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
erythromycin ethylsuccinate oral suspension for reconstitution 400 mg/5 ml	(EryPed 400)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
erythromycin oral tablet 250 mg, 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fidaxomicin oral tablet 200 mg	(Dificid)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (20 per 10 days)
Miscellaneous B-Lactam Antibiotics			
aztreonam injection recon soln 1 gram, 2 gram	(Azactam)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
CAYSTON INHALATION SOLUTION FOR NEBULIZATION 75 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS
ertapenem injection recon soln 1 gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
imipenem-cilastatin intravenous recon soln 250 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
imipenem-cilastatin intravenous recon soln 500 mg	(Primaxin IV)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
meropenem intravenous recon soln 1 gram, 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
meropenem intravenous recon soln 2 gram		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
Penicillins			
amoxicillin oral capsule 250 mg, 500 mg		$0 (Tier 1)	
amoxicillin oral suspension for reconstitution 125 mg/5 ml, 200 mg/5 ml, 250 mg/5 ml, 400 mg/5 ml		$0 (Tier 1)	
amoxicillin oral tablet 500 mg, 875 mg		$0 (Tier 1)	
amoxicillin oral tablet,chewable 125 mg, 250 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
amoxicillin-pot clavulanate oral suspension for reconstitution 200-28.5 mg/5 ml, 400-57 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
amoxicillin-pot clavulanate oral suspension for reconstitution 250-62.5 mg/5 ml	(Augmentin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
amoxicillin-pot clavulanate oral suspension for reconstitution 600-42.9 mg/5 ml (Augmentin ES-600)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
amoxicillin-pot clavulanate oral tablet 250-125 mg, 875-125 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
amoxicillin-pot clavulanate oral tablet 500-125 mg (Augmentin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
amoxicillin-pot clavulanate oral tablet,chewable 200-28.5 mg, 400-57 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ampicillin oral capsule 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ampicillin sodium injection recon soln 1 gram, 10 gram, 125 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ampicillin-sulbactam injection recon soln 1.5 gram, 15 gram, 3 gram (Unasyn)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
BICILLIN L-A INTRAMUSCULAR SYRINGE 1,200,000 UNIT/2 ML, 2,400,000 UNIT/4 ML, 600,000 UNIT/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
dicloxacillin oral capsule 250 mg, 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
EXTENCILLINE INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 1.2 MILLION UNIT, 2.4 MILLION UNIT	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
LENTOCILIN S INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 1.2 MILLION UNIT	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
nafcillin injection recon soln 1 gram, 10 gram, 2 gram	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
penicillin g potassium injection recon soln 20 million unit (Pfizerpen-G)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
penicillin g procaine intramuscular syringe 1.2 million unit/2 ml, 600,000 unit/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
penicillin v potassium oral recon soln 125 mg/5 ml, 250 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
penicillin v potassium oral tablet 250 mg, 500 mg		$0 (Tier 1)	
piperacillin-tazobactam intravenous recon soln 2.25 gram, 3.375 gram, 4.5 gram, 40.5 gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Quinolones			
ciprofloxacin hcl oral tablet 250 mg, 500 mg	(Cipro)	$0 (Tier 1)	
ciprofloxacin hcl oral tablet 750 mg		$0 (Tier 1)	
ciprofloxacin in 5 % dextrose intravenous piggyback 200 mg/100 ml, 400 mg/200 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levofloxacin in d5w intravenous piggyback 250 mg/50 ml, 500 mg/100 ml, 750 mg/150 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levofloxacin oral solution 250 mg/10 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levofloxacin oral tablet 250 mg, 500 mg, 750 mg		$0 (Tier 1)	
moxifloxacin 400 mg/250 ml bag suv, p/f, inner		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
moxifloxacin oral tablet 400 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
moxifloxacin-sod.chloride(iso) intravenous piggyback 400 mg/250 ml	(Avelox in NaCl (iso-osmotic))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Sulfonamides			
sulfadiazine oral tablet 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sulfamethoxazole-trimethoprim oral suspension 200-40 mg/5 ml	(Sulfatrim)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
sulfamethoxazole-trimethoprim oral tablet 400-80 mg	(Bactrim)	$0 (Tier 1)	
sulfamethoxazole-trimethoprim oral tablet 800-160 mg	(Bactrim DS)	$0 (Tier 1)	
Tetracyclines			
demeclocycline oral tablet 150 mg, 300 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxy-100 intravenous recon soln 100 mg	(doxycycline hyclate)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxycycline hyclate intravenous recon soln 100 mg	(Doxy-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxycycline hyclate oral capsule 100 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxycycline hyclate oral capsule 50 mg	(Morgidox)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxycycline hyclate oral tablet 100 mg, 20 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxycycline monohydrate oral capsule 100 mg	(Mondoxyne NL)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxycycline monohydrate oral capsule 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxycycline monohydrate oral suspension for reconstitution 25 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxycycline monohydrate oral tablet 100 mg	(Avidoxy)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxycycline monohydrate oral tablet 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
minocycline oral capsule 100 mg, 50 mg, 75 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tetracycline oral capsule 250 mg, 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tigecycline intravenous recon soln 50 mg	(Tygacil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Anticancer Agents			
Anticancer Agents			

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
abiraterone oral tablet 250 mg	(Abirtega)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
abiraterone oral tablet 500 mg	(Zytiga)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
abiraterone, submicronized oral tablet 125 mg	(Yonsa)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
abirtega oral tablet 250 mg	(abiraterone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA NSO; QL (120 per 30 days)
adrucil intravenous solution 2.5 gram/50 ml	(fluorouracil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
AKEEGA ORAL TABLET 100-500 MG, 50-500 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
ALECENSA ORAL CAPSULE 150 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
ALUNBRIG ORAL TABLET 180 MG, 90 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
ALUNBRIG ORAL TABLET 30 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
ALUNBRIG ORAL TABLETS,DOSE PACK 90 MG (7)-180 MG (23)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
anastrozole oral tablet 1 mg	(Arimidex)	$0 (Tier 1)	
ANKTIVA INTRAVESICAL SOLUTION 400 MCG/0.4 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (1.6 per 28 days)
AUGTYRO ORAL CAPSULE 160 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
AUGTYRO ORAL CAPSULE 40 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
AVMAPKI ORAL CAPSULE 0.8 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (24 per 28 days)
AVMAPKI-FAKZYNJA ORAL COMBO PACK 0.8-200 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (66 per 28 days)
AXTLE INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG, 500 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
AYVAKIT ORAL TABLET 100 MG, 200 MG, 25 MG, 300 MG, 50 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
azacitidine injection recon soln 100 mg	(Vidaza)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
BALVERSA ORAL TABLET 3 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (84 per 28 days)
BALVERSA ORAL TABLET 4 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)
BALVERSA ORAL TABLET 5 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
bendamustine intravenous recon soln 100 mg, 25 mg	(Treanda)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
BENDAMUSTINE INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML	(Bendeka)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
BENDEKA INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML	(bendamustine)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
bexarotene oral capsule 75 mg	(Targretin)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
bexarotene topical gel 1 %	(Targretin)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
bicalutamide oral tablet 50 mg	(Casodex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
BIZENGRI INTRAVENOUS SOLUTION 375 MG/18.75 ML (20 MG/ML)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (75 per 28 days)
bleomycin injection recon soln 15 unit, 30 unit		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
bortezomib injection recon soln 1 mg, 2.5 mg		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO
bortezomib injection recon soln 3.5 mg	(Velcade)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
BORUZU INJECTION SOLUTION 2.5 MG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BOSULIF ORAL CAPSULE 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
BOSULIF ORAL CAPSULE 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
BOSULIF ORAL TABLET 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
BOSULIF ORAL TABLET 400 MG, 500 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
BRAFTOVI ORAL CAPSULE 75 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
BRUKINSA ORAL CAPSULE 80 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
BRUKINSA ORAL TABLET 160 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
CABOMETYX ORAL TABLET 20 MG, 60 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
CABOMETYX ORAL TABLET 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
CALQUENCE (ACALABRUTINIB MAL) ORAL TABLET 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
CALQUENCE ORAL CAPSULE 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
CAMCEVI (6 MONTH) SUBCUTANEOUS SYRINGE 42 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO
CAPRELSA ORAL TABLET 100 MG (vandetanib)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
CAPRELSA ORAL TABLET 300 MG (vandetanib)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
COMETRIQ ORAL CAPSULE 100 MG/DAY(80 MG X1-20 MG X1), 60 MG/DAY (20 MG X 3/DAY)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
COMETRIQ ORAL CAPSULE 140 MG/DAY(80 MG X1-20 MG X3)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
COPIKTRA ORAL CAPSULE 15 MG, 25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
COTELLIC ORAL TABLET 20 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS; QL (63 per 28 days)
cyclophosphamide intravenous recon soln 1 gram, 2 gram, 500 mg	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
cyclophosphamide intravenous solution 100 mg/ml, 200 mg/ml	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
cyclophosphamide intravenous solution 500 mg/ml (Frindovyx)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
cyclophosphamide oral capsule 25 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD; ST
cyclophosphamide oral tablet 25 mg, 50 mg	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA BvD; ST
DANYELZA INTRAVENOUS SOLUTION 4 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 28 days)
DANZITEN ORAL TABLET 71 MG, 95 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
dasatinib oral tablet 100 mg, 140 mg, 50 mg, 70 mg, 80 mg (Sprycel)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
dasatinib oral tablet 20 mg (Sprycel)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
DATROWAY INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
DAURISMO ORAL TABLET 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
DAURISMO ORAL TABLET 25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
decitabine intravenous recon soln 50 mg	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
doxorubicin, peg-liposomal intravenous suspension 2 mg/ml (Caelyx)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
ELAHERE INTRAVENOUS SOLUTION 5 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ELIGARD (3 MONTH) SUBCUTANEOUS SYRINGE 22.5 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ELIGARD (4 MONTH) SUBCUTANEOUS SYRINGE 30 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO
ELIGARD (6 MONTH) SUBCUTANEOUS SYRINGE 45 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO
ELIGARD SUBCUTANEOUS SYRINGE 7.5 MG (1 MONTH)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO
ELREXFIO 44 MG/1.1 ML VIAL INNER, SUV, P/F 40 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ELREXFIO SUBCUTANEOUS SOLUTION 40 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (9.5 per 28 days)
EMCYT ORAL CAPSULE 140 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
EMRELIS INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG, 20 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ENSACOVE ORAL CAPSULE 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
ENSACOVE ORAL CAPSULE 25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (270 per 30 days)
EPKINLY SUBCUTANEOUS SOLUTION 4 MG/0.8 ML, 48 MG/0.8 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ERBITUX INTRAVENOUS SOLUTION 100 MG/50 ML, 200 MG/100 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ERIVEDGE ORAL CAPSULE 150 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
ERLEADA ORAL TABLET 240 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
ERLEADA ORAL TABLET 60 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
erlotinib oral tablet 100 mg, 25 mg	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
erlotinib oral tablet 150 mg	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ETOPOPHOS INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
etoposide intravenous solution 20 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
EULEXIN ORAL CAPSULE 125 MG	(flutamide)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
everolimus (antineoplastic) oral tablet 10 mg	(Torpenz)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)
everolimus (antineoplastic) oral tablet 2.5 mg	(Torpenz)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
everolimus (antineoplastic) oral tablet 5 mg	(Torpenz)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
everolimus (antineoplastic) oral tablet 7.5 mg	(Torpenz)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
everolimus (antineoplastic) oral tablet for suspension 2 mg, 3 mg, 5 mg	(Afinitor Disperz)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
exemestane oral tablet 25 mg	(Aromasin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
FAKZYNJA ORAL TABLET 200 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (42 per 28 days)
FIRMAGON KIT W DILUENT SYRINGE SUBCUTANEOUS RECON SOLN 120 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
FIRMAGON KIT W DILUENT SYRINGE SUBCUTANEOUS RECON SOLN 80 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA BvD
floxuridine injection recon soln 0.5 gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
fluorouracil intravenous solution 1 gram/20 ml, 5 gram/100 ml, 500 mg/10 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
flutamide oral capsule 125 mg	(Eulexin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
FOTIVDA ORAL CAPSULE 0.89 MG, 1.34 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
FRUZAQLA ORAL CAPSULE 1 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (84 per 28 days)
FRUZAQLA ORAL CAPSULE 5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
fulvestrant intramuscular syringe 250 mg/5 ml (Faslodex)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
FYARRO INTRAVENOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
GAVRETO ORAL CAPSULE 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
gefitinib oral tablet 250 mg (Iressa)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
GILOTRIF ORAL TABLET 20 MG, 30 MG, 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
GOMEKLI ORAL CAPSULE 1 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (224 per 28 days)
GOMEKLI ORAL CAPSULE 2 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
GOMEKLI ORAL TABLET FOR SUSPENSION 1 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (224 per 28 days)
HERCEPTIN HYLECTA SUBCUTANEOUS SOLUTION 600 MG-10,000 UNIT/5 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (5 per 21 days)
HERNEXEOS ORAL TABLET 60 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
hydroxyurea oral capsule 500 mg (Hydrea)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
HYRNUO ORAL TABLET 10 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
IBRANCE ORAL CAPSULE 100 MG, 125 MG, 75 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
IBRANCE ORAL TABLET 100 MG, 125 MG, 75 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
IBTROZI ORAL CAPSULE 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ICLUSIG ORAL TABLET 10 MG, 15 MG, 30 MG, 45 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
IDHIFA ORAL TABLET 100 MG, 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
ifosfamide intravenous recon soln 1 gram (Ifex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ifosfamide intravenous solution 1 gram/20 ml, 3 gram/60 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
imatinib oral tablet 100 mg (Gleevec)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA NSO; QL (180 per 30 days)
imatinib oral tablet 400 mg (Gleevec)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA NSO; QL (60 per 30 days)
IMBRUVICA ORAL CAPSULE 140 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
IMBRUVICA ORAL CAPSULE 70 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
IMBRUVICA ORAL SUSPENSION 70 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (216 per 30 days)
IMBRUVICA ORAL TABLET 140 MG, 280 MG, 420 MG, 560 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
IMDELLTRA INTRAVENOUS RECON SOLN 1 MG, 10 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
IMJUDO INTRAVENOUS SOLUTION 20 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
IMKELDI ORAL SOLUTION 80 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (280 per 28 days)
INLEXZO INTRAVESICAL IMPLANT 225 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
INLURIYO ORAL TABLET 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
INLYTA ORAL TABLET 1 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
INLYTA ORAL TABLET 5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
INQOVI ORAL TABLET 35-100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (5 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INREBIC ORAL CAPSULE 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
ITOVEBI ORAL TABLET 3 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
ITOVEBI ORAL TABLET 9 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
IWILFIN ORAL TABLET 192 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
JAKAFI ORAL TABLET 10 MG, 15 MG, 20 MG, 25 MG, 5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
JAYPIRCA ORAL TABLET 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
JAYPIRCA ORAL TABLET 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
JEMPERLI INTRAVENOUS SOLUTION 50 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
JYLAMVO ORAL SOLUTION 2 MG/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD; ST
KEYTRUDA INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
KEYTRUDA QLEX SUBCUTANEOUS SOLUTION 395 MG-4,800 UNIT/2.4 ML, 790 MG-9,600 UNIT/4.8 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
KIMMTRAK INTRAVENOUS SOLUTION 100 MCG/0.5 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (2 per 28 days)
KISQALI 200 MG DAILY DOSE 200 MG/DAY (200 MG X 1)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
KISQALI FEMARA CO-PACK ORAL TABLET 200 MG/DAY(200 MG X 1)-2.5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (49 per 28 days)
KISQALI FEMARA CO-PACK ORAL TABLET 400 MG/DAY(200 MG X 2)-2.5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (70 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
KISQALI FEMARA CO-PACK ORAL TABLET 600 MG/DAY(200 MG X 3)-2.5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (91 per 28 days)
KISQALI ORAL TABLET 200 MG/DAY (200 MG X 1)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
KISQALI ORAL TABLET 400 MG/DAY (200 MG X 2)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (42 per 28 days)
KISQALI ORAL TABLET 600 MG/DAY (200 MG X 3)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (63 per 28 days)
KOMZIFTI ORAL CAPSULE 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
KOSELUGO ORAL CAPSULE 10 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (300 per 30 days)
KOSELUGO ORAL CAPSULE 25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
KOSELUGO ORAL CAPSULE, SPRINKLE 5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (600 per 30 days)
KOSELUGO ORAL CAPSULE, SPRINKLE 7.5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (390 per 30 days)
KRAZATI ORAL TABLET 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
lapatinib oral tablet 250 mg (Tykerb)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LAZCLUZE ORAL TABLET 240 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
LAZCLUZE ORAL TABLET 80 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
lenalidomide oral capsule 10 mg, 15 mg, 2.5 mg, 20 mg, 25 mg, 5 mg (Revlimid)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
LENVIMA ORAL CAPSULE 10 MG/DAY (10 MG X 1), 12 MG/DAY (4 MG X 3), 14 MG/DAY(10 MG X 1-4 MG X 1), 18 MG/DAY (10 MG X 1-4 MG X2), 20 MG/DAY (10 MG X 2), 24 MG/DAY(10 MG X 2-4 MG X 1), 4 MG, 8 MG/DAY (4 MG X 2)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
letrozole oral tablet 2.5 mg	(Femara)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
LEUKERAN ORAL TABLET 2 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
leuprolide acetate (3 month) intramuscular suspension for reconstitution 22.5 mg	(Lutrate Depot (3 month))	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO
leuprolide subcutaneous kit 1 mg/0.2 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA NSO
lomustine oral capsule 10 mg	(Gleostine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lomustine oral capsule 100 mg, 40 mg	(Gleostine)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
LONSURF ORAL TABLET 15-6.14 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (100 per 28 days)
LONSURF ORAL TABLET 20-8.19 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (80 per 28 days)
LOQTORZI INTRAVENOUS SOLUTION 240 MG/6 ML (40 MG/ML)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LORBRENA ORAL TABLET 100 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
LORBRENA ORAL TABLET 25 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
LUMAKRAS ORAL TABLET 120 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
LUMAKRAS ORAL TABLET 240 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
LUMAKRAS ORAL TABLET 320 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
LUNSUMIO INTRAVENOUS SOLUTION 1 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUNSUMIO VELO SUBCUTANEOUS SOLUTION 45 MG/ML, 5 MG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LUPRON DEPOT (3 MONTH) INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 22.5 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUPRON DEPOT (4 MONTH) INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 30 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUPRON DEPOT (6 MONTH) INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 45 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUPRON DEPOT INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 7.5 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUTRATE DEPOT (3 MONTH) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 22.5 MG	(leuprolide acetate (3 month))	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO
LYNOZYFIC INTRAVENOUS SOLUTION 2 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (15 per 8 days)
LYNOZYFIC INTRAVENOUS SOLUTION 20 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (40 per 28 days)
LYNPARZA ORAL TABLET 100 MG, 150 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
LYSODREN ORAL TABLET 500 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
LYTGOBI ORAL TABLET 12 MG/DAY (4 MG X 3), 16 MG/DAY (4 MG X 4), 20 MG/DAY (4 MG X 5)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (140 per 28 days)
MARGENZA INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
MATULANE ORAL CAPSULE 50 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
megestrol oral tablet 20 mg, 40 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
MEKINIST ORAL RECON SOLN 0.05 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (1260 per 30 days)
MEKINIST ORAL TABLET 0.5 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
MEKINIST ORAL TABLET 2 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
MEKTOVI ORAL TABLET 15 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
mercaptopurine oral suspension 20 mg/ml (Purixan)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
mercaptopurine oral tablet 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methotrexate sodium (pf) injection recon soln 1 gram	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methotrexate sodium (pf) injection solution 25 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methotrexate sodium injection solution 25 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methotrexate sodium oral tablet 2.5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD; ST
mitoxantrone intravenous concentrate 2 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
MODEYSO ORAL CAPSULE 125 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (20 per 28 days)
NERLYNX ORAL TABLET 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
nilotinib hcl oral capsule 150 mg, 200 mg (Tasigna)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
nilotinib hcl oral capsule 50 mg (Tasigna)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
nilutamide oral tablet 150 mg	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
NINLARO ORAL CAPSULE 2.3 MG, 3 MG, 4 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (3 per 28 days)
NUBEQA ORAL TABLET 300 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
ODOMZO ORAL CAPSULE 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS
OGIVRI INTRAVENOUS RECON SOLN 150 MG, 420 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
OGSIVEO ORAL TABLET 100 MG, 150 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
OGSIVEO ORAL TABLET 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
OJEMDA ORAL SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 25 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (96 per 28 days)
OJEMDA ORAL TABLET 400 MG/WEEK (100 MG X 4), 500 MG/WEEK (100 MG X 5), 600 MG/WEEK (100 MG X 6)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (24 per 28 days)
OJJAARA ORAL TABLET 100 MG, 150 MG, 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
ONUREG ORAL TABLET 200 MG, 300 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (14 per 28 days)
OPDIVO INTRAVENOUS SOLUTION 100 MG/10 ML, 120 MG/12 ML, 240 MG/24 ML, 40 MG/4 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
OPDIVO QVANTIG SUBCUTANEOUS SOLUTION 300 MG-5,000 UNIT/2.5 ML, 600 MG-10,000 UNIT/5 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
OPDUALAG INTRAVENOUS SOLUTION 240-80 MG/20 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ORSERDU ORAL TABLET 345 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
ORSERDU ORAL TABLET 86 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
paclitaxel protein-bound intravenous suspension for reconstitution 100 mg (Abraxane)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
pazopanib oral tablet 200 mg (Votrient)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
pazopanib oral tablet 400 mg	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
PEMAZYRE ORAL TABLET 13.5 MG, 4.5 MG, 9 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
pemetrexed disodium intravenous recon soln 1,000 mg, 100 mg, 500 mg, 750 mg	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
pemetrexed disodium intravenous solution 25 mg/ml	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
PEMRYDI RTU INTRAVENOUS SOLUTION 10 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
PIQRAY ORAL TABLET 200 MG/DAY (200 MG X 1)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
PIQRAY ORAL TABLET 250 MG/DAY (200 MG X1-50 MG X1), 300 MG/DAY (150 MG X 2)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)
pomalidomide oral capsule 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg (Pomalyst)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
POMALYST ORAL CAPSULE 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG (pomalidomide)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (21 per 28 days)
QINLOCK ORAL TABLET 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
RETEVMO ORAL CAPSULE 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
RETEVMO ORAL CAPSULE 80 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
RETEVMO ORAL TABLET 120 MG, 160 MG, 80 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
RETEVMO ORAL TABLET 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
REVUFORJ ORAL TABLET 110 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
REVUFORJ ORAL TABLET 160 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
REVUFORJ ORAL TABLET 25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
REZLIDHIA ORAL CAPSULE 150 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RITUXAN HYCELA SUBCUTANEOUS SOLUTION 1400 MG/11.7 ML (120 MG/ML), 1600 MG/13.4 ML (120 MG/ML)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ROMVIMZA ORAL CAPSULE 14 MG, 20 MG, 30 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (8 per 28 days)
ROZLYTREK ORAL CAPSULE 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
ROZLYTREK ORAL CAPSULE 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
ROZLYTREK ORAL PELLETS IN PACKET 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (360 per 30 days)
RUBRACA ORAL TABLET 200 MG, 250 MG, 300 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
RYBREVANT FASPRO SUBCUTANEOUS SOLUTION 1,600 MG-20,000 UNIT/10 ML, 2,240 MG-28,000 UNIT/14 ML, 2,400 MG-30,000 UNIT/15 ML, 3,520 MG-44,000 UNIT/22 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
RYBREVANT INTRAVENOUS SOLUTION 50 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
RYDAPT ORAL CAPSULE 25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (224 per 28 days)
RYTELO INTRAVENOUS RECON SOLN 188 MG, 47 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
SCEMBLIX ORAL TABLET 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
SCEMBLIX ORAL TABLET 20 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
SCEMBLIX ORAL TABLET 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (300 per 30 days)
SOLTAMOX ORAL SOLUTION 20 MG/10 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
sorafenib oral tablet 200 mg (Nexavar)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
STIVARGA ORAL TABLET 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (84 per 28 days)
sunitinib malate oral capsule 12.5 mg, 25 mg, 37.5 mg, 50 mg (Sutent)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 28 days)
SYNRIBO SUBCUTANEOUS RECON SOLN 3.5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
TABLOID ORAL TABLET 40 MG (thioguanine)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
TABRECTA ORAL TABLET 150 MG, 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
TAFINLAR ORAL CAPSULE 50 MG, 75 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
TAFINLAR ORAL TABLET FOR SUSPENSION 10 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (900 per 30 days)
TAGRISSO ORAL TABLET 40 MG, 80 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS; QL (30 per 30 days)
TALVEY SUBCUTANEOUS SOLUTION 2 MG/ML, 40 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
TALZENNA ORAL CAPSULE 0.1 MG, 0.25 MG, 0.35 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
tamoxifen oral tablet 10 mg, 20 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
TASIGNA ORAL CAPSULE 150 MG, 200 MG (nilotinib hcl)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (112 per 28 days)
TASIGNA ORAL CAPSULE 50 MG (nilotinib hcl)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
TAZVERIK ORAL TABLET 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
TECVAYLI SUBCUTANEOUS SOLUTION 10 MG/ML, 90 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
TEPMETKO ORAL TABLET 225 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
TEVIMBRA INTRAVENOUS SOLUTION 10 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TIBSOVO ORAL TABLET 250 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
TICE BCG INTRAVESICAL SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 50 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
TIVDAK INTRAVENOUS RECON SOLN 40 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (5 per 21 days)
toposar intravenous solution 20 mg/ml	(etoposide)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
toremifene oral tablet 60 mg	(Fareston)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
torpenz oral tablet 10 mg	(everolimus (antineoplastic))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
torpenz oral tablet 2.5 mg, 5 mg, 7.5 mg	(everolimus (antineoplastic))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
TRELSTAR INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 11.25 MG, 22.5 MG, 3.75 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO
tretinoin (antineoplastic) oral capsule 10 mg		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
TRUQAP ORAL TABLET 160 MG, 200 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (64 per 28 days)
TRUXIMA INTRAVENOUS SOLUTION 10 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
TUKYSA ORAL TABLET 150 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
TUKYSA ORAL TABLET 50 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (300 per 30 days)
TURALIO ORAL CAPSULE 125 MG, 200 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
VANFLYTA ORAL TABLET 17.7 MG, 26.5 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
VENCLEXTA ORAL TABLET 10 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA NSO; LA; QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VENCLEXTA ORAL TABLET 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS; QL (180 per 30 days)
VENCLEXTA ORAL TABLET 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS; QL (30 per 30 days)
VENCLEXTA STARTING PACK ORAL TABLETS,DOSE PACK 10 MG-50 MG- 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; LA; NDS
VERZENIO ORAL TABLET 100 MG, 150 MG, 200 MG, 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)
vinorelbine intravenous solution 10 mg/ml, 50 mg/5 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
VITRAKVI ORAL CAPSULE 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
VITRAKVI ORAL CAPSULE 25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
VITRAKVI ORAL SOLUTION 20 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (300 per 30 days)
VIVIMUSTA INTRAVENOUS (bendamustine) SOLUTION 25 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
VIZIMPRO ORAL TABLET 15 MG, 30 MG, 45 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
VONJO ORAL CAPSULE 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
VORANIGO ORAL TABLET 10 MG, 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
VYLOY INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG, 300 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
WELIREG ORAL TABLET 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
XALKORI ORAL CAPSULE 200 MG, 250 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
XALKORI ORAL PELLET 150 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
XALKORI ORAL PELLET 20 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
XALKORI ORAL PELLET 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
XATMEP ORAL SOLUTION 2.5 MG/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD; ST
XOSPATA ORAL TABLET 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
XPOVIO ORAL TABLET 100 MG/WEEK (50 MG X 2), 40MG TWICE WEEK (40 MG X 2), 80 MG/WEEK (40 MG X 2), 80 MG/WEEK (80 MG X 1)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (8 per 28 days)
XPOVIO ORAL TABLET 40 MG/WEEK (10 MG X 4)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (16 per 28 days)
XPOVIO ORAL TABLET 40 MG/WEEK (40 MG X 1), 60 MG/WEEK (60 MG X 1)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (4 per 28 days)
XPOVIO ORAL TABLET 60MG TWICE WEEK (120 MG/WEEK)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (24 per 28 days)
XPOVIO ORAL TABLET 80MG TWICE WEEK (160 MG/WEEK)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (32 per 28 days)
XTANDI ORAL CAPSULE 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
XTANDI ORAL TABLET 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
XTANDI ORAL TABLET 80 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
YERVOY INTRAVENOUS SOLUTION 200 MG/40 ML (5 MG/ML), 50 MG/10 ML (5 MG/ML)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
YONSA ORAL TABLET 125 MG (abiraterone, submicronized)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
ZEJULA ORAL CAPSULE 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (90 per 30 days)
ZEJULA ORAL TABLET 100 MG, 200 MG, 300 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ZELBORAF ORAL TABLET 240 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (240 per 30 days)
ZIIHERA INTRAVENOUS RECON SOLN 300 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ZIRABEV INTRAVENOUS SOLUTION 25 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ZOLADEX SUBCUTANEOUS IMPLANT 10.8 MG, 3.6 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO
ZOLINZA ORAL CAPSULE 100 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
ZYDELIG ORAL TABLET 100 MG, 150 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
ZYKADIA ORAL TABLET 150 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (84 per 28 days)
ZYNLONTA INTRAVENOUS RECON SOLN 10 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ZYNYZ INTRAVENOUS SOLUTION 500 MG/20 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (20 per 28 days)
Anticonvulsants			
Anticonvulsants			
BRIVIACT INTRAVENOUS SOLUTION 50 MG/5 ML	(brivaracetam)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (80 per 30 days)
BRIVIACT ORAL SOLUTION 10 MG/ML	(brivaracetam)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (600 per 30 days)
BRIVIACT ORAL TABLET 10 MG, 100 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	(brivaracetam)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (60 per 30 days)
carbamazepine 100 mg/5 ml cup outer 100 mg/5 ml (5 ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
carbamazepine oral capsule, er multiphase 12 hr 100 mg, 200 mg, 300 mg	(Carbatrol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
carbamazepine oral suspension 100 mg/5 ml	(Tegretol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
carbamazepine oral tablet 200 mg	(Tegretol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
carbamazepine oral tablet extended release 12 hr 100 mg, 200 mg, 400 mg	(Tegretol XR)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
carbamazepine oral tablet,chewable 100 mg, 200 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clobazam oral suspension 2.5 mg/ml	(Onfi)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (480 per 30 days)
clobazam oral tablet 10 mg, 20 mg	(Onfi)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
DIACOMIT ORAL CAPSULE 250 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (360 per 30 days)
DIACOMIT ORAL CAPSULE 500 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
DIACOMIT ORAL POWDER IN PACKET 250 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (360 per 30 days)
DIACOMIT ORAL POWDER IN PACKET 500 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
diazepam rectal kit 12.5-15-17.5-20 mg, 5-7.5-10 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diazepam rectal kit 2.5 mg		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
DILANTIN ORAL CAPSULE 30 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
divalproex oral capsule, delayed rel sprinkle 125 mg	(Depakote Sprinkles)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
divalproex oral tablet extended release 24 hr 250 mg, 500 mg	(Depakote ER)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
divalproex oral tablet,delayed release (dr/ec) 125 mg, 250 mg, 500 mg	(Depakote)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ELEPSIA XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 1,000 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (90 per 30 days)
ELEPSIA XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 1,500 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EPIDIOLEX ORAL SOLUTION 100 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
epitol oral tablet 200 mg	(carbamazepine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
eslicarbazepine oral tablet 200 mg, 400 mg	(Aptiom)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)
eslicarbazepine oral tablet 600 mg, 800 mg	(Aptiom)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (60 per 30 days)
ethosuximide oral capsule 250 mg	(Zarontin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ethosuximide oral solution 250 mg/5 ml	(Zarontin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
felbamate oral suspension 600 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
felbamate oral tablet 400 mg, 600 mg	(Felbatol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
FINTEPLA ORAL SOLUTION 2.2 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
fosphenytoin injection solution 100 mg pe/2 ml, 500 mg pe/10 ml	(Cerebyx)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
gabapentin oral capsule 100 mg, 300 mg	(Neurontin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (360 per 30 days)
gabapentin oral capsule 400 mg	(Neurontin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (270 per 30 days)
gabapentin oral solution 250 mg/5 ml	(Neurontin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (2160 per 30 days)
gabapentin oral tablet 600 mg	(Neurontin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
gabapentin oral tablet 800 mg	(Neurontin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
lacosamide intravenous solution 200 mg/20 ml	(Vimpat)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (200 per 5 days)
lacosamide oral solution 10 mg/ml	(Vimpat)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (1200 per 30 days)
lacosamide oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 50 mg	(Vimpat)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
lamotrigine oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 25 mg	(Subvenite)	$0 (Tier 1)	
lamotrigine oral tablet, chewable dispersible 25 mg, 5 mg	(Lamictal)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lamotrigine oral tablet,disintegrating 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg	(Lamictal ODT)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levetiracetam intravenous solution 500 mg/5 ml	(Keppra)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levetiracetam oral solution 100 mg/ml	(Keppra)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levetiracetam oral tablet 1,000 mg, 250 mg, 500 mg, 750 mg	(Keppra)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levetiracetam oral tablet extended release 24 hr 500 mg, 750 mg	(Keppra XR)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levetiracetam oral tablet for suspension 250 mg	(Spritam)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST
levetiracetam oral tablet for suspension 500 mg	(Spritam)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST
LIBERVANT BUCCAL FILM 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 5 MG, 7.5 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (10 per 30 days)
methsuximide oral capsule 300 mg	(Celontin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
NAYZILAM NASAL SPRAY,NON-AEROSOL 5 MG/SPRAY (0.1 ML)		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (10 per 30 days)
oxcarbazepine oral suspension 300 mg/5 ml (60 mg/ml)	(Trileptal)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
oxcarbazepine oral tablet 150 mg, 300 mg, 600 mg	(Trileptal)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
perampanel oral suspension 0.5 mg/ml	(Fycompa)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (720 per 30 days)
perampanel oral tablet 10 mg, 12 mg, 8 mg	(Fycompa)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)
perampanel oral tablet 2 mg	(Fycompa)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
perampanel oral tablet 4 mg, 6 mg	(Fycompa)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (60 per 30 days)
phenobarbital oral elixir 20 mg/5 ml (4 mg/ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
phenobarbital oral tablet 100 mg, 15 mg, 16.2 mg, 30 mg, 32.4 mg, 60 mg, 64.8 mg, 97.2 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
phenytek oral capsule 200 mg, 300 mg	(phenytoin sodium extended)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
phenytoin oral suspension 125 mg/5 ml	(Dilantin-125)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
phenytoin oral tablet,chewable 50 mg	(Dilantin Infatabs)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
phenytoin sodium extended oral capsule 100 mg	(Dilantin Extended)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
phenytoin sodium extended oral capsule 200 mg, 300 mg	(Phenytek)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
phenytoin sodium intravenous solution 50 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
phenytoin sodium intravenous syringe 50 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
pregabalin oral capsule 100 mg, 150 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg	(Lyrica)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
pregabalin oral capsule 225 mg, 300 mg	(Lyrica)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
pregabalin oral solution 20 mg/ml	(Lyrica)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (900 per 30 days)
primidone oral tablet 125 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
primidone oral tablet 250 mg, 50 mg	(Mysoline)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
rufinamide oral suspension 40 mg/ml	(Banzel)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS
rufinamide oral tablet 200 mg	(Banzel)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
rufinamide oral tablet 400 mg	(Banzel)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS
SEZABY INTRAVENOUS RECON SOLN 100 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
SPRITAM ORAL TABLET FOR SUSPENSION 1,000 MG, 750 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST
SPRITAM ORAL TABLET FOR SUSPENSION 250 MG, 500 MG	(levetiracetam)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST
SUBVENITE ORAL SUSPENSION 10 MG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA NSO
subvenite oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 25 mg	(lamotrigine)	$0 (Tier 1)	
SYMPAZAN ORAL FILM 10 MG, 20 MG, 5 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (60 per 30 days)
tiagabine oral tablet 12 mg, 16 mg, 2 mg, 4 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
topiramate oral capsule, sprinkle 15 mg, 25 mg	(Topamax)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
topiramate oral capsule, sprinkle 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
topiramate oral solution 25 mg/ml	(Eprontia)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST
topiramate oral tablet 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg	(Topamax)	$0 (Tier 1)	
valproate sodium intravenous solution 500 mg/5 ml (100 mg/ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
valproic acid (as sodium salt) oral solution 250 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
valproic acid oral capsule 250 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
VALTOCO NASAL SPRAY,NON-AEROSOL 10 MG/SPRAY (0.1 ML), 15 MG/2 SPRAY (7.5/0.1ML X 2), 20 MG/2 SPRAY (10MG/0.1ML X2), 5 MG/SPRAY (0.1 ML)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (10 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
vigabatrin oral powder in packet 500 mg	(Vigadrone)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
vigabatrin oral tablet 500 mg	(Vigadrone)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
vigadrone oral powder in packet 500 mg	(vigabatrin)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
vigadrone oral tablet 500 mg	(vigabatrin)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
vigpoder oral powder in packet 500 mg	(vigabatrin)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (180 per 30 days)
XCOPRI MAINTENANCE PACK ORAL TABLET 250MG/DAY(150 MG X1-100MG X1), 350 MG/DAY (200 MG X1-150MG X1)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (56 per 28 days)
XCOPRI ORAL TABLET 100 MG, 25 MG, 50 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)
XCOPRI ORAL TABLET 150 MG, 200 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (60 per 30 days)
XCOPRI TITRATION PACK ORAL TABLETS,DOSE PACK 12.5 MG (14)- 25 MG (14)		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
XCOPRI TITRATION PACK ORAL TABLETS,DOSE PACK 150 MG (14)- 200 MG (14), 50 MG (14)- 100 MG (14)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
ZONISADE ORAL SUSPENSION 100 MG/5 ML		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
zonisamide oral capsule 100 mg, 25 mg	(Zonegran)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
zonisamide oral capsule 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ZTALMY ORAL SUSPENSION 50 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (1080 per 30 days)
Antidementia Agents			
Antidementia Agents			
donepezil oral tablet 10 mg, 5 mg	(Aricept)	$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
donepezil oral tablet 23 mg (Aricept)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
donepezil oral tablet,disintegrating 10 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
donepezil oral tablet,disintegrating 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ergoloid oral tablet 1 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
galantamine oral capsule,ext rel. pellets 24 hr 16 mg, 24 mg, 8 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
galantamine oral solution 4 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (200 per 30 days)
galantamine oral tablet 12 mg, 4 mg, 8 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
memantine oral capsule,sprinkle,er 24hr 14 mg, 21 mg, 28 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (30 per 30 days)
memantine oral capsule,sprinkle,er 24hr 7 mg (Namenda XR)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (30 per 30 days)
memantine oral solution 2 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)
memantine oral tablet 10 mg, 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
rivastigmine tartrate oral capsule 1.5 mg, 3 mg, 4.5 mg, 6 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
rivastigmine transdermal patch 24 hour 13.3 mg/24 hour, 4.6 mg/24 hour, 9.5 mg/24 hour (Exelon Patch)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
Antidepressants		
Antidepressants		
amitriptyline oral tablet 10 mg, 100 mg, 150 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
amoxapine oral tablet 100 mg, 150 mg, 25 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
AUVELITY ORAL TABLET, IR AND ER, BIPHASIC 45-105 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
bupropion hcl oral tablet 100 mg, 75 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
bupropion hcl oral tablet extended release 24 hr 150 mg, 300 mg	(Wellbutrin XL)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
bupropion hcl oral tablet sustained-release 12 hr 100 mg, 150 mg, 200 mg	(Wellbutrin SR)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
citalopram oral solution 10 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
citalopram oral tablet 10 mg	(Celexa)	$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
citalopram oral tablet 20 mg, 40 mg	(Celexa)	$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
clomipramine oral capsule 25 mg, 50 mg, 75 mg	(Anafranil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
desipramine oral tablet 10 mg, 25 mg	(Norpramin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
desipramine oral tablet 100 mg, 150 mg, 50 mg, 75 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
desvenlafaxine succinate oral tablet extended release 24 hr 100 mg, 25 mg, 50 mg	(Pristiq)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
doxepin oral capsule 10 mg, 100 mg, 150 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxepin oral concentrate 10 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
DRIZALMA SPRINKLE ORAL CAPSULE, DELAYED REL SPRINKLE 20 MG, 30 MG, 60 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST; QL (60 per 30 days)
DRIZALMA SPRINKLE ORAL CAPSULE, DELAYED REL SPRINKLE 40 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST; QL (30 per 30 days)
duloxetine oral capsule,delayed release(dr/ec) 20 mg, 30 mg, 60 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
EMSAM TRANSDERMAL PATCH 24 HOUR 12 MG/24 HR, 6 MG/24 HR, 9 MG/24 HR		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
escitalopram oxalate oral solution 5 mg/5 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
escitalopram oxalate oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg (Lexapro)	$0 (Tier 1)	
EXXUA ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 18.2 MG, 36.3 MG, 54.5 MG, 72.6 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
EXXUA ORAL TABLET, EXT REL 24HR DOSE PACK 18.2 MG (32 TABS)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
FETZIMA ORAL CAPSULE,EXT REL 24HR DOSE PACK 20 MG (2)- 40 MG (26)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST
FETZIMA ORAL CAPSULE,EXTENDED RELEASE 24 HR 120 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST; QL (30 per 30 days)
fluoxetine oral capsule 10 mg, 20 mg (Prozac)	$0 (Tier 1)	
fluoxetine oral capsule 40 mg	$0 (Tier 1)	
fluoxetine oral solution 20 mg/5 ml (4 mg/ml)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluvoxamine oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
imipramine hcl oral tablet 10 mg, 25 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
MARPLAN ORAL TABLET 10 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
mirtazapine oral tablet 15 mg, 30 mg (Remeron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mirtazapine oral tablet 45 mg, 7.5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mirtazapine oral tablet,disintegrating 15 mg, 30 mg, 45 mg (Remeron SolTab)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nefazodone oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 250 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
nortriptyline oral capsule 10 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg	(Pamelor)	$0 (Tier 1)	
nortriptyline oral solution 10 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
paroxetine hcl oral suspension 10 mg/5 ml	(Paxil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
paroxetine hcl oral tablet 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg	(Paxil)	$0 (Tier 1)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
paroxetine hcl oral tablet extended release 24 hr 12.5 mg, 25 mg, 37.5 mg	(Paxil CR)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA NSO-HRM; AGE (Max 64 Years)
perphenazine-amitriptyline oral tablet 2-10 mg, 2-25 mg, 4-10 mg, 4-25 mg, 4-50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
phenelzine oral tablet 15 mg	(Nardil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
protriptyline oral tablet 10 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
RALDESY ORAL SOLUTION 10 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (1200 per 30 days)
sertraline oral concentrate 20 mg/ml	(Zoloft)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sertraline oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	(Zoloft)	$0 (Tier 1)	
SPRAVATO NASAL SPRAY,NON-AEROSOL 28 MG, 56 MG (28 MG X 2), 84 MG (28 MG X 3)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
tranylcypromine oral tablet 10 mg	(Parnate)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
trazodone oral tablet 100 mg, 150 mg, 300 mg, 50 mg		$0 (Tier 1)	
trimipramine oral capsule 100 mg, 25 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
TRINTELLIX ORAL TABLET 10 MG, 20 MG, 5 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
venlafaxine oral capsule,extended release 24hr 150 mg	(Effexor XR)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
venlafaxine oral capsule,extended release 24hr 37.5 mg, 75 mg	(Effexor XR)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
venlafaxine oral tablet 100 mg, 25 mg, 37.5 mg, 50 mg, 75 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
vilazodone oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg	(Viibryd)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ZURZUVAE ORAL CAPSULE 20 MG, 25 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (28 per 14 days)
ZURZUVAE ORAL CAPSULE 30 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (14 per 14 days)
Antidiabetic Agents			
Antidiabetic Agents, Miscellaneous			
acarbose oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	(Precose)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dapagliflozin propanediol oral tablet 10 mg, 5 mg	(Farxiga)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
FARXIGA ORAL TABLET 10 MG, 5 MG	(dapagliflozin propanediol)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
GLYXAMBI ORAL TABLET 10-5 MG, 25-5 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
JANUMET ORAL TABLET 50-1,000 MG, 50-500 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
JANUMET XR ORAL TABLET, ER MULTIPHASE 24 HR 100-1,000 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
JANUMET XR ORAL TABLET, ER MULTIPHASE 24 HR 50-1,000 MG, 50-500 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
JANUVIA ORAL TABLET 100 MG, 25 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
JANUVIA ORAL TABLET 50 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
JARDIANCE ORAL TABLET 10 MG, 25 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
JENTADUETO ORAL TABLET 2.5-1,000 MG, 2.5-500 MG, 2.5-850 MG (linagliptin-metformin)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
JENTADUETO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 2.5-1,000 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
JENTADUETO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 5-1,000 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
metformin oral solution 500 mg/5 ml (Riomet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (765 per 30 days)
metformin oral tablet 1,000 mg	$0 (Tier 6)	QL (75 per 30 days)
metformin oral tablet 500 mg	$0 (Tier 6)	QL (150 per 30 days)
metformin oral tablet 750 mg, 850 mg	$0 (Tier 6)	QL (90 per 30 days)
metformin oral tablet extended release 24 hr 500 mg	$0 (Tier 6)	QL (120 per 30 days)
metformin oral tablet extended release 24 hr 750 mg	$0 (Tier 6)	QL (60 per 30 days)
mifepristone oral tablet 300 mg (Korlym)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (112 per 28 days)
MOUNJARO SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 10 MG/0.5 ML, 12.5 MG/0.5 ML, 15 MG/0.5 ML, 2.5 MG/0.5 ML, 5 MG/0.5 ML, 7.5 MG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (2 per 28 days)
nateglinide oral tablet 120 mg, 60 mg	$0 (Tier 6)	QL (90 per 30 days)
OZEMPIC SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 0.25 MG OR 0.5 MG (2 MG/3 ML), 0.25 MG OR 0.5 MG(2 MG/1.5 ML), 1 MG/DOSE (4 MG/3 ML), 2 MG/DOSE (8 MG/3 ML)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (3 per 28 days)
pioglitazone oral tablet 15 mg, 30 mg, 45 mg (Actos)	$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
pioglitazone-metformin oral tablet 15-500 mg	$0 (Tier 6)	QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
pioglitazone-metformin oral tablet 15-850 mg	(Actoplus MET)	$0 (Tier 6)	QL (90 per 30 days)
repaglinide oral tablet 0.5 mg, 1 mg		$0 (Tier 6)	QL (120 per 30 days)
repaglinide oral tablet 2 mg		$0 (Tier 6)	QL (240 per 30 days)
RYBELSUS ORAL TABLET 1.5 MG, 14 MG, 3 MG, 4 MG, 7 MG, 9 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (30 per 30 days)
SYNJARDY ORAL TABLET 12.5-1,000 MG, 12.5-500 MG, 5-1,000 MG, 5-500 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
SYNJARDY XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 10-1,000 MG, 25-1,000 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
SYNJARDY XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 12.5-1,000 MG, 5-1,000 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
TRADJENTA ORAL TABLET 5 MG	(linagliptin)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
TRIJARDY XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 10-5-1,000 MG, 25-5-1,000 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
TRIJARDY XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 12.5-2.5-1,000 MG, 5-2.5-1,000 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
TRULICITY SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 0.75 MG/0.5 ML, 1.5 MG/0.5 ML, 3 MG/0.5 ML, 4.5 MG/0.5 ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (2 per 28 days)
XIGDUO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 10-1,000 MG	(dapagliflozin propanediol-metformin)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
XIGDUO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 10-500 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
XIGDUO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 2.5-1,000 MG, 5-500 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
XIGDUO XR ORAL TABLET, IR - ER, BIPHASIC 24HR 5-1,000 MG	(dapagliflozin propanediol-metformin)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Insulins			
FIASP FLEXTOUCH U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (3 ML)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
FIASP PENFILL U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 100 UNIT/ML (3 ML)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
FIASP PUMPCART SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 100 UNIT/ML (1.6 ML)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply
FIASP U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 UNIT/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
HUMULIN R U-500 (CONC) INSULIN SUBCUTANEOUS SOLUTION 500 UNIT/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
HUMULIN R U-500 (CONC) KWIKPEN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 500 UNIT/ML (3 ML)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (24 per 28 days)
insulin asp prt-insulin aspart subcutaneous insulin pen 100 unit/ml (70-30)	(Novolog Mix 70-30FlexPen U-100)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
insulin asp prt-insulin aspart subcutaneous solution 100 unit/ml (70-30)	(Novolog Mix 70-30 U-100 Insuln)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
insulin aspart u-100 subcutaneous cartridge 100 unit/ml	(Novolog PenFill U-100 Insulin)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
insulin aspart u-100 subcutaneous insulin pen 100 unit/ml (3 ml)	(Novolog FlexPen U-100 Insulin)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
insulin aspart u-100 subcutaneous solution 100 unit/ml	(Novolog U-100 Insulin aspart)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
insulin glargine-yfgn subcutaneous insulin pen 100 unit/ml (3 ml)	(Semglee(insulin glarg-yfgn)Pen)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
insulin glargine-yfgn subcutaneous solution 100 unit/ml	(Semglee(insulin glargine-yfgn))	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
insulin lispro subcutaneous solution 100 unit/ml	(Admelog U-100 Insulin lispro)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
LANTUS SOLOSTAR U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (3 ML)	(insulin glargine)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
LANTUS U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 UNIT/ML	(insulin glargine)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
NOVOLIN 70/30 U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS SUSPENSION 100 UNIT/ML (70-30)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
NOVOLIN 70-30 FLEXPEN U-100 SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (70-30)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLIN N FLEXPEN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (3 ML)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLIN N NPH U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS SUSPENSION 100 UNIT/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
NOVOLIN R FLEXPEN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (3 ML)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLIN R REGULAR U100 INSULIN INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NOVOLOG FLEXPEN U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (3 ML)	(insulin aspart u-100)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLOG MIX 70-30 U-100 INSULN SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 UNIT/ML (70-30)	(insulin asp prt-insulin aspart)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
NOVOLOG MIX 70-30FLEXPEN U-100 SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT/ML (70-30)	(insulin asp prt-insulin aspart)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLOG PENFILL U-100 INSULIN SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 100 UNIT/ML	(insulin aspart u-100)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 28 days)
NOVOLOG U-100 INSULIN ASPART SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 UNIT/ML	(insulin aspart u-100)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (40 per 28 days)
SOLIQUA 100/33 SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT-33 MCG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (30 per 30 days)
TOUJEO MAX U-300 SOLOSTAR SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 300 UNIT/ML (3 ML)	(insulin glargine u-300 conc)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (18 per 28 days)
TOUJEO SOLOSTAR U-300 INSULIN SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 300 UNIT/ML (1.5 ML)	(insulin glargine u-300 conc)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (13.5 per 28 days)
XULTOPHY 100/3.6 SUBCUTANEOUS INSULIN PEN 100 UNIT-3.6 MG /ML (3 ML)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	max $35 copay per month supply; QL (15 per 28 days)
Sulfonylureas			
glimepiride oral tablet 1 mg, 2 mg		$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
glimepiride oral tablet 4 mg		$0 (Tier 6)	QL (60 per 30 days)
glipizide oral tablet 10 mg		$0 (Tier 6)	QL (120 per 30 days)
glipizide oral tablet 2.5 mg		$0 (Tier 6)	QL (90 per 30 days)
glipizide oral tablet 5 mg		$0 (Tier 6)	QL (240 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
glipizide oral tablet extended release 24hr 10 mg		$0 (Tier 6)	QL (60 per 30 days)
glipizide oral tablet extended release 24hr 2.5 mg, 5 mg		$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
glipizide-metformin oral tablet 2.5-250 mg		$0 (Tier 6)	QL (240 per 30 days)
glipizide-metformin oral tablet 2.5-500 mg, 5-500 mg		$0 (Tier 6)	QL (120 per 30 days)
glyburide micronized oral tablet 1.5 mg, 3 mg, 6 mg		$0 (Tier 6)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
glyburide oral tablet 1.25 mg, 2.5 mg, 5 mg		$0 (Tier 6)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
glyburide-metformin oral tablet 1.25-250 mg, 2.5-500 mg, 5-500 mg		$0 (Tier 6)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
Antifungals			
Antifungals			
ABELCET INTRAVENOUS SUSPENSION 5 MG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD
amphotericin b injection recon soln 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
amphotericin b liposome intravenous suspension for reconstitution 50 mg	(AmBisome)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
ciclopirox topical cream 0.77 %	(Ciclodan)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
ciclopirox topical solution 8 %	(Ciclodan)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (19.8 per 30 days)
ciclopirox topical suspension 0.77 %	(Loprox (as olamine))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
clotrimazole mucous membrane troche 10 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clotrimazole topical cream 1 %	(Antifungal (clotrimazole))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clotrimazole topical solution 1 %	(Athlete's Foot (clotrimazole))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clotrimazole-betamethasone topical cream 1-0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CRESEMBA INTRAVENOUS RECON SOLN 372 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
CRESEMBA ORAL CAPSULE 186 MG, 74.5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
econazole nitrate topical cream 1 %	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (170 per 30 days)
fluconazole in nacl (iso-osm) intravenous piggyback 200 mg/100 ml, 400 mg/200 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluconazole oral suspension for reconstitution 10 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluconazole oral suspension for reconstitution 40 mg/ml (Diflucan)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluconazole oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
flucytosine oral capsule 250 mg, 500 mg (Ancobon)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
griseofulvin microsize oral suspension 125 mg/5 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
griseofulvin microsize oral tablet 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
griseofulvin ultramicrosize oral tablet 125 mg, 165 mg, 250 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
itraconazole oral capsule 100 mg (Sporanox)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ketoconazole oral tablet 200 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ketoconazole topical cream 2 %	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
ketoconazole topical shampoo 2 %	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (360 per 30 days)
micafungin intravenous recon soln 100 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
miconazole-3 vaginal suppository 200 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
nyamyc topical powder 100,000 unit/gram	(nystatin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
nystatin oral suspension 100,000 unit/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nystatin oral tablet 500,000 unit		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nystatin topical cream 100,000 unit/gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
nystatin topical ointment 100,000 unit/gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
nystatin topical powder 100,000 unit/gram	(Nyamyc)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
nystatin-triamcinolone topical cream 100,000-0.1 unit/g-%		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nystatin-triamcinolone topical ointment 100,000-0.1 unit/gram-%		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nystop topical powder 100,000 unit/gram	(nystatin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
posaconazole oral tablet,delayed release (dr/ec) 100 mg		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
terbinafine hcl oral tablet 250 mg		$0 (Tier 1)	
voriconazole intravenous recon soln 200 mg	(Vfend IV)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
voriconazole oral suspension for reconstitution 200 mg/5 ml (40 mg/ml)	(Vfend)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
voriconazole oral tablet 200 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Antigout Agents			
Antigout Agents, Other			
allopurinol oral tablet 100 mg	(Zyloprim)	$0 (Tier 1)	
allopurinol oral tablet 300 mg		$0 (Tier 1)	
colchicine oral capsule 0.6 mg	(Mitigare)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
colchicine oral tablet 0.6 mg	(Colcrys)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
febuxostat oral tablet 40 mg, 80 mg	(Uloric)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
probenecid oral tablet 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
probenecid-colchicine oral tablet 500-0.5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Antihistamines			
Antihistamines			
hydroxyzine hcl oral tablet 10 mg, 25 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levocetirizine oral tablet 5 mg	(24HR Allergy Relief)	$0 (Tier 1)	
Anti-Infectives (Skin And Mucous Membrane)			
Anti-Infectives (Skin And Mucous Membrane)			
clindamycin phosphate vaginal cream 2 %	(Cleocin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
metronidazole vaginal gel 0.75 % (37.5mg/5 gram)	(Vandazole)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
terconazole vaginal cream 0.4 %, 0.8 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
terconazole vaginal suppository 80 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Antimigraine Agents			
Antimigraine Agents			
AIMOVIG AUTOINJECTOR SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 140 MG/ML, 70 MG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (1 per 30 days)
dihydroergotamine nasal spray,non-aerosol 0.5 mg/pump act. (4 mg/ml)	(Migranal)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (8 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EMGALITY PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 120 MG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (2 per 30 days)
EMGALITY SYRINGE SUBCUTANEOUS SYRINGE 120 MG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (2 per 30 days)
EMGALITY SYRINGE SUBCUTANEOUS SYRINGE 300 MG/3 ML (100 MG/ML X 3)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (3 per 30 days)
naratriptan oral tablet 1 mg, 2.5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
NURTEC ODT ORAL TABLET,DISINTEGRATING 75 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (18 per 30 days)
QULIPTA ORAL TABLET 10 MG, 30 MG, 60 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (30 per 30 days)
rizatriptan oral tablet 10 mg	(Maxalt)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
rizatriptan oral tablet 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
rizatriptan oral tablet,disintegrating 10 mg	(Maxalt-MLT)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
rizatriptan oral tablet,disintegrating 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
sumatriptan 4 mg/0.5 ml inject outer, suv	(Imitrex STATdose Pen)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
sumatriptan 6 mg/0.5 ml autoinj suv	(Imitrex STATdose Pen)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (4 per 28 days)
sumatriptan nasal spray,non-aerosol 20 mg/actuation, 5 mg/actuation		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
sumatriptan succinate oral tablet 100 mg	(Imitrex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (9 per 30 days)
sumatriptan succinate oral tablet 25 mg, 50 mg	(Imitrex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
sumatriptan succinate subcutaneous pen injector 4 mg/0.5 ml	(Imitrex STATdose Pen)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (4 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
sumatriptan succinate subcutaneous pen injector 6 mg/0.5 ml (Imitrex STATdose Pen)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
sumatriptan succinate subcutaneous solution 6 mg/0.5 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (5 per 28 days)
UBRELVY ORAL TABLET 100 MG, 50 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (16 per 30 days)
Antimycobacterials		
Antimycobacterials		
dapsone oral tablet 100 mg, 25 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ethambutol oral tablet 100 mg, 400 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
isoniazid oral tablet 100 mg, 300 mg	$0 (Tier 1)	
PRIFTIN ORAL TABLET 150 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
pyrazinamide oral tablet 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
rifabutin oral capsule 150 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
rifampin intravenous recon soln 600 mg (Rifadin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
rifampin oral capsule 150 mg, 300 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
SIRTURO ORAL TABLET 100 MG, 20 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TRECATOR ORAL TABLET 250 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
Antinausea Agents		
Antinausea Agents		
aprepitant oral capsule 125 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD; QL (2 per 28 days)
aprepitant oral capsule 40 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD; QL (1 per 28 days)
aprepitant oral capsule 80 mg (Emend)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD; QL (4 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
aprepitant oral capsule,dose pack 125 mg (1)- 80 mg (2)	(Emend)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
compro rectal suppository 25 mg	(prochlorperazine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dronabinol oral capsule 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	(Marinol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (60 per 30 days)
meclizine oral tablet 12.5 mg		$0 (Tier 1)	
meclizine oral tablet 25 mg	(Dramamine (meclizine))	$0 (Tier 1)	
ondansetron hcl oral tablet 4 mg, 8 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
ondansetron oral tablet,disintegrating 4 mg, 8 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
prochlorperazine edisylate injection solution 10 mg/2 ml (5 mg/ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
prochlorperazine maleate oral tablet 10 mg, 5 mg	(Compazine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
prochlorperazine rectal suppository 25 mg	(Compro)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
promethazine injection solution 25 mg/ml	(Phenergan)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
promethazine oral tablet 12.5 mg, 25 mg, 50 mg		$0 (Tier 1)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
promethazine rectal suppository 25 mg	(Promethegan)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
promethegan rectal suppository 12.5 mg, 25 mg	(promethazine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
scopolamine base transdermal patch 3 day 1 mg over 3 days	(Transderm-Scop)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; QL (10 per 30 days); AGE (Max 64 Years)
Antiparasite Agents			
Antiparasite Agents			
albendazole oral tablet 200 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
atovaquone oral suspension 750 mg/5 ml	(Mepron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
atovaquone-proguanil oral tablet 250-100 mg	(Malarone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
atovaquone-proguanil oral tablet 62.5-25 mg	(Malarone Pediatric)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
chloroquine phosphate oral tablet 250 mg, 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
COARTEM ORAL TABLET 20-120 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
hydroxychloroquine oral tablet 100 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
hydroxychloroquine oral tablet 200 mg	(Plaquenil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
hydroxychloroquine oral tablet 300 mg	(Sovuna)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
hydroxychloroquine oral tablet 400 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
IMPAVIDO ORAL CAPSULE 50 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (84 per 28 days)
ivermectin oral tablet 3 mg	(Stromectol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ivermectin oral tablet 6 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mefloquine oral tablet 250 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nitazoxanide oral tablet 500 mg	(Alinia)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (60 per 30 days)
pentamidine inhalation recon soln 300 mg	(Nebupent)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
pentamidine injection recon soln 300 mg	(Pentam)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
praziquantel oral tablet 600 mg	(Biltricide)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
PRIMAQUINE ORAL TABLET 26.3 MG (15 MG BASE)		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
pyrimethamine oral tablet 25 mg	(Daraprim)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
quinine sulfate oral capsule 324 mg (Qualaquin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA
tinidazole oral tablet 250 mg, 500 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Antiparkinsonian Agents		
Antiparkinsonian Agents		
amantadine hcl oral capsule 100 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
amantadine hcl oral solution 50 mg/5 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
amantadine hcl oral tablet 100 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
benztropine oral tablet 0.5 mg, 1 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
benztropine oral tablet 2 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
bromocriptine oral tablet 2.5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cabergoline oral tablet 0.5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
carbidopa-levodopa oral tablet 10-100 mg (Sinemet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
carbidopa-levodopa oral tablet 25-100 mg (Dhivy)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
carbidopa-levodopa oral tablet 25-250 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
carbidopa-levodopa oral tablet extended release 25-100 mg, 50-200 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
carbidopa-levodopa oral tablet,disintegrating 10-100 mg, 25-100 mg, 25-250 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
entacapone oral tablet 200 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
KYNMOBI SUBLINGUAL FILM 10 MG, 15 MG, 20 MG, 25 MG, 30 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (150 per 30 days)
KYNMOBI SUBLINGUAL FILM 10-15-20-25-30 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ONAPGO SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 4.9 MG/ ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (600 per 30 days)
pramipexole oral tablet 0.125 mg, 0.25 mg, 0.5 mg, 0.75 mg, 1 mg, 1.5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
rasagiline oral tablet 0.5 mg, 1 mg (Azilect)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ropinirole oral tablet 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg, 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ropinirole oral tablet extended release 24 hr 2 mg, 4 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
selegiline hcl oral capsule 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
selegiline hcl oral tablet 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
trihexyphenidyl oral tablet 2 mg, 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
VYALEV CONTIN. SUBCUTANEOUS INFUSION SOLUTION 12-240 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (560 per 28 days)
Antipsychotic Agents		
Antipsychotic Agents		
ABILIFY ASIMTUFII INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 720 MG/2.4 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2.4 per 42 days)
ABILIFY ASIMTUFII INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 960 MG/3.2 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (3.2 per 42 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ABILIFY MAINTENA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL RECON 300 MG, 400 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2 per 28 days)
ABILIFY MAINTENA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 300 MG, 400 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2 per 28 days)
aripiprazole oral solution 1 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
aripiprazole oral tablet 10 mg, 15 mg, 2 mg, 20 mg, 30 mg, 5 mg (Abilify)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
aripiprazole oral tablet,disintegrating 10 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (90 per 30 days)
aripiprazole oral tablet,disintegrating 15 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (60 per 30 days)
ARISTADA INITIO INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 675 MG/2.4 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (4.8 per 365 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 1,064 MG/3.9 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (3.9 per 14 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 441 MG/1.6 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1.6 per 14 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 662 MG/2.4 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2.4 per 14 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 882 MG/3.2 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (3.2 per 14 days)
asenapine maleate sublingual tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg (Saphris)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
CAPLYTA ORAL CAPSULE 10.5 MG, 21 MG, 42 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
chlorpromazine injection solution 25 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
chlorpromazine oral concentrate 100 mg/ml, 30 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
chlorpromazine oral tablet 10 mg, 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clozapine oral tablet 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg (Clozaril)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clozapine oral tablet,disintegrating 100 mg, 12.5 mg, 25 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (90 per 30 days)
clozapine oral tablet,disintegrating 150 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (180 per 30 days)
clozapine oral tablet,disintegrating 200 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (120 per 30 days)
COBENFY ORAL CAPSULE 100-20 MG, 125-30 MG, 50-20 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (60 per 30 days)
COBENFY STARTER PACK ORAL CAPSULE,DOSE PACK 50 MG-20 MG /100 MG-20 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 117 MG/0.75 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.75 per 21 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 156 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1 per 21 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 234 MG/1.5 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1.5 per 21 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 351 MG/2.25 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2.25 per 21 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 39 MG/0.25 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.25 per 21 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SYRINGE 78 MG/0.5 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.5 per 21 days)
FANAPT ORAL TABLET 1 MG, 10 MG, 12 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG, 8 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (60 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
FANAPT TITRATION PACK A ORAL TABLETS,DOSE PACK 1MG(2)-2MG(2)- 4MG(2)-6MG(2)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST
FANAPT TITRATION PACK B ORAL TABLETS,DOSE PACK 1 MG(6)-2MG(2)- 6 MG(2)-8 MG(2)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST
FANAPT TITRATION PACK C ORAL TABLETS,DOSE PACK 1 MG(4)-2 MG(2) -6 MG (2)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST
fluphenazine decanoate injection solution 25 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluphenazine hcl injection solution 2.5 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluphenazine hcl oral concentrate 5 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluphenazine hcl oral elixir 2.5 mg/5 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluphenazine hcl oral tablet 1 mg, 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
haloperidol decanoate intramuscular solution 100 mg/ml, 100 mg/ml (1 ml), 50 mg/ml, 50 mg/ml(1ml)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
haloperidol lactate injection solution 5 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
haloperidol lactate intramuscular syringe 5 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
haloperidol lactate oral concentrate 2 mg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
haloperidol oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 10 mg, 2 mg, 20 mg, 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
INVEGA HAFYERA INTRAMUSCULAR SYRINGE 1,092 MG/3.5 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (3.5 per 166 days)
INVEGA HAFYERA INTRAMUSCULAR SYRINGE 1,560 MG/5 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (5 per 166 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SYRINGE 117 MG/0.75 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.75 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SYRINGE 156 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SYRINGE 234 MG/1.5 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1.5 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SYRINGE 39 MG/0.25 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (0.25 per 21 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SYRINGE 78 MG/0.5 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.5 per 21 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SYRINGE 273 MG/0.88 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.88 per 70 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SYRINGE 410 MG/1.32 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1.32 per 70 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SYRINGE 546 MG/1.75 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1.75 per 70 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SYRINGE 819 MG/2.63 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2.63 per 70 days)
loxapine succinate oral capsule 10 mg, 25 mg, 5 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lurasidone oral tablet 120 mg, 20 mg, 40 mg, 60 mg (Latuda)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
lurasidone oral tablet 80 mg (Latuda)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LYBALVI ORAL TABLET 10-10 MG, 15-10 MG, 20-10 MG, 5-10 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
molindone oral tablet 10 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
molindone oral tablet 25 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (270 per 30 days)
molindone oral tablet 5 mg	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (120 per 30 days)
NUPLAZID ORAL CAPSULE 34 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
NUPLAZID ORAL TABLET 10 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (30 per 30 days)
olanzapine intramuscular recon soln 10 mg (Zyprexa)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
olanzapine oral tablet 10 mg, 15 mg, 7.5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
olanzapine oral tablet 2.5 mg, 20 mg, 5 mg (Zyprexa)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
olanzapine oral tablet,disintegrating 10 mg, 15 mg, 20 mg, 5 mg (Zyprexa Zydis)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
OPIPZA ORAL FILM 10 MG, 2 MG, 5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS
paliperidone oral tablet extended release 24hr 1.5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
paliperidone oral tablet extended release 24hr 3 mg, 9 mg (Invega)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
paliperidone oral tablet extended release 24hr 6 mg (Invega)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
perphenazine oral tablet 16 mg, 2 mg, 4 mg, 8 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
PERSERIS SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 120 MG, 90 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1 per 30 days)
pimozide oral tablet 1 mg, 2 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
prochlorperazine 10 mg/2 ml vl inner 10 mg/2 ml (5 mg/ml)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
quetiapine oral tablet 100 mg, 200 mg, 25 mg, 300 mg, 400 mg, 50 mg	(Seroquel)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
quetiapine oral tablet 150 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
quetiapine oral tablet extended release 24 hr 150 mg, 200 mg, 300 mg, 400 mg, 50 mg	(Seroquel XR)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
REXULTI ORAL TABLET 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)
risperidone microspheres intramuscular suspension,extended rel recon 12.5 mg/2 ml	(Risperdal Consta)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (2 per 28 days)
risperidone microspheres intramuscular suspension,extended rel recon 25 mg/2 ml	(Rykindo)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (2 per 28 days)
risperidone microspheres intramuscular suspension,extended rel recon 37.5 mg/2 ml, 50 mg/2 ml	(Rykindo)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2 per 28 days)
risperidone oral solution 1 mg/ml	(Risperdal)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
risperidone oral tablet 0.25 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
risperidone oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg	(Risperdal)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
risperidone oral tablet,disintegrating 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
RYKINDO INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED REL RECON 25 MG/2 ML, 37.5 MG/2 ML, 50 MG/2 ML	(risperidone microspheres)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2 per 28 days)
SECUADO TRANSDERMAL PATCH 24 HOUR 3.8 MG/24 HOUR, 5.7 MG/24 HOUR, 7.6 MG/24 HOUR		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
thioridazine oral tablet 10 mg, 100 mg, 25 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
thiothixene oral capsule 1 mg, 10 mg, 2 mg, 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
trifluoperazine oral tablet 1 mg, 10 mg, 2 mg, 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 100 MG/0.28 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.28 per 28 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 125 MG/0.35 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.35 per 28 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 150 MG/0.42 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.42 per 56 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 200 MG/0.56 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.56 per 56 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 250 MG/0.7 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.7 per 56 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 50 MG/0.14 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.14 per 28 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION,EXTENDED REL SYRING 75 MG/0.21 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (0.21 per 28 days)
VERSACLOZ ORAL SUSPENSION 50 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (540 per 30 days)
VRAYLAR ORAL CAPSULE 0.5 MG, 0.75 MG, 1.5 MG, 3 MG, 4.5 MG, 6 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (30 per 30 days)
VRAYLAR ORAL CAPSULE,DOSE PACK 1.5 MG (1)- 3 MG (6)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST
ziprasidone hcl oral capsule 20 mg, 40 mg, 60 mg, 80 mg (Geodon)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ziprasidone mesylate intramuscular recon soln 20 mg/ml (final conc.) (Geodon)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (6 per 28 days)
ZYPREXA RELPREVV INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 210 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (2 per 28 days)
ZYPREXA RELPREVV INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 300 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (2 per 28 days)
ZYPREXA RELPREVV INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 405 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (1 per 28 days)
Antivirals (Systemic)		
Antiretrovirals		
abacavir oral solution 20 mg/ml (Ziagen)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
abacavir oral tablet 300 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
abacavir-lamivudine oral tablet 600-300 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
APTIVUS ORAL CAPSULE 250 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
atazanavir oral capsule 150 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
atazanavir oral capsule 200 mg, 300 mg (Reyataz)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
BIKTARVY ORAL TABLET 30-120-15 MG, 50-200-25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)
CABENUVA INTRAMUSCULAR SUSPENSION,EXTENDED RELEASE 400 MG/2 ML- 600 MG/2 ML, 600 MG/3 ML- 900 MG/3 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
cabotegravir intramuscular suspension,extended release 400 mg/2 ml (200 mg/ml)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (24 per 365 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
cabotegravir intramuscular suspension,extended release 600 mg/3 ml (200 mg/ml)	(Apretude)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (24 per 365 days)
CIMDUO ORAL TABLET 300-300 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
darunavir oral tablet 600 mg	(Prezista)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
darunavir oral tablet 800 mg	(Prezista)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
DELSTRIGO ORAL TABLET 100-300-300 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
DESCOVY ORAL TABLET 120-15 MG, 200-25 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
didanosine oral capsule,delayed release(dr/ec) 250 mg, 400 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
DOVATO ORAL TABLET 50-300 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
EDURANT ORAL TABLET 25 MG	(rilpivirine hcl)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
EDURANT PED ORAL TABLET FOR SUSPENSION 2.5 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
efavirenz oral capsule 200 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
efavirenz oral tablet 600 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
efavirenz-emtricitabin-tenofov oral tablet 600-200-300 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
efavirenz-lamivu-tenofov disop oral tablet 400-300-300 mg		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
efavirenz-lamivu-tenofov disop oral tablet 600-300-300 mg	(Symfi)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
emtricitabine oral capsule 200 mg	(Emtriva)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
emtricitabine-tenofovir (tdf) oral tablet 100-150 mg, 167-250 mg, 200-300 mg	(Truvada)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
emtricitabine-tenofovir (tdf) oral tablet 133-200 mg (Truvada)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
emtricita-rilpivirine-tenof df oral tablet 200-25-300 mg (Complera)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
EMTRIVA ORAL SOLUTION 10 MG/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
EPIVIR HBV ORAL SOLUTION 25 MG/5 ML (5 MG/ML)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
etravirine oral tablet 100 mg, 200 mg (Intelence)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
EVOTAZ ORAL TABLET 300-150 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
fosamprenavir oral tablet 700 mg	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
FUZEON SUBCUTANEOUS RECON SOLN 90 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
GENVOYA ORAL TABLET 150-150-200-10 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
INTELENCE ORAL TABLET 25 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
ISENTRESS HD ORAL TABLET 600 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
ISENTRESS ORAL POWDER IN PACKET 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
ISENTRESS ORAL TABLET 400 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
ISENTRESS ORAL TABLET,CHEWABLE 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
ISENTRESS ORAL TABLET,CHEWABLE 25 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
JULUCA ORAL TABLET 50-25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
KALETRA ORAL SOLUTION 400-100 MG/5 ML (lopinavir-ritonavir)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (480 per 30 days)
lamivudine oral solution 10 mg/ml (Epivir)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
lamivudine oral tablet 100 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lamivudine oral tablet 150 mg, 300 mg (Epivir)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lamivudine-zidovudine oral tablet 150-300 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
LEXIVA ORAL SUSPENSION 50 MG/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
lopinavir-ritonavir oral solution 400-100 mg/5 ml (Kaletra)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (480 per 30 days)
lopinavir-ritonavir oral tablet 100-25 mg (Kaletra)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)
lopinavir-ritonavir oral tablet 200-50 mg (Kaletra)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
maraviroc oral tablet 150 mg, 300 mg (Selzentry)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
nevirapine oral suspension 50 mg/5 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (1200 per 30 days)
nevirapine oral tablet 200 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
nevirapine oral tablet extended release 24 hr 100 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
nevirapine oral tablet extended release 24 hr 400 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
NORVIR ORAL POWDER IN PACKET 100 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
NORVIR ORAL SOLUTION 80 MG/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
ODEFSEY ORAL TABLET 200-25-25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
PIFELTRO ORAL TABLET 100 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
PREZCOBIX ORAL TABLET 675-150 MG, 800-150 MG-MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
PREZISTA ORAL SUSPENSION 100 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PREZISTA ORAL TABLET 150 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
PREZISTA ORAL TABLET 75 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
RETROVIR INTRAVENOUS SOLUTION 10 MG/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
REYATAZ ORAL POWDER IN PACKET 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
rilpivirine hcl oral tablet 25 mg (Edurant)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
rilpivirine intramuscular suspension,extended release 600 mg/2 ml (300 mg/ml), 900 mg/3 ml (300 mg/ml)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
ritonavir oral tablet 100 mg (Norvir)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
RUKOBIA ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 12 HR 600 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
SELZENTRY ORAL SOLUTION 20 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
SELZENTRY ORAL TABLET 25 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
SELZENTRY ORAL TABLET 75 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
stavudine oral capsule 15 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
STRIBILD ORAL TABLET 150-150-200-300 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
SUNLENCA ORAL TABLET 300 MG, 300 MG (4-TABLET PACK), 300 MG (5-TABLET PACK)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
SUNLENCA SUBCUTANEOUS SOLUTION 309 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
SYMTUZA ORAL TABLET 800-150-200-10 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TEMIXYS ORAL TABLET 300-300 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
tenofovir disoproxil fumarate oral tablet 300 mg (Viread)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
TIVICAY ORAL TABLET 10 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
TIVICAY ORAL TABLET 25 MG, 50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
TIVICAY PD ORAL TABLET FOR SUSPENSION 5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
TRIUMEQ ORAL TABLET 600-50-300 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)
TRIUMEQ PD ORAL TABLET FOR SUSPENSION 60-5-30 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
TRIZIVIR ORAL TABLET 300-150-300 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
TROGARZO INTRAVENOUS SOLUTION 200 MG/1.33 ML (150 MG/ML)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
VEMLIDY ORAL TABLET 25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (30 per 30 days)
VIRACEPT ORAL TABLET 250 MG, 625 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
VIREAD ORAL POWDER 40 MG/SCOOP (40 MG/GRAM)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
VIREAD ORAL TABLET 150 MG, 200 MG, 250 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
VOCABRIA ORAL TABLET 30 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
zidovudine oral capsule 100 mg (Retrovir)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
zidovudine oral syrup 10 mg/ml (Retrovir)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
zidovudine oral tablet 300 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Antivirals, Miscellaneous		

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LIVTENCITY ORAL TABLET 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
oseltamivir oral capsule 30 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (84 per 180 days)
oseltamivir oral capsule 45 mg (Tamiflu)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (48 per 180 days)
oseltamivir oral capsule 75 mg (Tamiflu)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (42 per 180 days)
oseltamivir oral suspension for reconstitution 6 mg/ml (Tamiflu)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (540 per 180 days)
PAXLOVID ORAL TABLETS,DOSE PACK 150 MG (10)- 100 MG (10)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (20 per 5 days)
PAXLOVID ORAL TABLETS,DOSE PACK 150 MG (6)- 100 MG (5)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (11 per 28 days)
PAXLOVID ORAL TABLETS,DOSE PACK 300 MG (150 MG X 2)-100 MG	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 5 days)
PREVYMIS ORAL TABLET 240 MG, 480 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
RELENZA DISKHALER INHALATION BLISTER WITH DEVICE 5 MG/ACTUATION	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (60 per 180 days)
Hcv Antivirals		
EPCLUSA ORAL PELLETS IN PACKET 150-37.5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
EPCLUSA ORAL PELLETS IN PACKET 200-50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
EPCLUSA ORAL TABLET 200-50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
EPCLUSA ORAL TABLET 400-100 MG (sofosbuvir-velpatasvir)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
HARVONI ORAL PELLETS IN PACKET 33.75-150 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
HARVONI ORAL PELLETS IN PACKET 45-200 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
HARVONI ORAL TABLET 45-200 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
HARVONI ORAL TABLET 90-400 MG	(ledipasvir-sofosbuvir)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
VOSEVI ORAL TABLET 400-100-100 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
Interferons			
PEGASYS SUBCUTANEOUS SOLUTION 180 MCG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
PEGASYS SUBCUTANEOUS SYRINGE 180 MCG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
Nucleosides And Nucleotides			
acyclovir oral capsule 200 mg		$0 (Tier 1)	
acyclovir oral suspension 200 mg/5 ml	(Zovirax)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
acyclovir oral tablet 400 mg, 800 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
acyclovir sodium intravenous solution 50 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
adefovir oral tablet 10 mg	(Hepsera)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
entecavir oral tablet 0.5 mg, 1 mg	(Baraclude)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
famciclovir oral tablet 125 mg, 250 mg, 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ribavirin oral tablet 200 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
valacyclovir oral tablet 1 gram, 500 mg	(Valtrex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
valganciclovir oral recon soln 50 mg/ml	(Valcyte)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
valganciclovir oral tablet 450 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Blood Products/Modifiers/Volume Expanders		
Anticoagulants		
dabigatran etexilate oral capsule 110 mg, 150 mg, 75 mg (Pradaxa)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
ELIQUIS DVT-PE TREAT 30D START ORAL TABLETS,DOSE PACK 5 MG (74 TABS)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
ELIQUIS ORAL TABLET 2.5 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
ELIQUIS ORAL TABLET 5 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (74 per 30 days)
ELIQUIS ORAL TABLET FOR SUSPENSION 0.5 MG, 1.5 MG (0.5 MG X 3), 2 MG (0.5 MG X 4)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (960 per 30 days)
ELIQUIS SPRINKLE ORAL CAPSULE, SPRINKLE 0.15 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
enoxaparin subcutaneous syringe 100 mg/ml, 150 mg/ml (Lovenox)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
enoxaparin subcutaneous syringe 120 mg/0.8 ml, 80 mg/0.8 ml (Lovenox)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (48 per 30 days)
enoxaparin subcutaneous syringe 30 mg/0.3 ml (Lovenox)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (18 per 30 days)
enoxaparin subcutaneous syringe 40 mg/0.4 ml (Lovenox)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)
enoxaparin subcutaneous syringe 60 mg/0.6 ml (Lovenox)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (36 per 30 days)
fondaparinux subcutaneous syringe 10 mg/0.8 ml (Arixtra)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (24 per 30 days)
fondaparinux subcutaneous syringe 2.5 mg/0.5 ml (Arixtra)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (15 per 30 days)
fondaparinux subcutaneous syringe 5 mg/0.4 ml (Arixtra)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (12 per 30 days)
fondaparinux subcutaneous syringe 7.5 mg/0.6 ml (Arixtra)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (18 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
heparin (porcine) injection solution 1,000 unit/ml, 10,000 unit/ml, 20,000 unit/ml, 5,000 unit/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
jantoven oral tablet 1 mg, 10 mg, 2 mg, 2.5 mg, 3 mg, 4 mg, 5 mg, 6 mg, 7.5 mg	(warfarin)	$0 (Tier 1)	
rivaroxaban oral suspension for reconstitution 1 mg/ml	(Xarelto)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (600 per 30 days)
rivaroxaban oral tablet 2.5 mg	(Xarelto)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
warfarin oral tablet 1 mg, 10 mg, 2 mg, 2.5 mg, 3 mg, 4 mg, 5 mg, 6 mg, 7.5 mg	(Jantoven)	$0 (Tier 1)	
XARELTO DVT-PE TREAT 30D START ORAL TABLETS,DOSE PACK 15 MG (42)- 20 MG (9)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
XARELTO ORAL SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 1 MG/ML	(rivaroxaban)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (600 per 30 days)
XARELTO ORAL TABLET 10 MG, 20 MG	(rivaroxaban)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
XARELTO ORAL TABLET 15 MG	(rivaroxaban)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
XARELTO ORAL TABLET 2.5 MG	(rivaroxaban)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	ST; QL (60 per 30 days)
Blood Formation Modifiers			
ALVAIZ ORAL TABLET 18 MG, 36 MG, 54 MG, 9 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
eltrombopag olamine oral powder in packet 12.5 mg	(Promacta)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
eltrombopag olamine oral powder in packet 25 mg	(Promacta)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (180 per 30 days)
eltrombopag olamine oral tablet 12.5 mg	(Promacta)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
eltrombopag olamine oral tablet 25 mg	(Promacta)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
eltrombopag olamine oral tablet 50 mg, 75 mg (Promacta)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
HAEGARDA SUBCUTANEOUS RECON SOLN 2,000 UNIT	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
HAEGARDA SUBCUTANEOUS RECON SOLN 3,000 UNIT	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (20 per 30 days)
NIVESTYM INJECTION SOLUTION 300 MCG/ML, 480 MCG/1.6 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
NIVESTYM SUBCUTANEOUS SYRINGE 300 MCG/0.5 ML, 480 MCG/0.8 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
NYVEPRIA SUBCUTANEOUS SYRINGE 6 MG/0.6 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
RETACRIT INJECTION SOLUTION 10,000 UNIT/ML, 2,000 UNIT/ML, 20,000 UNIT/2 ML, 20,000 UNIT/ML, 3,000 UNIT/ML, 4,000 UNIT/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (12 per 28 days)
RETACRIT INJECTION SOLUTION 40,000 UNIT/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (4 per 28 days)
UDENYCA ONBODY SUBCUTANEOUS SYRINGE, W/ WEARABLE INJECTOR 6 MG/0.6 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
Hematologic Agents, Miscellaneous		
anagrelide oral capsule 0.5 mg (Agrylin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
anagrelide oral capsule 1 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tranexamic acid oral tablet 650 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Platelet-Aggregation Inhibitors		
aspirin-dipyridamole oral capsule, er multiphase 12 hr 25-200 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cilostazol oral tablet 100 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
clopidogrel oral tablet 75 mg (Plavix)	$0 (Tier 1)	
dipyridamole oral tablet 25 mg, 50 mg, 75 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
pentoxifylline oral tablet extended release 400 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
prasugrel hcl oral tablet 10 mg, 5 mg (Effient)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ticagrelor oral tablet 60 mg, 90 mg (Brilinta)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Caloric Agents		
Caloric Agents		
CLINIMIX 6%-D5W (SULFITE-FREE) INTRAVENOUS PARENTERAL SOLUTION 6-5 %	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD
CLINIMIX 8%-D10W(SULFITE-FREE) INTRAVENOUS PARENTERAL SOLUTION 8-10 %	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD
CLINIMIX 8%-D14W(SULFITE-FREE) INTRAVENOUS PARENTERAL SOLUTION 8-14 %	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD
CLINIMIX E 8%-D10W SULFITEFREE INTRAVENOUS PARENTERAL SOLUTION 8-10 %	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD
CLINIMIX E 8%-D14W SULFITEFREE INTRAVENOUS PARENTERAL SOLUTION 8-14 %	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD
dextrose 5 % in water (d5w) intravenous parenteral solution	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Cardiovascular Agents		
Alpha-Adrenergic Agents		
clonidine hcl oral tablet 0.1 mg, 0.2 mg, 0.3 mg	$0 (Tier 1)	
clonidine transdermal patch weekly 0.1 mg/24 hr (Catapres-TTS-1)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clonidine transdermal patch weekly 0.2 mg/24 hr (Catapres-TTS-2)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
clonidine transdermal patch weekly 0.3 mg/24 hr	(Catapres-TTS-3)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
doxazosin oral tablet 1 mg, 2 mg, 4 mg, 8 mg	(Cardura)	$0 (Tier 1)	
droxidopa oral capsule 100 mg	(Northera)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (180 per 30 days)
droxidopa oral capsule 200 mg, 300 mg	(Northera)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (180 per 30 days)
guanfacine oral tablet 1 mg, 2 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
midodrine oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
prazosin oral capsule 1 mg, 2 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Angiotensin Ii Receptor Antagonists			
candesartan oral tablet 16 mg, 32 mg, 4 mg, 8 mg	(Atacand)	$0 (Tier 6)	
candesartan-hydrochlorothiazid oral tablet 16-12.5 mg, 32-12.5 mg, 32-25 mg	(Atacand HCT)	$0 (Tier 6)	
ENTRESTO ORAL TABLET 24-26 MG, 49-51 MG, 97-103 MG	(sacubitril-valsartan)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
ENTRESTO SPRINKLE ORAL PELLET 15-16 MG, 6-6 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
irbesartan oral tablet 150 mg, 300 mg	(Avapro)	$0 (Tier 6)	
irbesartan oral tablet 75 mg		$0 (Tier 6)	
irbesartan-hydrochlorothiazide oral tablet 150-12.5 mg, 300-12.5 mg	(Avalide)	$0 (Tier 6)	
losartan oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	(Cozaar)	$0 (Tier 6)	
losartan-hydrochlorothiazide oral tablet 100-12.5 mg, 100-25 mg, 50-12.5 mg	(Hyzaar)	$0 (Tier 6)	
olmesartan oral tablet 20 mg, 40 mg, 5 mg	(Benicar)	$0 (Tier 6)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
olmesartan-amlodipin-hcthiazid oral tablet 20-5-12.5 mg, 40-10-12.5 mg, 40-10-25 mg, 40-5-12.5 mg, 40-5-25 mg	(Tribenzor)	$0 (Tier 6)	
olmesartan-hydrochlorothiazide oral tablet 20-12.5 mg, 40-12.5 mg, 40-25 mg	(Benicar HCT)	$0 (Tier 6)	
sacubitril-valsartan oral tablet 24-26 mg, 49-51 mg, 97-103 mg	(Entresto)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
telmisartan oral tablet 20 mg		$0 (Tier 6)	
telmisartan oral tablet 40 mg, 80 mg	(Micardis)	$0 (Tier 6)	
telmisartan-hydrochlorothiazid oral tablet 40-12.5 mg, 80-12.5 mg, 80-25 mg	(Micardis HCT)	$0 (Tier 6)	
valsartan oral tablet 160 mg, 320 mg, 40 mg, 80 mg	(Diovan)	$0 (Tier 6)	
valsartan-hydrochlorothiazide oral tablet 160-12.5 mg, 160-25 mg, 320-12.5 mg, 320-25 mg, 80-12.5 mg	(Diovan HCT)	$0 (Tier 6)	
Angiotensin-Converting Enzyme Inhibitors			
benazepril oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg	(Lotensin)	$0 (Tier 6)	
benazepril oral tablet 5 mg		$0 (Tier 6)	
benazepril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg, 20-25 mg	(Lotensin HCT)	$0 (Tier 6)	
benazepril-hydrochlorothiazide oral tablet 5-6.25 mg		$0 (Tier 6)	
captopril oral tablet 100 mg, 12.5 mg, 25 mg, 50 mg		$0 (Tier 6)	
enalapril maleate oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg	(Vasotec)	$0 (Tier 6)	
enalapril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-25 mg	(Vaseretic)	$0 (Tier 6)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
enalapril-hydrochlorothiazide oral tablet 5-12.5 mg	$0 (Tier 6)	
fosinopril oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg	$0 (Tier 6)	
fosinopril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg	$0 (Tier 6)	
lisinopril oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg, 5 mg (Zestril)	$0 (Tier 6)	
lisinopril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg, 20-25 mg (Zestoretic)	$0 (Tier 6)	
moexipril oral tablet 15 mg, 7.5 mg	$0 (Tier 6)	
perindopril erbumine oral tablet 2 mg, 4 mg, 8 mg	$0 (Tier 6)	
quinapril oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 5 mg	$0 (Tier 6)	
quinapril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg, 20-25 mg	$0 (Tier 6)	
ramipril oral capsule 1.25 mg, 2.5 mg, 5 mg (Altace)	$0 (Tier 6)	
ramipril oral capsule 10 mg	$0 (Tier 6)	
trandolapril oral tablet 1 mg, 2 mg, 4 mg	$0 (Tier 6)	
Antiarrhythmic Agents		
amiodarone oral tablet 100 mg, 200 mg (Pacerone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
amiodarone oral tablet 400 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dofetilide oral capsule 125 mcg, 250 mcg, 500 mcg (Tikosyn)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
flecainide oral tablet 100 mg, 150 mg, 50 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
MULTAQ ORAL TABLET 400 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
pacerone oral tablet 100 mg, 200 mg, 400 mg	(amiodarone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
propafenone oral capsule,extended release 12 hr 225 mg, 325 mg, 425 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
propafenone oral tablet 150 mg, 225 mg, 300 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
quinidine sulfate oral tablet 200 mg, 300 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Beta-Adrenergic Blocking Agents			
acebutolol oral capsule 200 mg, 400 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
atenolol oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	(Tenormin)	$0 (Tier 1)	
atenolol-chlorthalidone oral tablet 100-25 mg	(Tenoretic 100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
atenolol-chlorthalidone oral tablet 50-25 mg	(Tenoretic 50)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
bisoprolol fumarate oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
bisoprolol-hydrochlorothiazide oral tablet 10-6.25 mg, 2.5-6.25 mg, 5-6.25 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
carvedilol oral tablet 12.5 mg, 25 mg, 3.125 mg, 6.25 mg	(Coreg)	$0 (Tier 1)	
labetalol oral tablet 100 mg, 200 mg, 300 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
metoprolol succinate oral tablet extended release 24 hr 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg	(Toprol XL)	$0 (Tier 1)	
metoprolol ta-hydrochlorothiaz oral tablet 50-25 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
metoprolol tartrate oral tablet 100 mg, 50 mg	(Lopressor)	$0 (Tier 1)	
metoprolol tartrate oral tablet 25 mg, 37.5 mg, 75 mg		$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
nebivolol oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg	(Bystolic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
propranolol oral capsule,extended release 24 hr 120 mg, 160 mg, 60 mg, 80 mg	(Inderal LA)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
propranolol oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 60 mg, 80 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sorine oral tablet 120 mg, 160 mg, 240 mg, 80 mg	(sotalol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sotalol af oral tablet 120 mg, 160 mg, 80 mg	(sotalol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sotalol oral tablet 120 mg, 160 mg, 80 mg	(Sotalol AF)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sotalol oral tablet 240 mg	(Betapace)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
timolol maleate oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Calcium-Channel Blocking Agents			
cartia xt oral capsule,extended release 24hr 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg	(diltiazem hcl)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diltiazem 24hr er 360 mg cap once-a-day dosage	(Tiadylt ER)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diltiazem 24hr er 420 mg cap	(Tiadylt ER)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diltiazem hcl oral capsule,extended release 12 hr 120 mg, 60 mg, 90 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diltiazem hcl oral capsule,extended release 24 hr 180 mg, 360 mg, 420 mg	(Tiadylt ER)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diltiazem hcl oral capsule,extended release 24hr 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg	(Cartia XT)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diltiazem hcl oral tablet 120 mg, 30 mg, 60 mg	(Cardizem)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
diltiazem hcl oral tablet 90 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dilt-xr oral capsule,ext.rel 24h degradable 120 mg, 180 mg, 240 mg	(diltiazem hcl)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
taztia xt oral capsule,extended release 24 hr 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg, 360 mg	(diltiazem hcl)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tiadylt er oral capsule,extended release 24 hr 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg, 360 mg, 420 mg	(diltiazem hcl)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
verapamil oral capsule,ext rel. pellets 24 hr 120 mg, 180 mg, 240 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
verapamil oral capsule,ext rel. pellets 24 hr 360 mg		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
verapamil oral tablet 120 mg, 40 mg, 80 mg		$0 (Tier 1)	
verapamil oral tablet extended release 120 mg, 180 mg, 240 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Cardiovascular Agents, Miscellaneous			
ATTRUBY ORAL TABLET 356 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (112 per 28 days)
CAMZYOS ORAL CAPSULE 10 MG, 15 MG, 2.5 MG, 5 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
CORLANOR ORAL SOLUTION 5 MG/5 ML		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (600 per 30 days)
digoxin injection syringe 250 mcg/ml (0.25 mg/ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
digoxin oral tablet 125 mcg (0.125 mg), 250 mcg (0.25 mg)	(Digitek)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
epinephrine injection auto-injector 0.15 mg/0.15 ml	(Auvi-Q)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)
epinephrine injection auto-injector 0.15 mg/0.3 ml	(EpiPen Jr)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
epinephrine injection auto-injector 0.3 mg/0.3 ml		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
epinephrine injection auto-injector 0.3 mg/0.3 ml	(Auvi-Q)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
hydralazine oral tablet 10 mg, 100 mg, 25 mg, 50 mg		$0 (Tier 1)	
icatibant subcutaneous syringe 30 mg/3 ml	(Firazyr)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (18 per 30 days)
ivabradine oral tablet 5 mg, 7.5 mg	(Corlanor)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
metyrosine oral capsule 250 mg		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ranolazine oral tablet extended release 12 hr 1,000 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ranolazine oral tablet extended release 12 hr 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
VERQUVO ORAL TABLET 10 MG, 2.5 MG, 5 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA; QL (30 per 30 days)
VYNDAMAX ORAL CAPSULE 61 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
Dihydropyridines			
amlodipine oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	(Norvasc)	$0 (Tier 1)	
amlodipine-benazepril oral capsule 10-20 mg, 10-40 mg, 5-10 mg, 5-20 mg	(Lotrel)	$0 (Tier 6)	
amlodipine-benazepril oral capsule 2.5-10 mg, 5-40 mg		$0 (Tier 6)	
amlodipine-olmesartan oral tablet 10-20 mg, 10-40 mg, 5-20 mg, 5-40 mg	(Azor)	$0 (Tier 6)	
amlodipine-valsartan oral tablet 10-160 mg, 10-320 mg, 5-160 mg, 5-320 mg	(Exforge)	$0 (Tier 6)	
amlodipine-valsartan-hcthiazid oral tablet 10-160-12.5 mg, 10-160-25 mg, 10-320-25 mg, 5-160-12.5 mg, 5-160-25 mg	(Exforge HCT)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
felodipine oral tablet extended release 24 hr 10 mg, 2.5 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nifedipine oral tablet extended release 24hr 30 mg, 60 mg	(Procardia XL)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nifedipine oral tablet extended release 24hr 90 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nifedipine oral tablet extended release 30 mg, 60 mg, 90 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Diuretics			
amiloride oral tablet 5 mg		$0 (Tier 1)	
amiloride-hydrochlorothiazide oral tablet 5-50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
bumetanide oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
chlorthalidone oral tablet 25 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
furosemide injection solution 10 mg/ml		$0 (Tier 1)	
furosemide injection syringe 10 mg/ml		$0 (Tier 1)	
furosemide oral solution 10 mg/ml, 40 mg/5 ml (8 mg/ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
furosemide oral tablet 20 mg, 40 mg, 80 mg	(Lasix)	$0 (Tier 1)	
hydrochlorothiazide oral capsule 12.5 mg		$0 (Tier 1)	
hydrochlorothiazide oral tablet 12.5 mg, 25 mg, 50 mg		$0 (Tier 1)	
indapamide oral tablet 1.25 mg, 2.5 mg		$0 (Tier 1)	
JYNARQUE ORAL TABLET 15 MG, 30 MG	(tolvaptan (polycys kidney dis))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (120 per 30 days)
metolazone oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
spironolactone oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	(Aldactone)	$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
spironolacton-hydrochlorothiaz oral tablet 25-25 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tolvaptan (polycys kidney dis) oral tablets, sequential 15 mg (am)/ 15 mg (pm), 30 mg (am)/ 15 mg (pm), 45 mg (am)/ 15 mg (pm), 60 mg (am)/ 30 mg (pm), 90 mg (am)/ 30 mg (pm)	(Jynarque)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
torsemide oral tablet 10 mg, 100 mg, 20 mg, 5 mg		$0 (Tier 1)	
triamterene-hydrochlorothiazid oral capsule 37.5-25 mg		$0 (Tier 1)	
triamterene-hydrochlorothiazid oral tablet 37.5-25 mg, 75-50 mg		$0 (Tier 1)	
Dyslipidemics			
amlodipine-atorvastatin oral tablet 10-10 mg, 5-10 mg	(Caduet)	$0 (Tier 6)	
amlodipine-atorvastatin oral tablet 10-20 mg, 10-40 mg, 10-80 mg, 5-20 mg, 5-40 mg, 5-80 mg	(Caduet)	$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
amlodipine-atorvastatin oral tablet 2.5-10 mg, 2.5-20 mg, 2.5-40 mg		$0 (Tier 6)	
atorvastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 80 mg	(Lipitor)	$0 (Tier 6)	
cholestyramine (with sugar) oral powder 4 gram	(Questran)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cholestyramine (with sugar) oral powder in packet 4 gram	(Questran)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cholestyramine light oral powder in packet 4 gram	(cholestyramine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
colesevelam oral powder in packet 3.75 gram	(WelChol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
colesevelam oral tablet 625 mg	(WelChol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
colestipol oral packet 5 gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
colestipol oral tablet 1 gram	(Colestid)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ezetimibe oral tablet 10 mg	(Zetia)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ezetimibe-simvastatin oral tablet 10-10 mg	(Vytorin 10-10)	$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
ezetimibe-simvastatin oral tablet 10-20 mg	(Vytorin 10-20)	$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
ezetimibe-simvastatin oral tablet 10-40 mg	(Vytorin 10-40)	$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
ezetimibe-simvastatin oral tablet 10-80 mg	(Vytorin 10-80)	$0 (Tier 6)	QL (30 per 30 days)
fenofibrate micronized oral capsule 134 mg, 200 mg, 67 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fenofibrate nanocrystallized oral tablet 145 mg	(Tricor)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fenofibrate nanocrystallized oral tablet 48 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fenofibrate oral tablet 160 mg, 54 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluvastatin oral capsule 20 mg, 40 mg		$0 (Tier 6)	QL (60 per 30 days)
fluvastatin oral tablet extended release 24 hr 80 mg	(Lescol XL)	$0 (Tier 6)	
gemfibrozil oral tablet 600 mg	(Lopid)	$0 (Tier 1)	
icosapent ethyl oral capsule 0.5 gram	(Vascepa)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
icosapent ethyl oral capsule 1 gram	(Vascepa)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
lovastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg		$0 (Tier 6)	
NEXLETOL ORAL TABLET 180 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	ST; QL (30 per 30 days)
NEXLIZET ORAL TABLET 180-10 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	ST; QL (30 per 30 days)
niacin oral tablet extended release 24 hr 1,000 mg, 500 mg, 750 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
omega-3 acid ethyl esters oral capsule 1 gram	(Lovaza)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (120 per 30 days)
pitavastatin calcium oral tablet 1 mg, 2 mg, 4 mg	(Livalo)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
pravastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 80 mg		$0 (Tier 6)	
prevalite oral powder in packet 4 gram	(cholestyramine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
REPATHA PUSHTRONEX SUBCUTANEOUS WEARABLE INJECTOR 420 MG/3.5 ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	ST; QL (7 per 28 days)
REPATHA SURECLICK SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 140 MG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	ST; QL (6 per 28 days)
REPATHA SYRINGE SUBCUTANEOUS SYRINGE 140 MG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	ST; QL (6 per 28 days)
rosuvastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 5 mg	(Crestor)	$0 (Tier 6)	
simvastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg	(Zocor)	$0 (Tier 6)	
simvastatin oral tablet 5 mg, 80 mg		$0 (Tier 6)	
Renin-Angiotensin-Aldosterone System Inhibitors			
aliskiren oral tablet 150 mg, 300 mg	(Tekturna)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
eplerenone oral tablet 25 mg	(Inspra)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
eplerenone oral tablet 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
KERENDIA ORAL TABLET 10 MG, 20 MG, 40 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA; QL (30 per 30 days)
Vasodilators			
isosorbide dinitrate oral tablet 10 mg, 20 mg, 30 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
isosorbide dinitrate oral tablet 5 mg (Isordil Titradose)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
isosorbide mononitrate oral tablet 10 mg, 20 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
isosorbide mononitrate oral tablet extended release 24 hr 120 mg, 30 mg, 60 mg	$0 (Tier 1)	
minoxidil oral tablet 10 mg, 2.5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nitroglycerin sublingual tablet 0.3 mg, 0.4 mg, 0.6 mg (Nitrostat)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nitroglycerin transdermal patch 24 hour 0.1 mg/hr, 0.2 mg/hr, 0.4 mg/hr, 0.6 mg/hr (Nitro-Dur)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Central Nervous System Agents		
Central Nervous System Agents		
atomoxetine oral capsule 10 mg, 18 mg, 25 mg, 40 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
atomoxetine oral capsule 100 mg, 60 mg, 80 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
AUSTEDO ORAL TABLET 12 MG, 9 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (120 per 30 days)
AUSTEDO ORAL TABLET 6 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
AUSTEDO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 12 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
AUSTEDO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 18 MG, 24 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
AUSTEDO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 30 MG, 36 MG, 42 MG, 48 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
AUSTEDO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 6 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (210 per 30 days)
AUSTEDO XR TITRATION KT(WK1-4) ORAL TABLET, EXT REL 24HR DOSE PACK 12-18-24-30 MG, 6 MG (14)-12 MG (14)-24 MG (14)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
AVONEX INTRAMUSCULAR PEN INJECTOR KIT 30 MCG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)
AVONEX INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 30 MCG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)
BETASERON SUBCUTANEOUS KIT 0.3 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (15 per 30 days)
dalfampridine oral tablet extended release 12 hr 10 mg	(Ampyra)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (60 per 30 days)
dextroamphetamine-amphetamine oral capsule,extended release 24hr 10 mg, 15 mg, 5 mg	(Adderall XR)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
dextroamphetamine-amphetamine oral capsule,extended release 24hr 20 mg, 25 mg, 30 mg	(Adderall XR)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
dextroamphetamine-amphetamine oral tablet 10 mg, 12.5 mg, 15 mg, 20 mg, 30 mg, 5 mg, 7.5 mg	(Adderall)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
dimethyl fumarate oral capsule,delayed release(dr/ec) 120 mg	(Tecfidera)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (14 per 7 days)
dimethyl fumarate oral capsule,delayed release(dr/ec) 120 mg (14)- 240 mg (46)	(Tecfidera)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA
dimethyl fumarate oral capsule,delayed release(dr/ec) 240 mg	(Tecfidera)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
fingolimod oral capsule 0.5 mg	(Gilenya)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
glatiramer subcutaneous syringe 20 mg/ml	(Glatopa)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
glatiramer subcutaneous syringe 40 mg/ml	(Glatopa)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (12 per 28 days)
glatopa subcutaneous syringe 20 mg/ml	(glatiramer)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
glatopa subcutaneous syringe 40 mg/ml	(glatiramer)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (12 per 28 days)
guanfacine oral tablet extended release 24 hr 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg	(Intuniv ER)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
INGREZZA INITIATION PK(TARDIV) ORAL CAPSULE,DOSE PACK 40 MG (7)-80 MG (21)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
INGREZZA ORAL CAPSULE 40 MG, 60 MG, 80 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
INGREZZA SPRINKLE ORAL CAPSULE, SPRINKLE 40 MG, 60 MG, 80 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
KESIMPTA PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 20 MG/0.4 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1.2 per 28 days)
lithium carbonate oral capsule 150 mg, 300 mg, 600 mg		$0 (Tier 1)	
lithium carbonate oral tablet 300 mg		$0 (Tier 1)	
lithium carbonate oral tablet extended release 300 mg	(Lithobid)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lithium carbonate oral tablet extended release 450 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lithium citrate oral solution 8 meq/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
MAVENCLAD (10 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG	(cladribine(multiple sclerosis))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (4 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG	(cladribine(multiple sclerosis))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
MAVENCLAD (5 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG	(cladribine(multiple sclerosis))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (6 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG	(cladribine(multiple sclerosis))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (7 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG	(cladribine(multiple sclerosis))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (8 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG	(cladribine(multiple sclerosis))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAVENCLAD (9 TABLET PACK) ORAL TABLET 10 MG	(cladribine(multiple sclerosis))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
MAYZENT ORAL TABLET 0.25 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (112 per 28 days)
MAYZENT ORAL TABLET 1 MG, 2 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
MAYZENT STARTER(FOR 1MG MAINT) ORAL TABLETS,DOSE PACK 0.25 MG (7 TABS)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA
MAYZENT STARTER(FOR 2MG MAINT) ORAL TABLETS,DOSE PACK 0.25 MG (12 TABS)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
methylphenidate hcl oral solution 10 mg/5 ml, 5 mg/5 ml	(Methylin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (900 per 30 days)
methylphenidate hcl oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg	(Ritalin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
PLEGRIDY SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 125 MCG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)
PLEGRIDY SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 63 MCG/0.5 ML-94 MCG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
PLEGRIDY SUBCUTANEOUS SYRINGE 125 MCG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)
PLEGRIDY SUBCUTANEOUS SYRINGE 63 MCG/0.5 ML- 94 MCG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
riluzole oral tablet 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
tetrabenazine oral tablet 12.5 mg	(Xenazine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (112 per 28 days)
tetrabenazine oral tablet 25 mg	(Xenazine)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (112 per 28 days)
VUMERITY ORAL CAPSULE,DELAYED RELEASE(DR/EC) 231 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (120 per 30 days)
Contraceptives			
Contraceptives			
afirmelle oral tablet 0.1-20 mg-mcg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
altavera (28) oral tablet 0.15-0.03 mg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
alyacen 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg	(norethindrone-ethin estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
alyacen 7/7/7 (28) oral tablet 0.5/0.75/1 mg- 35 mcg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
amethyst (28) oral tablet 90-20 mcg (28)	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
apri oral tablet 0.15-0.03 mg	(desogestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
aubra eq oral tablet 0.1-20 mg-mcg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
aurovela 1.5/30 (21) oral tablet 1.5-30 mg-mcg	(norethindrone ac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
aurovela 1/20 (21) oral tablet 1-20 mg-mcg	(norethindrone ac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
aurovela 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
aurovela fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
aurovela fe 1-20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
aviane oral tablet 0.1-20 mg-mcg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ayuna oral tablet 0.15-0.03 mg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
azurette (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5	(desog-e.estradiol/e.estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
blisovi 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
blisovi fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
blisovi fe 1/20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
camila oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
chateal eq (28) oral tablet 0.15-0.03 mg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cryselle (28) oral tablet 0.3-30 mg-mcg	(norgestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cyred eq oral tablet 0.15-0.03 mg	(desogestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dasetta 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg	(norethindrone-ethin estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dasetta 7/7/7 (28) oral tablet 0.5/0.75/1 mg- 35 mcg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
deblitane oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
desog-e.estradiol/e.estradiol oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5	(Azurette (28))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
desogestrel-ethinyl estradiol oral tablet 0.15-0.03 mg	(Apri)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dolishale oral tablet 90-20 mcg (28)	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
elinest oral tablet 0.3-30 mg-mcg	(norgestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
eluryng vaginal ring 0.12-0.015 mg/24 hr	(etonogestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
emzahh oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
enilloring vaginal ring 0.12-0.015 mg/24 hr	(etonogestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
enpresse oral tablet 50-30 (6)/75-40 (5)/125-30(10)	(levonorg-eth estrad triphasic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
enskyce oral tablet 0.15-0.03 mg	(desogestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
errin oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
estarylla oral tablet 0.25-0.035 mg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ethynodiol diac-eth estradiol oral tablet 1-35 mg-mcg	(Kelnor 1/35 (28))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ethynodiol diac-eth estradiol oral tablet 1-50 mg-mcg	(Valtya)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
etonogestrel-ethinyl estradiol vaginal ring 0.12-0.015 mg/24 hr	(EluRyng)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
falmina (28) oral tablet 0.1-20 mg-mcg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
feirza oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7), 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
femynor oral tablet 0.25-35 mg-mcg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$0 (Tier 1)	
hailey 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
hailey fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
hailey fe 1/20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
haloette vaginal ring 0.12-0.015 mg/24 hr	(etonogestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
heather oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
iclevia oral tablets,dose pack,3 month 0.15 mg-30 mcg (91)	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (91 per 84 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
incassia oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
introvale oral tablets,dose pack,3 month 0.15 mg-30 mcg (91)	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (91 per 84 days)
isibloom oral tablet 0.15-0.03 mg	(desogestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
jencycla oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$0 (Tier 1)	
jolessa oral tablets,dose pack,3 month 0.15 mg-30 mcg (91)	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (91 per 84 days)
juleber oral tablet 0.15-0.03 mg	(desogestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
junel 1.5/30 (21) oral tablet 1.5-30 mg-mcg	(norethindrone ac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
junel 1/20 (21) oral tablet 1-20 mg-mcg	(norethindrone ac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
junel fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
junel fe 1/20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
junel fe 24 oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
kariva (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5	(desog-e.estradiol/e.estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
kelnor 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg	(ethynodiol diac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
kelnor 1/50 (28) oral tablet 1-50 mg-mcg	(ethynodiol diac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
kurvelo (28) oral tablet 0.15-0.03 mg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
KYLEENA INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 17.5 MCG/24 HR (5 YRS) 19.5 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
larin 1.5/30 (21) oral tablet 1.5-30 mg-mcg	(norethindrone ac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
larin 1/20 (21) oral tablet 1-20 mg-mcg	(norethindrone ac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
larin 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
larin fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
larin fe 1/20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lessina oral tablet 0.1-20 mg-mcg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levonest (28) oral tablet 50-30 (6)/75-40 (5)/125-30(10)	(levonorg-eth estrad triphasic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levonorgest-eth.estradiol-iron oral tablet 0.1 mg-0.02 mg (21)/iron (7)	(Balcoltra)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
levonorgestrel-ethinyl estrad oral tablet 0.1-20 mg-mcg	(Afirmelle)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levonorgestrel-ethinyl estrad oral tablet 0.15-0.03 mg	(Altavera (28))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levonorgestrel-ethinyl estrad oral tablet 90-20 mcg (28)	(Amethyst (28))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levonorgestrel-ethinyl estrad oral tablets,dose pack,3 month 0.15 mg-30 mcg (91)	(Iclevia)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (91 per 84 days)
levonorg-eth estrad triphasic oral tablet 50-30 (6)/75-40 (5)/125-30(10)	(Enpresse)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
levora-28 oral tablet 0.15-0.03 mg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
LILETTA INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 20.4 MCG/24 HR (8 YRS) 52 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
low-ogestrel (28) oral tablet 0.3-30 mg-mcg	(norgestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
luizza oral tablet 1-20 mg-mcg, 1.5-30 mg-mcg	(norethindrone ac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lutera (28) oral tablet 0.1-20 mg-mcg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
lyleq oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lyza oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
marlissa (28) oral tablet 0.15-0.03 mg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
meleya oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
microgestin 1.5/30 (21) oral tablet 1.5-30 mg-mcg	(norethindrone ac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
microgestin 1/20 (21) oral tablet 1-20 mg-mcg	(norethindrone ac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
microgestin 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
microgestin fe 1.5/30 (28) oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
microgestin fe 1/20 (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mili oral tablet 0.25-0.035 mg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
MIRENA INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 21 MCG/24HR (UP TO 8 YRS) 52 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
mono-linyah oral tablet 0.25-0.035 mg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$0 (Tier 1)	
NEXPLANON SUBDERMAL IMPLANT 68 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
norelgestromin-ethin.estradiol transdermal patch weekly 150-35 mcg/24 hr	(Xulane)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (3 per 28 days)
norethindrone (contraceptive) oral tablet 0.35 mg	(Jencycla)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
norethindrone-e.estradiol-iron oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)	(Aurovela Fe 1-20 (28))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
norethindrone-e.estradiol-iron oral tablet 1.5 mg-30 mcg (21)/75 mg (7)	(Aurovela Fe 1.5/30 (28))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
norethindrone-e.estradiol-iron oral tablet 1-20(5)/1-30(7) /1mg-35mcg (9)	(Tilia Fe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
norgestimate-ethinyl estradiol oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg	(Tri-Lo-Estarylla)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
norgestimate-ethinyl estradiol oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28)	(Tri-Estarylla)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
norgestimate-ethinyl estradiol oral tablet 0.25-0.035 mg	(Mono-Linyah)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nortrel 1/35 (21) oral tablet 1-35 mg-mcg (21)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nortrel 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg	(norethindrone-ethin estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nortrel 7/7/7 (28) oral tablet 0.5/0.75/1 mg- 35 mcg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nylia 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg	(norethindrone-ethin estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nylia 7/7/7 (28) oral tablet 0.5/0.75/1 mg- 35 mcg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
nymyo oral tablet 0.25-35 mg-mcg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
orquidea oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
pimtrea (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5	(desog-e.estradiol/e.estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
portia 28 oral tablet 0.15-0.03 mg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
reclipsen (28) oral tablet 0.15-0.03 mg	(desogestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
setlakin oral tablets,dose pack,3 month 0.15 mg-30 mcg (91)	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (91 per 84 days)
sharobel oral tablet 0.35 mg	(norethindrone (contraceptive))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
simliya (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5	(desog-e.estradiol/e.estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SKYLA INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 14 MCG/24 HR (3 YRS) 13.5 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
sprintec (28) oral tablet 0.25-0.035 mg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sronyx oral tablet 0.1-20 mg-mcg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tarina 24 fe oral tablet 1 mg-20 mcg (24)/75 mg (4)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tarina fe 1-20 eq (28) oral tablet 1 mg-20 mcg (21)/75 mg (7)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tilia fe oral tablet 1-20(5)/1-30(7) /1mg-35mcg (9)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-estarylla oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28)	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-legest fe oral tablet 1-20(5)/1-30(7) /1mg-35mcg (9)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-linyah oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28)	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-lo-estarylla oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-lo-marzia oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-lo-mili oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-lo-sprintec oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-mili oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28)	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-nymyo oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-35 mcg (28)	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-sprintec (28) oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28)	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
trivora (28) oral tablet 50-30 (6)/75-40 (5)/125-30(10)	(levonorg-eth estrad triphasic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
tri-vylibra lo oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.025 mg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tri-vylibra oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-0.035mg (28)	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
turqoz (28) oral tablet 0.3-30 mg-mcg	(norgestrel-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
valtya oral tablet 1-35 mg-mcg, 1-50 mg-mcg	(ethynodiol diac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
vienva oral tablet 0.1-20 mg-mcg	(levonorgestrel-ethinyl estrad)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
viorele (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5	(desog-e.estradiol/e.estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
volnea (28) oral tablet 0.15-0.02 mgx21 /0.01 mg x 5	(desog-e.estradiol/e.estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
vylibra oral tablet 0.25-0.035 mg	(norgestimate-ethinyl estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
xarah fe oral tablet 1-20(5)/1-30(7) /1mg-35mcg (9)	(norethindrone-e.estradiol-iron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
xulane transdermal patch weekly 150-35 mcg/24 hr	(norelgestromin-ethin.estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (3 per 28 days)
zafemy transdermal patch weekly 150-35 mcg/24 hr	(norelgestromin-ethin.estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (3 per 28 days)
zovia 1/35e (28) oral tablet 1-35 mg-mcg	(ethynodiol diac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
zovia 1-35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg	(ethynodiol diac-eth estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Dental And Oral Agents			
Dental And Oral Agents			
cevimeline oral capsule 30 mg	(Evoxac)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
chlorhexidine gluconate mucous membrane mouthwash 0.12 %	(Periogard)	$0 (Tier 1)	
denta 5000 plus dental cream 1.1 %	(fluoride (sodium))	$0 (Tier 1)	
dentagel dental gel 1.1 %	(fluoride (sodium))	$0 (Tier 1)	
fluoride (sodium) dental gel 1.1 %	(DentaGel)	$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
fluoride (sodium) dental solution 0.2 %	(PreviDent)	$0 (Tier 1)	
periogard mucous membrane mouthwash 0.12 %	(chlorhexidine gluconate)	$0 (Tier 1)	
pilocarpine hcl oral tablet 5 mg, 7.5 mg	(Salagen (pilocarpine))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sf 5000 plus dental cream 1.1 %	(fluoride (sodium))	$0 (Tier 1)	
sodium fluoride-pot nitrate dental paste 1.1-5 %	(Denta 5000 Plus Sensitive)	$0 (Tier 1)	
triamcinolone acetonide dental paste 0.1 %	(Kourzeq)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Dermatological Agents			
Dermatological Agents, Other			
acitretin oral capsule 10 mg, 17.5 mg, 25 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
acyclovir topical ointment 5 %	(Zovirax)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ammonium lactate topical cream 12 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ammonium lactate topical lotion 12 %	(AmLactin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
calcipotriene scalp solution 0.005 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
calcipotriene topical cream 0.005 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
calcipotriene topical ointment 0.005 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
fluorouracil topical cream 5 %	(Efudex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluorouracil topical solution 2 %, 5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
imiquimod topical cream in packet 5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)
KLISYRI (250 MG) TOPICAL OINTMENT IN PACKET 1 %		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	ST; NDS; QL (5 per 5 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
methoxsalen oral capsule,liqd-filled,rapid rel 10 mg	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
PANRETIN TOPICAL GEL 0.1 %	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (60 per 28 days)
podofilox topical solution 0.5 %	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
SANTYL TOPICAL OINTMENT 250 UNIT/GRAM	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (180 per 30 days)
VALCHLOR TOPICAL GEL 0.016 %	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
zenatane oral capsule 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg (isotretinoin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Dermatological Antibacterials		
clindamycin phosphate topical solution 1 %	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
clindamycin phosphate topical swab 1 % (Clindacin ETZ)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clindamycin-benzoyl peroxide topical gel 1-5 %	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
erythromycin with ethanol topical solution 2 %	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
gentamicin topical cream 0.1 %	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
gentamicin topical ointment 0.1 %	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
metronidazole topical cream 0.75 % (Rosadan)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
metronidazole topical gel 0.75 % (Rosadan)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
metronidazole topical gel 1 % (Metrogel)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mupirocin topical ointment 2 % (Centany)	$0 (Tier 1)	QL (220 per 30 days)
rosadan topical cream 0.75 % (metronidazole)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
selenium sulfide topical lotion 2.5 %	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
silver sulfadiazine topical cream 1 %	(SSD)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ssd topical cream 1 %	(silver sulfadiazine)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
Dermatological Anti-Inflammatory Agents			
ala-cort topical cream 1 %	(hydrocortisone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betamethasone dipropionate topical cream 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betamethasone dipropionate topical lotion 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betamethasone dipropionate topical ointment 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betamethasone valerate topical cream 0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betamethasone valerate topical lotion 0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betamethasone valerate topical ointment 0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betamethasone, augmented topical cream 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betamethasone, augmented topical gel 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betamethasone, augmented topical lotion 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betamethasone, augmented topical ointment 0.05 %	(Diprolene (augmented))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clobetasol scalp solution 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clobetasol topical cream 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clobetasol topical gel 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clobetasol topical lotion 0.05 %	(Clobex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
clobetasol topical ointment 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clobetasol topical shampoo 0.05 %	(Clobex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clobetasol-emollient topical cream 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
clobetasol-emollient topical foam 0.05 %	(Olux-E)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
EUCRISA TOPICAL OINTMENT 2 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
fluocinolone topical cream 0.01 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluocinolone topical cream 0.025 %	(Synalar)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluocinolone topical ointment 0.025 %	(Synalar)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluocinonide topical cream 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluocinonide topical gel 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluocinonide topical ointment 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluocinonide topical solution 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluticasone propionate topical cream 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
halobetasol propionate topical cream 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
halobetasol propionate topical ointment 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
hydrocortisone 2.5% cream		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
hydrocortisone topical cream 1 %	(Ala-Cort)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
hydrocortisone topical cream with perineal applicator 2.5 %	(Procto-Med HC)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
hydrocortisone topical lotion 2.5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
hydrocortisone topical ointment 1 %	(Anti-Itch (HC))	$0 (Tier 1)	
hydrocortisone topical ointment 2.5 %		$0 (Tier 1)	
hydrocortisone valerate topical cream 0.2 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mometasone topical cream 0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mometasone topical ointment 0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mometasone topical solution 0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
pimecrolimus topical cream 1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (100 per 30 days)
procto-med hc topical cream with perineal applicator 2.5 %	(hydrocortisone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
proctosol hc topical cream with perineal applicator 2.5 %	(hydrocortisone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
proctozone-hc topical cream with perineal applicator 2.5 %	(hydrocortisone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tacrolimus topical ointment 0.03 %, 0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (100 per 30 days)
triamcinolone acetonide topical cream 0.025 %, 0.1 %		$0 (Tier 1)	
triamcinolone acetonide topical cream 0.5 %	(Triderm)	$0 (Tier 1)	
triamcinolone acetonide topical lotion 0.025 %, 0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
triamcinolone acetonide topical ointment 0.025 %, 0.1 %, 0.5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Dermatological Retinoids			
adapalene topical cream 0.1 %	(Differin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ALTRENO TOPICAL LOTION 0.05 %		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
tazarotene topical cream 0.1 %	(Tazorac)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tretinoin topical cream 0.025 %	(Avita)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA
tretinoin topical cream 0.05 %, 0.1 %	(Retin-A)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA
Scabicides And Pediculicides			
malathion topical lotion 0.5 %	(Ovide)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
permethrin topical cream 5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
Devices			
Devices			
1ST TIER UNIFINE PENTP 5MM 31G 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTIP 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTIP 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTIP 8MM 31G STRL,SINGLE-USE,SHRT 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTP 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTP 31GX3/16 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
1ST TIER UNIFINE PNTP 32GX5/32 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ADVOCATE INS 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS SYR 0.3 ML 29GX1/2 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS SYR 0.5 ML 29GX1/2 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS SYR 1 ML 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE INS SYR 1 ML 30GX5/16 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE PEN NDL 12.7MM 29G 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE PEN NEEDLE 4MM 33G 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE PEN NEEDLES 5MM 31G 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ADVOCATE PEN NEEDLES 8MM 31G 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ALCOHOL PADS TOPICAL PADS, MEDICATED	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
ALCOHOL PREP SWABS TOPICAL PADS, MEDICATED	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
ALCOHOL WIPES TOPICAL PADS, MEDICATED	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
AQINJECT PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
AQINJECT PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ASSURE ID DUO PRO NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID DUO-SHIELD 30GX3/16" 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID DUO-SHIELD 30GX5/16" 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID INSULIN SAFETY SYRINGE 1 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID PEN NEEDLE 30GX3/16" 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID PEN NEEDLE 30GX5/16" 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID PRO PEN NDL 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID SYR 0.5 ML 31GX15/64" 0.5 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ASSURE ID SYR 1 ML 31GX15/64" 1 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
AUTOSHIELD DUO PEN NDL 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD AUTOSHIELD DUO NDL 5MMX30G 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD ECLIPSE 30GX1/2" SYRINGE 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD ECLIPSE NEEDLE 30GX1/2" (OTC) 30 X 1/2 "		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD INS SYR 0.3 ML 8MMX31G(1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD INS SYR UF 0.3 ML 12.7MMX30G 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BD INS SYR UF 0.5 ML 12.7MMX30G NOT FOR RETAIL SALE 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD INSULIN SYR 1 ML 27GX12.7MM 1 ML 27 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD INSULIN SYR 1 ML 27GX5/8" MICRO-FINE 1 ML 27 GAUGE X 5/8"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD LO-DOSE ULTRA-FINE SYRINGE 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD NANO 2 GEN PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETGLD INS 0.3 ML 29G 13MM 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETYGLD INS 0.3 ML 31G 8MM 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETYGLD INS 0.5 ML 30G 8MM 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETYGLD INS 1 ML 29G 13MM 1 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETYGLID INS 1 ML 6MMX31G 1 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFETYGLIDE SYRINGE 27GX5/8 1 ML 27 GAUGE X 5/8"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFTYGLD INS 0.3 ML 6MMX31G 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFTYGLD INS 0.5 ML 29G 13MM 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SAFTYGLD INS 0.5 ML 6MMX31G 0.5 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD SINGLE USE SWAB	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BD UF MICRO PEN NEEDLE 6MMX32G 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD UF MINI PEN NEEDLE 5MMX31G 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD UF NANO PEN NEEDLE 4MMX32G 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD UF ORIG PEN NDL 12.7MMX29G 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD UF SHORT PEN NEEDLE 8MMX31G 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD VEO INS 0.3 ML 6MMX31G (1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD VEO INS SYRING 1 ML 6MMX31G 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD VEO INS SYRN 0.3 ML 6MMX31G 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BD VEO INS SYRN 0.5 ML 6MMX31G 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
BORDERED GAUZE 2"X2" 2 X 2 "	(gauze bandage)	$0 (Tier 1)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLE 12.7MM 29G 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLE 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLE 5MM 32G 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLE 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLE 8MM 30G 30 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLES 6MM 32G 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CAREFINE PEN NEEDLES 8MM 31G 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CARETOUCH ALCOHOL 70% PREP PAD	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 29G 12MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 32GX3/16" 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH PEN NEEDLE 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 1 ML 28GX5/16" 1 ML 28 X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 1 ML 29GX5/16" 1 ML 29 GAUGE X 5/16		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CARETOUCH SYR 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CLICKFINE PEN NEEDLE 32GX5/32" 32GX4MM, STERILE 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ 0.3 ML 31G 15/64" 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
COMFORT EZ 0.5 ML 31G 15/64" 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INS 0.3 ML 30GX1/2" 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INS 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INS 1 ML 31G 15/64" 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INS 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INSULIN SYR 0.3 ML 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ INSULIN SYR 0.5 ML 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLE 12MM 29G 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 4MM 32G SINGLE USE, MICRO 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 4MM 33G 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 5MM 31G MINI 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 5MM 32G SINGLE USE,MINI,HRI 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 5MM 33G 33 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 6MM 32G 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
COMFORT EZ PEN NEEDLES 6MM 33G 33 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 8MM 31G SHORT 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 8MM 32G 32 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PEN NEEDLES 8MM 33G 33 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PRO PEN NDL 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PRO PEN NDL 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ PRO PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 0.3 ML 29GX1/2" 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 0.5 ML 28GX1/2" 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 0.5 ML 29GX1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 0.5 ML 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 1 ML 27G 12.7MM 1 ML 27 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 1 ML 28GX1/2" 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 1 ML 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT EZ SYR 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
COMFORT EZ SYR 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT POINT PEN NDL 31GX1/3" 31 GAUGE X 1/3"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT POINT PEN NDL 31GX1/6" 31 GAUGE X 1/6"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 32G 8MM 32 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 33G 6MM 33 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
COMFORT TOUCH PEN NDL 33GX5MM 33 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
CURAD GAUZE PADS 2" X 2" 2 X 2 "	(gauze bandage)	$0 (Tier 1)	PA; ST
CURITY ALCOHOL PREPS 2 PLY,MEDIUM	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
CURITY GAUZE PADS 2 X 2 "	(gauze bandage)	$0 (Tier 1)	PA; ST
CURITY GAUZE SPONGES (12 PLY)-200/BAG 2 X 2 "		$0 (Tier 1)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DERMACEA 2"X2" GAUZE 12 PLY, USP TYPE VII 2 X 2 "	(gauze bandage)	$0 (Tier 1)	PA; ST
DERMACEA GAUZE 2"X2" SPONGE 8 PLY 2 X 2 "		$0 (Tier 1)	PA; ST
DERMACEA NON-WOVEN 2"X2" SPNGE 2 X 2 "		$0 (Tier 1)	PA; ST
DROPLET 0.3 ML 29G 12.7MM(1/2) OUTER 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET 0.3 ML 30G 12.7MM(1/2) OUTER 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET 0.5 ML 29GX12.5MM(1/2) 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET 0.5 ML 30GX12.5MM(1/2) 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.3 ML 29GX12.5MM 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.3 ML 30G 8MM(1/2) OUTER 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.3 ML 30GX12.5MM 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.3 ML 31G 6MM(1/2) OUTER 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.3 ML 31G 8MM(1/2) OUTER 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 29G 12.7MM OUTER 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DROPLET INS 0.5 ML 30G 12.7MM OUTER 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 30GX6MM(1/2) 0.5ML 30 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 30GX8MM(1/2) 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 31GX6MM(1/2) 0.5 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS 0.5 ML 31GX8MM(1/2) 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.3 ML 30GX6MM 0.3 ML 30 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.3 ML 30GX8MM 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.3 ML 31GX6MM 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.3 ML 31GX8MM 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.5 ML 30G 8MM OUTER 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.5 ML 31G 6MM OUTER 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 0.5 ML 31G 8MM OUTER 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DROPLET INS SYR 1 ML 29G 12.7MM OUTER 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 30G 12.5MM 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 30G 6MM 1 ML 30 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 30G 8MM OUTER 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 31G 6MM OUTER 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET INS SYR 1 ML 31G 8MM 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET MICRON 34G X 9/64" 34 GAUGE X 9/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 29G 10MM 29 GAUGE X 3/8"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 29G 12MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPLET PEN NEEDLE 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DROPLET PEN NEEDLE 32G 8MM 32 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE ALCOHOL 70% PREP PADS	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
DROPSAFE INS SYR 0.3 ML 31G 6MM 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INS SYR 0.3 ML 31G 8MM 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INS SYR 0.5 ML 31G 6MM 0.5 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INS SYR 0.5 ML 31G 8MM 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INSUL SYR 1 ML 31G 6MM 1 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INSUL SYR 1 ML 31G 8MM 1 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE INSULN 1 ML 29G 12.5MM 1 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE PEN NEEDLE 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DROPSAFE PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
DRUG MART ULTRA COMFORT SYR 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16", 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY CMFT SFTY PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY CMFT SFTY PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EASY CMFT SFTY PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.3 ML 31G 1/2" 0.3 ML 31 X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.3 ML 31G 5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.3 ML SYRINGE 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.5 ML 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.5 ML 32GX5/16" 1/2 ML 32 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 0.5 ML SYRINGE 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT 1 ML 32GX5/16" 1 ML 32 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT ALCOHOL 70% PAD	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
EASY COMFORT INSULIN 1 ML SYR 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 29G 4MM 29 GAUGE X 5/32"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 29G 5MM 29 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EASY COMFORT PEN NDL 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 33G 5MM 33 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT PEN NDL 33G 6MM 33 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT SYR 0.5 ML 29G 8MM 1/2 ML 29 X5/16 "	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT SYR 1 ML 29G 8MM 1 ML 29 GAUGE X 5/16		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY COMFORT SYR 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY GLIDE INS 0.3 ML 31GX6MM 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY GLIDE INS 0.5 ML 31GX6MM 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY GLIDE INS 1 ML 31GX6MM 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY GLIDE PEN NEEDLE 4MM 33G 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 0.3 ML SYR 30GX1/2" 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 0.5 ML SYR 27GX1/2" 1/2 ML 27 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EASY TOUCH 0.5 ML SYR 29GX1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 0.5 ML SYR 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 0.5 ML SYR 30GX5/16 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 1 ML SYR 27GX1/2" 1 ML 27 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 1 ML SYR 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH 1 ML SYR 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH ALCOHOL 70% PADS GAMMA-STERILIZED	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
EASY TOUCH AUTO 0.5 ML 30G 6MM 0.5 ML 30 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH AUTO 0.5 ML 30G 8MM 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH AUTORET 1 ML 30G 6MM 1 ML 30 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH AUTORET 1 ML 30G 8MM 1 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH FLIPLOK 1 ML 27GX0.5 1 ML 27 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULIN 1 ML 29GX1/2 1 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULIN 1 ML 30GX1/2 1 ML 30 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULIN SYR 0.3 ML 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EASY TOUCH INSULIN SYR 0.5 ML 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULIN SYR 1 ML 1 ML 30 GAUGE X 5/16, 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULIN SYR 1 ML RETRACTABLE 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 30GX5/16 1 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 30GX5/16 1 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 31GX5/16 1 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH INSULN 1 ML 31GX5/16 1 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH LUER LOK INSUL 1 ML	(insulin syringe needleless)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 30GX5/16 30 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 31GX3/16 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 31GX5/16 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 32GX1/4" 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EASY TOUCH PEN NEEDLE 32GX3/16 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH PEN NEEDLE 32GX5/32 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SAF PEN NDL 29G 5MM 29 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SAF PEN NDL 29G 8MM 29 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SAF PEN NDL 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SAF PEN NDL 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SYR 0.5 ML 28G 12.7MM 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SYR 0.5 ML 29G 12.7MM 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SYR 1 ML 27G 16MM 1 ML 27 GAUGE X 5/8"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SYR 1 ML 28G 12.7MM 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH SYR 1 ML 29G 12.7MM 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASY TOUCH UNI-SLIP SYR 1 ML	(insulin syringe needleless)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EASYTOUCH SAF PEN NDL 30G 6MM 30 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 29G 12MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EMBRACE PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EMBRACE PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EQL INSULIN 1 ML SYRINGE SHORT NEEDLE 1 ML 30 GAUGE X 7/16"	(Ultra Comfort Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
EXEL U100 0.3 ML 29GX1/2" 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
FP INSULIN 1 ML SYRINGE 1 ML 28 GAUGE		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
FREESTYLE PREC 0.5 ML 30GX5/16 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
FREESTYLE PREC 0.5 ML 31GX5/16 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
FREESTYLE PREC 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
FREESTYLE PREC 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
FT STERILE PADS 2" X 2" 2 X 2 "	(gauze bandage)	$0 (Tier 1)	PA; ST
GAUZE PAD TOPICAL BANDAGE 2 X 2 "	(gauze bandage)	$0 (Tier 1)	PA; ST
GAUZE PADS 2"X2" STRL 2 X 2 "	(Bordered Gauze)	$0 (Tier 1)	PA; ST
GNP ALCOHOL SWAB STERILE, TWO PLY	(Alcohol Pads)	$0 (Tier 1)	PA; ST
GNP CLICKFINE 31G X 1/4" NDL 6MM, UNIVERSAL 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP CLICKFINE 31G X 5/16" NDL 8MM, UNIVERSAL 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(1st Tier Unifine Pentips)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
GNP PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(1st Tier Unifine Pentips)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP PEN NEEDLE 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(CareFine Pen Needle)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP SIMPLI PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULT C 0.3 ML 29GX1/2" (1/2) 1/2 UNIT 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULT CMFRT 0.5 ML 29GX1/2" 1/2 ML 29	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULTRA COMFORT 0.5 ML SYR 1/2 ML 30 GAUGE	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULTRA COMFORT 1 ML SYRINGE 1 ML 29 GAUGE		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULTRA COMFORT 1 ML SYRINGE 1 ML 30 GAUGE X 7/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GNP ULTRA COMFORT 3/10 ML SYR 0.3 ML 30	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
GS PEN NEEDLE 31G X 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(1st Tier Unifine Pentips)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE INS 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE INS 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE INS 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE INS 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE INS 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
HEALTHWISE INS 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHWISE PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHY ACCENTS PENTIP 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHY ACCENTS PENTIP 5MM 31G 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHY ACCENTS PENTIP 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHY ACCENTS PENTIP 8MM 31G 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEALTHY ACCENTS PENTP 12MM 29G 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
HEB INCONTROL ALCOHOL 70% PADS	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
INCONTROL PEN NEEDLE 12MM 29G 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INCONTROL PEN NEEDLE 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INCONTROL PEN NEEDLE 5MM 31G 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INCONTROL PEN NEEDLE 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INCONTROL PEN NEEDLE 8MM 31G 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INPEN (FOR HUMALOG) BLUE SUBCUTANEOUS INSULIN PEN		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
INPEN (FOR HUMALOG) GREY SUBCUTANEOUS INSULIN PEN		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
INPEN (FOR HUMALOG) PINK SUBCUTANEOUS INSULIN PEN		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INPEN (NOVOLOG OR FIASP) BLUE SUBCUTANEOUS INSULIN PEN		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
INPEN (NOVOLOG OR FIASP) GREY SUBCUTANEOUS INSULIN PEN		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
INPEN (NOVOLOG OR FIASP) PINK SUBCUTANEOUS INSULIN PEN		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
INSULIN 1 ML SYRINGE 1 ML 29 GAUGE X 7/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN 1/2 ML SYRINGE 1/2 ML 29	(Ultilet Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN 1/2 ML SYRINGE 1/2 ML 30 GAUGE	(Ultra Comfort Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN 3/10 ML SYRINGE 0.3 ML 30	(Ultra Comfort Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYR 0.3 ML 31GX1/4(1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 1/4"	(UltiCare Insuln Syr(half unit))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYR 0.5 ML 28G 12.7MM (OTC) 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(Comfort EZ Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRIN 0.5 ML 30GX1/2" (RX) 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(Comfort EZ Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRING 0.5 ML 27G 1/2" INNER 1/2 ML 27 GAUGE X 1/2"	(Easy Touch Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 0.3 ML 0.3 ML 29 GAUGE	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 0.3 ML 31GX1/4 0.3 ML 31 GAUGE X 1/4"	(Sure Comfort Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 0.5 ML 1/2 ML 29	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 0.5 ML 31GX1/4 1/2 ML 31 GAUGE X 1/4"	(Sure Comfort Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INSULIN SYRINGE 1 ML 1 ML 29 GAUGE		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 27G 1/2" INNER 1 ML 27 GAUGE X 1/2"	(Comfort EZ Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 27G 16MM 1 ML 27 GAUGE X 5/8"	(BD SafetyGlide Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 28G 12.7MM (OTC) 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(Comfort EZ Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 30GX1/2" SHORT NEEDLE (OTC) 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(BD Eclipse Luer-Lok)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 31GX1/4" 1 ML 31 GAUGE X 1/4"	(Sure Comfort Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE 1 ML 31GX5/16" SHORT NEEDLE,THIN II (OTC) 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(Advocate Syringes)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE NEEDLELESS SYRINGE 1 ML	(Easy Touch Luer Lock Insulin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE-NEEDLE U-100 SYRINGE 0.3 ML 29 GAUGE	(Ultilet Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE-NEEDLE U-100 SYRINGE 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(Comfort EZ Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN SYRINGE-NEEDLE U-100 SYRINGE 1/2 ML 28 GAUGE	(Monoject Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSULIN U-500 SYRINGE-NEEDLE SYRINGE 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSUPEN PEN NEEDLE 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSUPEN PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSUPEN PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INSUPEN PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
INSUPEN PEN NEEDLE 32G 6MM (RX) 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
IV ANTISEPTIC WIPES	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
KENDALL ALCOHOL 70% PREP PAD	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
LISCO SPONGES 100/BAG 2 X 2 "		$0 (Tier 1)	PA; ST
LITE TOUCH 31GX1/4" PEN NEEDLE 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH INSULIN 0.5 ML SYR 1/2 ML 28 GAUGE, 1/2 ML 29 , 1/2 ML 30 GAUGE	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH INSULIN 1 ML SYR 1 ML 28 GAUGE, 1 ML 30 GAUGE X 7/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH INSULIN 1 ML SYR 1 ML 29 GAUGE		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH INSULIN SYR 1 ML 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH PEN NEEDLE 29G 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITE TOUCH PEN NEEDLE 31G 31 GAUGE X 3/16", 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH INS 0.3 ML 29GX1/2" 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH INS 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH INS 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH INS 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LITETOUCH SYR 0.5 ML 28GX1/2" 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYR 0.5 ML 29GX1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYR 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYRIN 1 ML 28GX1/2" 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYRIN 1 ML 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
LITETOUCH SYRIN 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAGELLAN INSUL SYRINGE 0.3 ML 0.3 ML 30 X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAGELLAN INSUL SYRINGE 0.5 ML 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAGELLAN INSULIN SYR 0.3 ML 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAGELLAN INSULIN SYR 0.5 ML 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAGELLAN INSULIN SYRINGE 1 ML 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXICOMFORT II PEN NDL 31GX6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXICOMFORT INS 0.5 ML 27GX1/2" 1/2 ML 27 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXI-COMFORT INS 0.5 ML 28G 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXICOMFORT INS 1 ML 27GX1/2" 1 ML 27 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
MAXI-COMFORT INS 1 ML 28GX1/2" 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXICOMFORT PEN NDL 29G X 5MM 29 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MAXICOMFORT PEN NDL 29G X 8MM 29 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MICRODOT PEN NEEDLE 31GX6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MICRODOT PEN NEEDLE 32GX4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MICRODOT PEN NEEDLE 33GX4MM 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MICRODOT READYGARD NDL 31G 5MM OUTER 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI PEN NEEDLE 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16"	(CareFine Pen Needle)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI PEN NEEDLE 32G 8MM 32 GAUGE X 5/16"	(Comfort EZ Pen Needles)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI PEN NEEDLE 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32"	(Advocate Pen Needle)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI PEN NEEDLE 33G 5MM 33 GAUGE X 3/16"	(Comfort EZ Pen Needles)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI PEN NEEDLE 33G 6MM 33 GAUGE X 1/4"	(Comfort EZ Pen Needles)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MINI ULTRA-THIN II PEN NDL 31G STERILE 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT 0.5 ML SYRN 28GX1/2" 1/2 ML 28 GAUGE	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT 1 ML SYRN 27X1/2" 1 ML 27 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT 1 ML SYRN 28GX1/2" (OTC) 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 (OTC) 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
MONOJECT INSUL SYR U100 .5ML,29GX1/2" (OTC) 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 0.5 ML CONVERTS TO 29G (OTC) 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 1 ML 1 ML 25 GAUGE X 5/8"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 1 ML 3'S, 29GX1/2" (OTC) 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSUL SYR U100 1 ML W/O NEEDLE (OTC)	(insulin syringes (disposable))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR 0.3 ML (OTC) 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR 0.3 ML 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR 0.5 ML (OTC) 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR 0.5 ML 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR 1 ML 3'S (OTC) 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR U-100 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT INSULIN SYR U-100 1 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT SYRINGE 0.3 ML 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT SYRINGE 0.5 ML 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
MONOJECT SYRINGE 1 ML 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
NANO 2 GEN PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NANO PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32" (pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
NOVOFINE 30 NEEDLE	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
NOVOFINE 32G NEEDLES 32 GAUGE X 1/4" (pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
NOVOFINE PLUS PEN NDL 32GX1/6" 32 GAUGE X 1/6"	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
NOVOTWIST NEEDLE 32 GAUGE X 1/5"	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
OMNIPOD 5 (G6/LIBRE 2 PLUS) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (10 per 30 days)
OMNIPOD 5 G6-G7 INTRO KT(GEN5) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
OMNIPOD 5 G6-G7 PODS (GEN 5) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (10 per 30 days)
OMNIPOD 5 INTRO(G6/LIBRE2PLUS) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
OMNIPOD CLASSIC PDM KIT(GEN 3)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
OMNIPOD CLASSIC PODS (GEN 3) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (10 per 30 days)
OMNIPOD DASH INTRO KIT (GEN 4) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
OMNIPOD DASH PDM KIT (GEN 4)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
OMNIPOD DASH PODS (GEN 4) SUBCUTANEOUS CARTRIDGE	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (10 per 30 days)
PC UNIFINE PENTIPS 8MM NEEDLE SHORT 31 GAUGE X 5/16" (pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE 30G 5MM OUTER 30 GAUGE X 3/16" (Embrace Pen Needle)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PEN NEEDLE 30G 8MM INNER 30 GAUGE X 5/16"	(CareFine Pen Needle)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE 30G X 5/16" 30 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE 31G X 1/4" HRI 31 GAUGE X 1/4"	(1st Tier Unifine Pentips)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE 6MM 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLE, DIABETIC NEEDLE 29 GAUGE X 1/2"	(1st Tier Unifine Pentips Plus)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLES 12MM 29G 29GX12MM,STRL 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLES 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLES 5MM 31G 31GX5MM,STRL,MINI (OTC) 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PEN NEEDLES 8MM 31G 31GX8MM,STRL,SHORT (OTC) 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 29G 1/2" 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 31G 1/4" 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 31GX3/16" MINI, 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 31GX5/16" SHORT, 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 32G 1/4" 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PENTIPS PEN NEEDLE 32GX5/32" 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PIP PEN NEEDLE 31G X 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PIP PEN NEEDLE 32G X 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PREFPLS INS SYR 1 ML 30GX5/16" (OTC) 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(Advocate Syringes)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PREVENT PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PREVENT PEN NEEDLE 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 0.5 ML 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT ALCOHOL 70% PADS	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
PRO COMFORT PEN NDL 32G 8MM 32 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT PEN NDL 32G X 1/4" 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT PEN NDL 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO COMFORT PEN NDL 5MM 32G 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRO-COMFORT ALCOHOL 70% PADS	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
PRODIGY INS SYR 1 ML 28GX1/2" 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PRODIGY SYRNG 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PRODIGY SYRNGE 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE CMFT SFTY PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE CMFT SFTY PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE CMFT SFTY PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE COMFORT ALCOHOL 70% PADS	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
PURE COMFORT PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE COMFORT PEN NDL 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE COMFORT PEN NDL 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
PURE COMFORT PEN NDL 32G 8MM 32 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
RAYA SURE PEN NEEDLE 29G 12MM 29 GAUGE X 15/32"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
RAYA SURE PEN NEEDLE 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32"	(Comfort Touch Pen Needle)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
RAYA SURE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 13/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
RAYA SURE PEN NEEDLE 31G 6MM 31 GAUGE X 15/64"	(True-Comfort Pro Pen Needle)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
RELION INS SYR 0.3 ML 31GX6MM 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"	(Comfort EZ Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
RELION INS SYR 0.5 ML 31GX6MM 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64"	(Comfort EZ Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RELION INS SYR 1 ML 31GX15/64" 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	(Comfort EZ Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFESNAP INS SYR UNITS-100 0.3 ML 30GX5/16",10X10 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFESNAP INS SYR UNITS-100 0.5 ML 29GX1/2",10X10 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFESNAP INS SYR UNITS-100 0.5 ML 30GX5/16",10X10 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFESNAP INS SYR UNITS-100 1 ML 28GX1/2",10X10 1 ML 28 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFESNAP INS SYR UNITS-100 1 ML 29GX1/2",10X10 1 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFETY PEN NEEDLE 31G 4MM 31 GAUGE X 5/32"	(Comfort EZ PRO Safety Pen Ndl)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFETY PEN NEEDLE 5MM X 31G 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SAFETY SYRINGE 0.5 ML 30G 1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SECURESAFE PEN NDL 30GX5/16" OUTER 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SECURESAFE SYR 0.5 ML 29G 1/2" OUTER 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SECURESAFE SYRNG 1 ML 29G 1/2" OUTER 1 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SKY SAFETY PEN NEEDLE 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SKY SAFETY PEN NEEDLE 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SM ULT CFT 0.3 ML 31GX5/16(1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE CMFT SFTY PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE CMFT SFTY PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
NEEDLES, INSULIN DISP., SAFETY	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT 0.5 ML SYRINGE 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2", 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16", 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT 1 ML SYRINGE 1 ML 28 GAUGE X 1/2", 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16, 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT 3/10 ML SYRINGE 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT 3/10 ML SYRINGE INSULIN SYRINGE 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT 30G PEN NEEDLE 30 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT ALCOHOL PREP PADS	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
SURE COMFORT INS 0.3 ML 31GX1/4 0.3 ML 31 GAUGE X 1/4"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT INS 0.5 ML 31GX1/4 1/2 ML 31 GAUGE X 1/4"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT INS 1 ML 31GX1/4" 1 ML 31 GAUGE X 1/4"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SURE COMFORT PEN NDL 29GX1/2" 12.7MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE COMFORT PEN NDL 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-FINE PEN NEEDLES 12.7MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-FINE PEN NEEDLES 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-FINE PEN NEEDLES 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-JECT INSU SYR U100 0.3 ML 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-JECT INSU SYR U100 0.5 ML 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-JECT INSU SYR U100 1 ML 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-JECT INSUL SYR U100 1 ML 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-JECT INSULIN SYRINGE 1 ML 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
SURE-PREP ALCOHOL PREP PADS	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
TECHLITE 0.3 ML 29GX12MM (1/2) 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TECHLITE 0.3 ML 30GX8MM (1/2) 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.3 ML 31GX6MM (1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.3 ML 31GX8MM (1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.5 ML 30GX12MM (1/2) 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.5 ML 30GX8MM (1/2) 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.5 ML 31GX6MM (1/2) 0.5 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE 0.5 ML 31GX8MM (1/2) 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE INS SYR 1 ML 29GX12MM 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE INS SYR 1 ML 30GX12MM 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE INS SYR 1 ML 31GX6MM 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE INS SYR 1 ML 31GX8MM 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE 29GX3/8" 29 GAUGE X 3/8"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TECHLITE PEN NEEDLE 32GX1/4" 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE 32GX5/16" 32 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PEN NEEDLE 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TECHLITE PLUS PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TERUMO INS SYRINGE U100-1 ML 1 ML 27 GAUGE X 1/2", 1 ML 28 GAUGE X 1/2", 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TERUMO INS SYRINGE U100-1 ML 1 ML 30 GAUGE X 3/8"	(Thinpro Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TERUMO INS SYRINGE U100-1/2 ML 1/2 ML 30 X 3/8"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TERUMO INS SYRINGE U100-1/3 ML 0.3 ML 30 X 3/8"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TERUMO INS SYRNG U100-1/2 ML 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2", 1/2 ML 27 GAUGE X 1/2", 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
THINPRO INS SYRIN U100-0.3 ML 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 X 3/8"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
THINPRO INS SYRIN U100-0.3 ML 0.3 ML 31 X 3/8"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
THINPRO INS SYRIN U100-0.5 ML 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2", 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2", 1/2 ML 30 X 3/8"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
THINPRO INS SYRIN U100-0.5 ML 0.5 ML 31 X 3/8"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
THINPRO INS SYRIN U100-1 ML 1 ML 28 GAUGE X 1/2", 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 3/8"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
THINPRO INS SYRIN U100-1 ML 1 ML 31 X 3/8"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TOPCARE CLICKFINE 31G X 1/4" 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TOPCARE CLICKFINE 31G X 5/16" 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TOPCARE ULTRA COMFORT SYRINGE 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16", 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16, 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFRT PRO 0.5 ML 30G 5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFRT PRO 0.5 ML 31G 5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFRT PRO 0.5 ML 32G 5/16" 1/2 ML 32 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFT SFTY PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFT SFTY PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE CMFT SFTY PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT 0.5 ML 30G 1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT 0.5 ML 30G 5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT 0.5 ML 31G 5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TRUE COMFORT 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT ALCOHOL 70% PADS	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 31GX5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 31GX6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 32G 5MM 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 32GX4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 33G 5MM 33 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PEN NDL 33G 6MM 33 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PRO 1 ML 30G 1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PRO 1 ML 30G 5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PRO 1 ML 31G 5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PRO 1 ML 32G 5/16" 1 ML 32 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFORT PRO ALCOHOL PADS	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
TRUE COMFORT SFTY 1 ML 30G 1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFRT PRO 0.5 ML 30G 1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TRUE COMFRT SFTY 1 ML 30G 5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFRT SFTY 1 ML 31G 5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE COMFRT SFTY 1 ML 32G 5/16" 1 ML 32 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE-CMFRT PRO PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE-CMFRT PRO PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 15/64"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE-CMFRT PRO PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUE-CMFRT PRO PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS PEN NEEDLE 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS PEN NEEDLE 31G X 1/4" 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS PEN NEEDLE 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS PEN NEEDLE 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.3 ML 29GX1/2" 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.5 ML 28GX1/2" 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.5 ML 29GX1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TRUEPLUS SYR 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 1 ML 28GX1/2" 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 1 ML 29GX1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 1 ML 30GX5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
TRUEPLUS SYR 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICAR INS 0.3 ML 31GX1/4(1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 1/4"	(insulin syr/ndl u100 half mark)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS 1 ML 31GX1/4" 1 ML 31 GAUGE X 1/4"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.3 ML 30G 8MM 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(Advocate Syringes)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.3 ML 31G 6MM 0.3 ML 31 GAUGE X 1/4"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.3 ML 31G 8MM 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(Advocate Syringes)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.5 ML 30G 8MM (OTC) 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(Advocate Syringes)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.5 ML 31G 6MM 1/2 ML 31 GAUGE X 1/4"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 0.5 ML 31G 8MM (OTC) 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(Advocate Syringes)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE INS SYR 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTICARE PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLE 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLE 8MM 31G 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLES 12MM 29G 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLES 4MM 32G MICRO, 32GX4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE PEN NEEDLES 6MM 32G 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SAFE PEN NDL 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SAFE PEN NDL 5MM 30G 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SAFETY 0.5 ML 29GX1/2 (RX) 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(Comfort EZ Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 0.3 ML 29G 12.7MM 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(Comfort EZ Insulin Syringe)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 0.3 ML 30GX1/2" 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 0.3 ML 31GX5/16" SHORT NDL 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 0.5 ML 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 0.5 ML 31GX5/16" SHORT NDL 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTICARE SYR 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFE 1 ML 30G 12.7MM 1 ML 30 X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTIGUARD SAFE0.3 ML 30G 12.7MM 0.3 ML 30 X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFE0.5 ML 30G 12.7MM 1/2 ML 30 X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 1 ML 31G 8MM 1 ML 31 X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 29G 12.7MM 29 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPACK 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPK 0.3 ML 31G 8MM 0.3 ML 31 X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTIGUARD SAFEPK 0.5 ML 31G 8MM 1/2 ML 31 X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTILET ALCOHOL STERL SWAB	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
ULTILET INSULIN SYRINGE 0.3 ML 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTILET INSULIN SYRINGE 0.5 ML 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2", 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16", 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTILET INSULIN SYRINGE 1 ML 1 ML 29 GAUGE X 1/2", 1 ML 30 GAUGE X 5/16, 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTILET PEN NEEDLE 29 GAUGE		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTILET PEN NEEDLE 4MM 32G 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 0.3 ML SYRINGE 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 0.5 ML 28GX1/2" CONVERTS TO 29G 1/2 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 0.5 ML 29GX1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 0.5 ML SYRINGE 1/2 ML 28 GAUGE	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA COMFORT 1 ML SYRINGE 1 ML 28 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO 0.3 ML 30G 1/2" (1/2) 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO 0.3 ML 30G 5/16"(1/2) 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO 0.3 ML 31G 5/16"(1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO PEN NEEDLE 33G 4MM 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO PEN NEEDLES 12MM 29G 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTRA FLO SYR 0.3 ML 29GX1/2" 0.3 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO SYR 0.3 ML 30G 5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO SYR 0.3 ML 31G 5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA FLO SYR 0.5 ML 29G 1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA THIN PEN NDL 32G X 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 0.3 ML 30GX5/16" 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 0.3 ML 31GX5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 0.5 ML 30GX1/2" 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 0.5 ML 30GX5/16" 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 0.5 ML 31GX5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 1 ML 30G X 5/16" 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 1 ML 30GX1/2" 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE INS 1 ML 31G X 5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 31GX1/4" 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 31GX3/16" 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTRACARE PEN NEEDLE 31GX5/16" 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 32GX1/4" 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 32GX3/16" 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRACARE PEN NEEDLE 33GX5/32" 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE 0.3 ML 30G 12.7MM 0.3 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE 0.3 ML 31G 6MM (1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 15/64"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE 0.3 ML 31G 8MM (1/2) 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE 0.5 ML 30G 12.7MM 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE INS SYR 1 ML 31G 6MM 1 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE INS SYR 1 ML 31G 8MM 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE PEN NDL 29G 12.7MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE PEN NEEDLE 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE PEN NEEDLE 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE SYR 0.5 ML 31G 6MM 1/2 ML 31 GAUGE X 15/64"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE SYR 0.5 ML 31G 8MM 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-FINE SYR 1 ML 30G 12.7MM 1 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ULTRA-THIN II 1 ML 31GX5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS 0.3 ML 30G 0.3 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS 0.3 ML 31G 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS 0.5 ML 29G 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS 0.5 ML 30G 0.5 ML 30 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS 0.5 ML 31G 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS SYR 1 ML 29G 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II INS SYR 1 ML 30G 1 ML 30 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II PEN NDL 29GX1/2" 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
ULTRA-THIN II PEN NDL 31GX5/16 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE OTC PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE OTC PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PEN NEEDLE 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS 12MM 29G 29GX12MM, STRL 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS 31GX3/16" 31GX5MM,STRL,MINI 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS 32GX1/4" 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
UNIFINE PENTIPS 33GX5/32" 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS 6MM 31G 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS MAX 30GX3/16" 30 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS NEEDLES 29G 29 GAUGE		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS 29GX1/2" 12MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS 30GX3/16" 30 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS 31GX1/4" ULTRA SHORT, 6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS 31GX3/16" MINI 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS 31GX5/16" SHORT 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS 32GX5/32" 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PENTIPS PLUS 33GX5/32" 33 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PROTECT 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PROTECT 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE PROTECT 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE SAFECONTROL 30G 5MM 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE SAFECONTROL 30G 8MM 30 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
UNIFINE SAFECONTROL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic, safety)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE SAFECONTROL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE SAFECONTROL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE SAFECONTROL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE ULTRA PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE ULTRA PEN NDL 31G 6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE ULTRA PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
UNIFINE ULTRA PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VANISHPOINT 0.5 ML 30GX1/2" SY OUTER 0.5 ML 30 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VANISHPOINT INS 1 ML 30GX3/16" 1 ML 30 GAUGE X 3/16"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VANISHPOINT U-100 29X1/2 SYR 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE INS SYR 1 ML 29G 1/2" 1 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 29G 12MM 29 GAUGE X 1/2"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 31G X 6MM 31 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 31G X 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 32G 6MM 32 GAUGE X 1/4"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VERIFINE PEN NEEDLE 32G X 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PEN NEEDLE 32G X 5MM 32 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PLUS PEN NDL 31G 5MM 31 GAUGE X 3/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PLUS PEN NDL 31G 8MM 31 GAUGE X 5/16"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PLUS PEN NDL 32G 4MM 32 GAUGE X 5/32"	(pen needle, diabetic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE PLUS PEN NDL 32G 4MM-SHARPS CONTAINER 32 GAUGE X 5/32"		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE SYRING 0.5 ML 29G 1/2" 0.5 ML 29 GAUGE X 1/2"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE SYRING 1 ML 31G 5/16" 1 ML 31 GAUGE X 5/16	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE SYRNG 0.3 ML 31G 5/16" 0.3 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERIFINE SYRNG 0.5 ML 31G 5/16" 0.5 ML 31 GAUGE X 5/16"	(insulin syringe-needle u-100)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; ST
VERSALON ALL PURPOSE SPONGE 25'S,N-STERILE,3PLY 2 X 2 "		$0 (Tier 1)	PA; ST
V-GO 20 DEVICE		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
V-GO 30 DEVICE		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
V-GO 40 DEVICE		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
WEBCOL ALCOHOL PREPS 20'S,LARGE	(alcohol swabs)	$0 (Tier 1)	PA; ST
Enzyme Cofactors/Chaperones			
Enzyme Cofactors/Chaperones			
MIPLYFFA ORAL CAPSULE 124 MG, 47 MG, 62 MG, 93 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Enzyme Replacement/Modifiers		
Enzyme Replacement/Modifiers		
CREON ORAL CAPSULE,DELAYED RELEASE(DR/EC) 12,000-38,000 - 60,000 UNIT, 24,000-76,000 - 120,000 UNIT, 3,000-9,500- 15,000 UNIT, 36,000-114,000- 180,000 UNIT, 6,000-19,000 -30,000 UNIT	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
javygtor oral tablet,soluble 100 mg (sapropterin)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
nitisinone oral capsule 10 mg, 2 mg, 20 mg, 5 mg (Orfadin)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ORFADIN ORAL SUSPENSION 4 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
PULMOZYME INHALATION SOLUTION 1 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
REVCOVI INTRAMUSCULAR SOLUTION 2.4 MG/1.5 ML (1.6 MG/ML)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
sapropterin oral tablet,soluble 100 mg (Javygtor)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
STRENSIQ SUBCUTANEOUS SOLUTION 18 MG/0.45 ML, 28 MG/0.7 ML, 40 MG/ML, 80 MG/0.8 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS
ZENPEP ORAL CAPSULE,DELAYED RELEASE(DR/EC) 10,000-32,000 - 42,000 UNIT, 15,000-47,000 -63,000 UNIT, 20,000-63,000- 84,000 UNIT, 25,000-79,000- 105,000 UNIT, 3,000-10,000 -14,000-UNIT, 40,000-126,000- 168,000 UNIT, 5,000-17,000- 24,000 UNIT, 60,000-189,600- 252,600 UNIT	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Eye, Ear, Nose, Throat Agents			
Eye, Ear, Nose, Throat Agents, Miscellaneous			
atropine ophthalmic (eye) drops 1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
azelastine nasal spray,non-aerosol 137 mcg (0.1 %)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
azelastine nasal spray,non-aerosol 205.5 mcg (0.15 %)	(Astepro Allergy)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 25 days)
azelastine ophthalmic (eye) drops 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cromolyn ophthalmic (eye) drops 4 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
epinastine ophthalmic (eye) drops 0.05 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ipratropium bromide nasal spray,non-aerosol 21 mcg (0.03 %)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 28 days)
ipratropium bromide nasal spray,non-aerosol 42 mcg (0.06 %)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (15 per 10 days)
MIEBO (PF) OPHTHALMIC (EYE) DROPS 100 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (12 per 28 days)
olopatadine ophthalmic (eye) drops 0.1 %	(Eye Allergy Itch-Redness Rlf)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
olopatadine ophthalmic (eye) drops 0.2 %	(Advanced Eye Relief (olopatad))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Eye, Ear, Nose, Throat Anti-Infectives Agents			
acetic acid otic (ear) solution 2 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ak-poly-bac ophthalmic (eye) ointment 500-10,000 unit/gram	(bacitracin-polymyxin b)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
bacitracin ophthalmic (eye) ointment 500 unit/gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
bacitracin-polymyxin b ophthalmic (eye) ointment 500-10,000 unit/gram	(Polycin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ciprofloxacin hcl ophthalmic (eye) drops 0.3 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ciprofloxacin-dexamethasone otic (ear) drops,suspension 0.3-0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (7.5 per 7 days)
erythromycin ophthalmic (eye) ointment 5 mg/gram (0.5 %)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (3.5 per 4 days)
gentak ophthalmic (eye) ointment 0.3 % (3 mg/gram)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
gentamicin ophthalmic (eye) drops 0.3 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
hydrocortisone-acetic acid otic (ear) drops 1-2 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
moxifloxacin ophthalmic (eye) drops 0.5 %	(Vigamox)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
NATACYN OPHTHALMIC (EYE) DROPS,SUSPENSION 5 %		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
neomycin-bacitracin-poly-hc ophthalmic (eye) ointment 3.5-400-10,000 mg-unit/g-1%	(Neo-Polycin HC)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
neomycin-bacitracin-polymyxin ophthalmic (eye) ointment 3.5-400-10,000 mg-unit-unit/g	(Neo-Polycin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
neomycin-polymyxin b-dexameth ophthalmic (eye) drops,suspension 3.5mg/ml-10,000 unit/ml-0.1 %	(Maxitrol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
neomycin-polymyxin b-dexameth ophthalmic (eye) ointment 3.5 mg/g-10,000 unit/g-0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
neomycin-polymyxin-gramicidin ophthalmic (eye) drops 1.75 mg-10,000 unit-0.025mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
neomycin-polymyxin-hc otic (ear) drops,suspension 3.5-10,000-1 mg/ml-unit/ml-%		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
neomycin-polymyxin-hc otic (ear) solution 3.5-10,000-1 mg/ml-unit/ml-%		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
neo-polycin hc ophthalmic (eye) ointment 3.5-400-10,000 mg-unit/g-1%	(neomycin-bacitracin-poly-hc)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
neo-polycin ophthalmic (eye) ointment 3.5-400-10,000 mg-unit-unit/g	(neomycin-bacitracin-polymyxin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ofloxacin ophthalmic (eye) drops 0.3 %	(Ocuflox)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ofloxacin otic (ear) drops 0.3 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
polycin ophthalmic (eye) ointment 500-10,000 unit/gram	(bacitracin-polymyxin b)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
polymyxin b sulf-trimethoprim ophthalmic (eye) drops 10,000 unit- 1 mg/ml		$0 (Tier 1)	
sulfacetamide sodium ophthalmic (eye) drops 10 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sulfacetamide sodium ophthalmic (eye) ointment 10 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sulfacetamide-prednisolone ophthalmic (eye) drops 10 %-0.23 % (0.25 %)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tobramycin ophthalmic (eye) drops 0.3 %		$0 (Tier 1)	
tobramycin-dexamethasone ophthalmic (eye) drops,suspension 0.3-0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tobramycin-lotepred ophthalmic (eye) drops,suspension 0.3-0.5 %	(Zylet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
trifluridine ophthalmic (eye) drops 1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
XDEMVY OPHTHALMIC (EYE) DROPS 0.25 %		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (10 per 42 days)
ZIRGAN OPHTHALMIC (EYE) GEL 0.15 %		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Eye, Ear, Nose, Throat Anti-Inflammatory Agents			
bromfenac ophthalmic (eye) drops 0.07 %	(Prolensa)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cyclosporine ophthalmic (eye) dropperette 0.05 %	(Restasis)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
dexamethasone sodium phosphate ophthalmic (eye) drops 0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diclofenac sodium ophthalmic (eye) drops 0.1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
difluprednate ophthalmic (eye) drops 0.05 %	(Durezol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
EYSUVIS OPHTHALMIC (EYE) DROPS,SUSPENSION 0.25 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (8.3 per 14 days)
flunisolide nasal spray,non-aerosol 25 mcg (0.025 %)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (50 per 25 days)
fluocinolone acetonide oil otic (ear) drops 0.01 %	(DermOtic Oil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluorometholone ophthalmic (eye) drops,suspension 0.1 %	(FML Liquifilm)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
flurbiprofen sodium ophthalmic (eye) drops 0.03 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
fluticasone propionate nasal spray,suspension 50 mcg/actuation	(24 Hour Allergy Relief)	$0 (Tier 1)	QL (16 per 30 days)
ILEVRO OPHTHALMIC (EYE) DROPS,SUSPENSION 0.3 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
INVELTYS OPHTHALMIC (EYE) DROPS,SUSPENSION 1 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (5.6 per 14 days)
ketorolac ophthalmic (eye) drops 0.5 %	(Acular)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (10 per 25 days)
LOTEMAX OPHTHALMIC (EYE) OINTMENT 0.5 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (3.5 per 14 days)
LOTEMAX SM OPHTHALMIC (EYE) DROPS,GEL 0.38 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (5 per 16 days)
loteprednol etabonate ophthalmic (eye) drops,gel 0.5 %	(Lotemax)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (10 per 14 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
loteprednol etabonate ophthalmic (eye) drops,suspension 0.2 %	(Alrex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST
loteprednol etabonate ophthalmic (eye) drops,suspension 0.5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (15 per 19 days)
mometasone nasal spray,non-aerosol 50 mcg/actuation	(Allergy Nasal (mometasone))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (34 per 30 days)
prednisolone acetate ophthalmic (eye) drops,suspension 1 %	(Pred Forte)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
XIIDRA OPHTHALMIC (EYE) DROPPERETTE 5 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
Gastrointestinal Agents			
Antiulcer Agents And Acid Suppressants			
amoxicil-clarithromy-lansopraz oral combo pack 500-500-30 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cimetidine hcl oral solution 300 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
esomeprazole magnesium oral capsule,delayed release(dr/ec) 20 mg	(Acid Reducer (esomeprazole))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
esomeprazole magnesium oral capsule,delayed release(dr/ec) 40 mg	(Nexium)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
esomeprazole magnesium oral granules dr for susp in packet 10 mg, 20 mg	(Nexium Packet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (30 per 30 days)
esomeprazole magnesium oral granules dr for susp in packet 40 mg	(Nexium Packet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	ST; QL (60 per 30 days)
famotidine oral tablet 20 mg	(Acid Controller)	$0 (Tier 1)	
famotidine oral tablet 40 mg	(Pepcid)	$0 (Tier 1)	
lansoprazole oral capsule,delayed release(dr/ec) 15 mg	(Acid Reducer (lansoprazole))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
lansoprazole oral capsule,delayed release(dr/ec) 30 mg	(Prevacid)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
misoprostol oral tablet 100 mcg, 200 mcg	(Cytotec)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
omeprazole oral capsule,delayed release(dr/ec) 10 mg, 20 mg, 40 mg		$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
pantoprazole oral tablet,delayed release (dr/ec) 20 mg	(Protonix)	$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
pantoprazole oral tablet,delayed release (dr/ec) 40 mg	(Protonix)	$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
rabeprazole oral tablet,delayed release (dr/ec) 20 mg	(AcipHex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
sucralfate oral tablet 1 gram	(Carafate)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
VOQUEZNA ORAL TABLET 10 MG, 20 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA
Gastrointestinal Agents, Other			
carglumic acid oral tablet, dispersible 200 mg	(Carbaglu)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
constulose oral solution 10 gram/15 ml	(lactulose)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cromolyn oral concentrate 100 mg/5 ml	(Gastrocrom)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dicyclomine oral capsule 10 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dicyclomine oral solution 10 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dicyclomine oral tablet 20 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
diphenoxylate-atropine oral tablet 2.5-0.025 mg	(Lomotil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
enulose oral solution 10 gram/15 ml	(lactulose)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
generlac oral solution 10 gram/15 ml	(lactulose)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
glycopyrrolate oral tablet 1 mg	(Robinul)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
glycopyrrolate oral tablet 2 mg	(Robinul Forte)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
kionex oral suspension 15 gram/60 ml	(sodium polystyrene sulfonate)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
lactulose oral solution 10 gram/15 ml	(Constulose)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
LINZESS ORAL CAPSULE 145 MCG, 290 MCG, 72 MCG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
LOKELMA ORAL POWDER IN PACKET 10 GRAM, 5 GRAM		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
loperamide oral capsule 2 mg	(Anti-Diarrheal (loperamide))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
lubiprostone oral capsule 24 mcg	(Amitiza)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
lubiprostone oral capsule 8 mcg	(Amitiza)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
metoclopramide hcl oral solution 5 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
metoclopramide hcl oral tablet 10 mg, 5 mg	(Reglan)	$0 (Tier 1)	
MOVANTIK ORAL TABLET 12.5 MG, 25 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
sodium polystyrene sulfonate oral powder 15 gram		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sodium polystyrene sulfonate oral suspension 15 gram/60 ml	(Kionex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sps (with sorbitol) oral suspension 15-20 gram/60 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
TRULANCE ORAL TABLET 3 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
ursodiol oral capsule 200 mg, 400 mg	(Reltone)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
ursodiol oral capsule 300 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ursodiol oral tablet 250 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
ursodiol oral tablet 500 mg	(URSO Forte)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VELTASSA ORAL POWDER IN PACKET 1 GRAM, 16.8 GRAM, 25.2 GRAM, 8.4 GRAM		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
XERMELO ORAL TABLET 250 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (84 per 28 days)
Laxatives			
gavilyte-c oral recon soln 240-22.72-6.72 -5.84 gram	(peg 3350-electrolytes)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
gavilyte-g oral recon soln 236-22.74-6.74 -5.86 gram	(peg 3350-electrolytes)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
gavilyte-n oral recon soln 420 gram	(peg-electrolyte soln)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
peg 3350-electrolytes oral recon soln 236-22.74-6.74 -5.86 gram	(GaviLyte-G)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
peg-electrolyte soln oral recon soln 420 gram	(GaviLyte-N)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sodium,potassium,mag sulfates oral recon soln 17.5-3.13-1.6 gram	(Suprep Bowel Prep Kit)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sodium,potassium,mag sulfates oral recon soln 17.5-3.13-1.6 gram 2 pack (480ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Phosphate Binders			
calcium acetate(phosphat bind) oral capsule 667 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
calcium acetate(phosphat bind) oral tablet 667 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sevelamer carbonate oral powder in packet 0.8 gram, 2.4 gram	(Renvela)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sevelamer carbonate oral tablet 800 mg	(Renvela)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sevelamer hcl oral tablet 400 mg, 800 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Genitourinary Agents			
Antispasmodics, Urinary			
bethanechol chloride oral tablet 10 mg, 25 mg, 5 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
fesoterodine oral tablet extended release 24 hr 4 mg, 8 mg	(Toviaz)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
flavoxate oral tablet 100 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
MYRBETRIQ ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 25 MG, 50 MG	(mirabegron)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
oxybutynin chloride oral syrup 5 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
oxybutynin chloride oral tablet 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
oxybutynin chloride oral tablet extended release 24hr 10 mg, 15 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
solifenacin oral tablet 10 mg, 5 mg	(Vesicare)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tolterodine oral capsule,extended release 24hr 2 mg, 4 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tolterodine oral tablet 1 mg, 2 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
trospium oral tablet 20 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Genitourinary Agents, Miscellaneous			
alfuzosin oral tablet extended release 24 hr 10 mg	(Uroxatral)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
dutasteride oral capsule 0.5 mg	(Avodart)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
finasteride oral tablet 5 mg	(Proscar)	$0 (Tier 1)	
tamsulosin oral capsule 0.4 mg		$0 (Tier 1)	
terazosin oral capsule 1 mg, 10 mg, 2 mg, 5 mg		$0 (Tier 1)	
Heavy Metal Antagonists			
Heavy Metal Antagonists			
deferasirox oral granules in packet 180 mg, 360 mg, 90 mg	(Jadenu Sprinkle)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
deferasirox oral tablet 180 mg, 360 mg, 90 mg	(Jadenu)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA
penicillamine oral tablet 250 mg	(Depen Titratabs)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
trientine oral capsule 250 mg	(Syprine)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (240 per 30 days)
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying			
Androgens			
danazol oral capsule 100 mg, 200 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
oxandrolone oral tablet 10 mg, 2.5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA
testosterone cypionate intramuscular oil 100 mg/ml, 200 mg/ml	(Depo-Testosterone)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA
testosterone cypionate intramuscular oil 200 mg/ml (1 ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA
testosterone enanthate intramuscular oil 200 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (5 per 28 days)
testosterone transdermal gel in metered-dose pump 12.5 mg/ 1.25 gram (1 %)	(Vogelxo)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (300 per 30 days)
testosterone transdermal gel in metered-dose pump 20.25 mg/1.25 gram (1.62 %)	(AndroGel)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (150 per 30 days)
testosterone transdermal gel in packet 1 % (25 mg/2.5gram)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (300 per 30 days)
testosterone transdermal gel in packet 1 % (50 mg/5 gram)	(Vogelxo)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (300 per 30 days)
Estrogens And Antiestrogens			
abigale lo oral tablet 0.5-0.1 mg	(estradiol-norethindrone acet)	$0 (Tier 1)	
abigale oral tablet 1-0.5 mg	(estradiol-norethindrone acet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
conjugated estrogens oral tablet 0.3 mg, 0.45 mg, 0.625 mg, 0.9 mg, 1.25 mg	(Premarin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
estradiol oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg		$0 (Tier 1)	
estradiol transdermal patch semiweekly 0.025 mg/24 hr, 0.0375 mg/24 hr, 0.05 mg/24 hr, 0.075 mg/24 hr, 0.1 mg/24 hr	(Dotti)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (8 per 28 days)
estradiol transdermal patch weekly 0.025 mg/24 hr, 0.0375 mg/24 hr, 0.05 mg/24 hr, 0.06 mg/24 hr, 0.075 mg/24 hr, 0.1 mg/24 hr	(Climara)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
estradiol vaginal cream 0.01 % (0.1 mg/gram)	(Estrace)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
estradiol vaginal tablet 10 mcg	(Yuvafem)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (18 per 28 days)
estradiol-norethindrone acet oral tablet 0.5-0.1 mg	(Abigale Lo)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
estradiol-norethindrone acet oral tablet 1-0.5 mg	(Abigale)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
mimvey oral tablet 1-0.5 mg	(estradiol-norethindrone acet)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
PREMARIN VAGINAL CREAM 0.625 MG/GRAM		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
PREMPHASE ORAL TABLET 0.625 MG (14)/ 0.625MG-5MG(14)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
PREMPRO ORAL TABLET 0.3-1.5 MG, 0.45-1.5 MG, 0.625-2.5 MG, 0.625-5 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)
raloxifene oral tablet 60 mg	(Evista)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
yuvafem vaginal tablet 10 mcg	(estradiol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (18 per 28 days)
Glucocorticoids/Mineralocorticoids			

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
dexamethasone oral solution 0.5 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dexamethasone oral tablet 0.5 mg, 0.75 mg, 1 mg, 1.5 mg, 2 mg, 4 mg, 6 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dexamethasone sodium phosphate injection solution 10 mg/ml, 4 mg/ml		$0 (Tier 1)	
fludrocortisone oral tablet 0.1 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
hydrocortisone oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg	(Cortef)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methylprednisolone acetate injection suspension 40 mg/ml	(Depo-Medrol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methylprednisolone oral tablet 16 mg, 4 mg, 8 mg	(Medrol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methylprednisolone oral tablet 32 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methylprednisolone oral tablets,dose pack 4 mg	(Medrol (Pak))	$0 (Tier 1)	
prednisolone 15 mg/5 ml soln d/f 15 mg/5 ml (3 mg/ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
prednisolone oral solution 15 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
prednisolone sodium phosphate oral solution 25 mg/5 ml (5 mg/ml), 5 mg base/5 ml (6.7 mg/5 ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
prednisone oral solution 5 mg/5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
prednisone oral tablet 1 mg, 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg, 50 mg		$0 (Tier 1)	PA BvD
prednisone oral tablets,dose pack 10 mg, 10 mg (48 pack), 5 mg, 5 mg (48 pack)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
triamcinolone acetonide injection suspension 40 mg/ml	(Kenalog)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Pituitary			

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CORTROPHIN GEL INJECTION GEL 80 UNIT/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (35 per 28 days)
desmopressin 10 mcg/0.1 ml spr 10 mcg/spray (0.1 ml)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
desmopressin nasal spray,non-aerosol 10 mcg/spray (0.1 ml)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
desmopressin oral tablet 0.1 mg, 0.2 mg (DDAVP)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
INCRELEX SUBCUTANEOUS SOLUTION 10 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
lanreotide subcutaneous syringe 120 mg/0.5 ml (Somatuline Depot)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (0.5 per 28 days)
LUPRON DEPOT (3 MONTH) INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 11.25 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUPRON DEPOT INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 3.75 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
LUPRON DEPOT-PED (3 MONTH) INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 11.25 MG, 30 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
LUPRON DEPOT-PED INTRAMUSCULAR SYRINGE KIT 45 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
NORDITROPIN FLEXPRO SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 10 MG/1.5 ML (6.7 MG/ML), 15 MG/1.5 ML (10 MG/ML), 30 MG/3 ML (10 MG/ML), 5 MG/1.5 ML (3.3 MG/ML)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
octreotide acetate injection solution 1,000 mcg/ml	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
octreotide acetate injection solution 100 mcg/ml, 50 mcg/ml, 500 mcg/ml (Sandostatin)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
octreotide acetate injection solution 200 mcg/ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ORGOVYX ORAL TABLET 120 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS
ORILISSA ORAL TABLET 150 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (28 per 28 days)
ORILISSA ORAL TABLET 200 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
SEROSTIM SUBCUTANEOUS RECON SOLN 4 MG, 5 MG, 6 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SIGNIFOR SUBCUTANEOUS SOLUTION 0.3 MG/ML (1 ML), 0.6 MG/ML (1 ML), 0.9 MG/ML (1 ML)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
SOMATULINE DEPOT SUBCUTANEOUS SYRINGE 60 MG/0.2 ML	(lanreotide)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (0.2 per 28 days)
SOMATULINE DEPOT SUBCUTANEOUS SYRINGE 90 MG/0.3 ML	(lanreotide)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (0.3 per 28 days)
SOMAVERT SUBCUTANEOUS RECON SOLN 10 MG, 15 MG, 20 MG, 25 MG, 30 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
Progestins			
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUBCUTANEOUS SYRINGE 104 MG/0.65 ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (0.65 per 84 days)
gallifrey oral tablet 5 mg	(norethindrone acetate)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
medroxyprogesterone intramuscular suspension 150 mg/ml	(Depo-Provera)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
medroxyprogesterone intramuscular syringe 150 mg/ml	(Depo-Provera)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
medroxyprogesterone oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	(Provera)	$0 (Tier 1)	
megestrol oral suspension 400 mg/10 ml (40 mg/ml), 625 mg/5 ml (125 mg/ml)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA-HRM; AGE (Max 64 Years)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
norethindrone acetate oral tablet 5 mg	(Gallifrey)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
progesterone micronized oral capsule 100 mg, 200 mg	(Prometrium)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Thyroid And Antithyroid Agents			
levothyroxine oral tablet 100 mcg, 112 mcg, 125 mcg, 137 mcg, 150 mcg, 175 mcg, 200 mcg, 25 mcg, 50 mcg, 75 mcg, 88 mcg	(Euthyrox)	$0 (Tier 1)	
levothyroxine oral tablet 300 mcg	(Levo-T)	$0 (Tier 1)	
liomny oral tablet 25 mcg, 5 mcg, 50 mcg	(liothyronine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
liothyronine oral tablet 25 mcg, 5 mcg, 50 mcg	(Liomny)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methimazole oral tablet 10 mg, 5 mg		$0 (Tier 1)	
propylthiouracil oral tablet 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
REZDIFFRA ORAL TABLET 100 MG, 60 MG, 80 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
Immunological Agents			
Immunological Agents			
adalimumab-aaty subcutaneous auto-injector, kit 40 mg/0.4 ml	(Yuflyma(CF) Autoinjector)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
adalimumab-aaty subcutaneous auto-injector, kit 80 mg/0.8 ml	(adalimumab-aaty(CF) AI Crohns)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
adalimumab-aaty subcutaneous syringe kit 20 mg/0.2 ml, 40 mg/0.4 ml	(Yuflyma(CF))	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
adalimumab-aaty(cf) ai crohns subcutaneous auto-injector, kit 80 mg/0.8 ml	(adalimumab-aaty)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ARCALYST SUBCUTANEOUS RECON SOLN 220 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ASTAGRAF XL ORAL CAPSULE,EXTENDED RELEASE 24HR 0.5 MG, 1 MG	(tacrolimus)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ASTAGRAF XL ORAL CAPSULE,EXTENDED RELEASE 24HR 5 MG	(tacrolimus)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
azathioprine oral tablet 50 mg	(Imuran)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
azathioprine sodium injection recon soln 100 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
BENLYSTA SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 200 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (8 per 28 days)
BENLYSTA SUBCUTANEOUS SYRINGE 200 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (8 per 28 days)
BESREMI SUBCUTANEOUS SYRINGE 500 MCG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (2 per 28 days)
CIMZIA POWDER FOR RECONST SUBCUTANEOUS KIT 400 MG (200 MG X 2 VIALS)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
CIMZIA STARTER KIT SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 400 MG/2 ML (200 MG/ML X 2)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
CIMZIA SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 200 MG/ML, 400 MG/2 ML (200 MG/ML X 2)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
COSENTYX (2 SYRINGES) SUBCUTANEOUS SYRINGE 150 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
COSENTYX PEN (2 PENS) SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 150 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
COSENTYX SUBCUTANEOUS SYRINGE 75 MG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
COSENTYX UNOREADY PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 300 MG/2 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
cyclosporine intravenous solution 250 mg/5 ml	(Sandimmune)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
cyclosporine modified oral capsule 100 mg, 25 mg	(Gengraf)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
cyclosporine modified oral capsule 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
cyclosporine modified oral solution 100 mg/ml	(Neoral)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
cyclosporine oral capsule 100 mg, 25 mg	(Sandimmune)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
CYLTEZO(CF) PEN CROHN'S-UC-HS SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.4 ML, 40 MG/0.8 ML	(adalimumab-adbm)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
CYLTEZO(CF) PEN PSORIASIS-UV SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.4 ML, 40 MG/0.8 ML	(adalimumab-adbm)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
CYLTEZO(CF) PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.4 ML, 40 MG/0.8 ML	(adalimumab-adbm)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
CYLTEZO(CF) SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 10 MG/0.2 ML, 20 MG/0.4 ML, 40 MG/0.4 ML, 40 MG/0.8 ML	(adalimumab-adbm)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
DUPIXENT PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 200 MG/1.14 ML, 300 MG/2 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
DUPIXENT SYRINGE SUBCUTANEOUS SYRINGE 100 MG/0.67 ML, 200 MG/1.14 ML, 300 MG/2 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ENBREL MINI SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 50 MG/ML (1 ML)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ENBREL SUBCUTANEOUS RECON SOLN 25 MG (1 ML)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ENBREL SUBCUTANEOUS SOLUTION 25 MG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ENBREL SUBCUTANEOUS SYRINGE 25 MG/0.5 ML (0.5), 50 MG/ML (1 ML)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ENBREL SURECLICK SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 50 MG/ML (1 ML)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
everolimus (immunosuppressive) oral tablet 0.25 mg (Zortress)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
everolimus (immunosuppressive) oral tablet 0.5 mg, 0.75 mg, 1 mg (Zortress)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
GAMUNEX-C INJECTION SOLUTION 1 GRAM/10 ML (10 %)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
gengraf oral capsule 100 mg, 25 mg (cyclosporine modified)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
gengraf oral solution 100 mg/ml (cyclosporine modified)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
HADLIMA PUSHTOUCH SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 40 MG/0.8 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HADLIMA SUBCUTANEOUS SYRINGE 40 MG/0.8 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HADLIMA(CF) PUSHTOUCH SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 40 MG/0.4 ML (adalimumab-bwwd)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HADLIMA(CF) SUBCUTANEOUS SYRINGE 40 MG/0.4 ML (adalimumab-bwwd)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA PEN CROHNS-UC-HS START SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.8 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA PEN PSOR-UVEITS-ADOL HS SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.8 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.8 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 40 MG/0.8 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) PEDI CROHNS STARTER SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 80 MG/0.8 ML, 80 MG/0.8 ML-40 MG/0.4 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
HUMIRA(CF) PEN CROHNS-UC-HS SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 80 MG/0.8 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) PEN PEDIATRIC UC SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 80 MG/0.8 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) PEN PSOR-UV-ADOL HS SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 80 MG/0.8 ML-40 MG/0.4 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR KIT 40 MG/0.4 ML, 80 MG/0.8 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
HUMIRA(CF) SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 10 MG/0.1 ML, 20 MG/0.2 ML, 40 MG/0.4 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
infliximab intravenous recon soln 100 mg	(Remicade)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
KINERET SUBCUTANEOUS SYRINGE 100 MG/0.67 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
leflunomide oral tablet 10 mg, 20 mg	(Arava)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mycophenolate mofetil (hcl) intravenous recon soln 500 mg	(CellCept Intravenous)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
mycophenolate mofetil oral capsule 250 mg	(CellCept)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
mycophenolate mofetil oral suspension for reconstitution 200 mg/ml	(CellCept)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
mycophenolate mofetil oral tablet 500 mg	(CellCept)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
mycophenolate sodium oral tablet,delayed release (dr/ec) 180 mg, 360 mg	(Myfortic)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
NIKTIMVO INTRAVENOUS SOLUTION 50 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NULOJIX INTRAVENOUS RECON SOLN 250 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
ORENCIA (WITH MALTOSE) INTRAVENOUS RECON SOLN 250 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ORENCIA CLICKJECT SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 125 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ORENCIA SUBCUTANEOUS SYRINGE 125 MG/ML, 50 MG/0.4 ML, 87.5 MG/0.7 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
OTEZLA ORAL TABLET 20 MG, 30 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
OTEZLA STARTER ORAL TABLETS,DOSE PACK 10 MG (4)-20 MG (51), 10 MG (4)-20 MG (4)-30 MG (47), 10 MG (4)-20 MG (4)-30 MG(19)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
OTEZLA XR INITIATION ORAL TABLET AND TABLET ER DOSE PACK 10-20-30-75 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
OTEZLA XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 75 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
PROGRAF INTRAVENOUS SOLUTION 5 MG/ML (tacrolimus)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD
PROGRAF ORAL GRANULES IN PACKET 0.2 MG, 1 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA BvD
RASUVO (PF) SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 10 MG/0.2 ML, 12.5 MG/0.25 ML, 15 MG/0.3 ML, 17.5 MG/0.35 ML, 20 MG/0.4 ML, 22.5 MG/0.45 ML, 25 MG/0.5 ML, 30 MG/0.6 ML, 7.5 MG/0.15 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	ST
REZUROCK ORAL TABLET 200 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RINVOQ LQ ORAL SOLUTION 1 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (360 per 30 days)
RINVOQ ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 15 MG, 30 MG, 45 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SELARSDI INTRAVENOUS SOLUTION 130 MG/26 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SELARSDI SUBCUTANEOUS SOLUTION 45 MG/0.5 ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA
SELARSDI SUBCUTANEOUS SYRINGE 45 MG/0.5 ML	(ustekinumab-aekn)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA
SELARSDI SUBCUTANEOUS SYRINGE 90 MG/ML	(ustekinumab-aekn)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
sirolimus oral solution 1 mg/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
sirolimus oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
SKYRIZI INTRAVENOUS SOLUTION 60 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SKYRIZI SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 150 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SKYRIZI SUBCUTANEOUS SYRINGE 150 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
SKYRIZI SUBCUTANEOUS WEARABLE INJECTOR 180 MG/1.2 ML (150 MG/ML), 360 MG/2.4 ML (150 MG/ML)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
tacrolimus intravenous solution 5 mg/ml	(Prograf)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
tacrolimus oral capsule 0.5 mg, 1 mg, 5 mg	(Prograf)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
TAVNEOS ORAL CAPSULE 10 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (180 per 30 days)
TREMFYA INTRAVENOUS SOLUTION 200 MG/20 ML (10 MG/ML)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TREMFYA ONE-PRESS SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 100 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TREMFYA PEN INDUCTION PK(2PEN) SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 200 MG/2 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TREMFYA PEN SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 200 MG/2 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TREMFYA SUBCUTANEOUS SYRINGE 100 MG/ML, 200 MG/2 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TYENNE AUTOINJECTOR SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 162 MG/0.9 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TYENNE INTRAVENOUS SOLUTION 200 MG/10 ML (20 MG/ML), 400 MG/20 ML (20 MG/ML), 80 MG/4 ML (20 MG/ML)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
TYENNE SUBCUTANEOUS SYRINGE 162 MG/0.9 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
ustekinumab-aauz subcutaneous syringe 45 mg/0.5 ml, 90 mg/ml (Otulfi)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA
XELJANZ ORAL SOLUTION 1 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
XELJANZ ORAL TABLET 10 MG, 5 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
XELJANZ XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HR 11 MG, 22 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YESINTEK INTRAVENOUS SOLUTION 130 MG/26 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YESINTEK SUBCUTANEOUS SOLUTION 45 MG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA
YESINTEK SUBCUTANEOUS SYRINGE 45 MG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
YESINTEK SUBCUTANEOUS SYRINGE 90 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YUFLYMA(CF) AI CROHN'S-UC-HS SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR, KIT 80 MG/0.8 ML (adalimumab-aaty)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YUFLYMA(CF) AUTOINJECTOR SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR, KIT 40 MG/0.4 ML, 80 MG/0.8 ML (adalimumab-aaty)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
YUFLYMA(CF) SUBCUTANEOUS SYRINGE KIT 20 MG/0.2 ML, 40 MG/0.4 ML (adalimumab-aaty)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
Vaccines		
ABRYSVO (PF) INTRAMUSCULAR RECON SOLN 120 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
ACTHIB (PF) INTRAMUSCULAR RECON SOLN 10 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
ADACEL(TDAP ADOLESN/ADULT)(PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 2 LF-(2.5-5-3-5 MCG)-5LF/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
ADACEL(TDAP ADOLESN/ADULT)(PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 2 LF-(2.5-5-3-5 MCG)-5LF/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
AREXVY (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 120 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
BCG VACCINE, LIVE (PF) PERCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 50 MG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
BEXSERO INTRAMUSCULAR SYRINGE 50-50-50-25 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BOOSTRIX TDAP INTRAMUSCULAR SUSPENSION 2.5-8-5 LF-MCG-LF/0.5ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
BOOSTRIX TDAP INTRAMUSCULAR SYRINGE 2.5-8-5 LF-MCG-LF/0.5ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
DAPTACEL (DTAP PEDIATRIC) (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 15-10-5 LF-MCG-LF/0.5ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
DENGVAXIA (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10EXP4.5-6 CCID50/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (3 per 365 days)
ENGERIX-B (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 20 MCG/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA BvD; $0 copay
ENGERIX-B (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 20 MCG/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA BvD; $0 copay
ENGERIX-B PEDIATRIC (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 10 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA BvD; $0 copay
GARDASIL 9 (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
GARDASIL 9 (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
HAVRIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 1,440 ELISA UNIT/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
HAVRIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 720 ELISA UNIT/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
HEPLISAV-B (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 20 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA BvD; $0 copay

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
HIBERIX (PF) INTRAMUSCULAR RECON SOLN 10 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
IMOVAX RABIES VACCINE (PF) INTRAMUSCULAR RECON SOLN 2.5 UNIT	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA BvD; $0 copay
INFANRIX (DTAP) (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 25-58-10 LF-MCG-LF/0.5ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
IPOL INJECTION SUSPENSION 40-8-32 UNIT/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
IXIARO (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 6 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
JYNNEOS (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION 0.5X TO 3.95X 10EXP8 UNIT/0.5	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
KINRIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 25 LF-58 MCG-10 LF/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
MENACTRA (PF) INTRAMUSCULAR SOLUTION 4 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
MENQUADFI (PF) INTRAMUSCULAR SOLUTION 10 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
MENVEO A-C-Y-W-135-DIP (PF) INTRAMUSCULAR KIT 10-5 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
M-M-R II (PF) SUBCUTANEOUS RECON SOLN 1,000-12,500 TCID50/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
MRESVIA (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 50 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
PEDIARIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 10 MCG-25LF-25 MCG-10LF/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PEDVAX HIB (PF) INTRAMUSCULAR SOLUTION 7.5 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
PENBRAYA (PF) INTRAMUSCULAR KIT 5-120 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
PENBRAYA MENACWY COMPONENT(PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 5 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
PENBRAYA MENB COMPONENT (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 120 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
PENMENVY MEN A-B-C-W-Y (PF) INTRAMUSCULAR KIT 0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
PENMENVY MENACWY COMPONENT(PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10-5 MCG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
PENMENVY MENB COMPONENT (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 50-50-50-25 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
PENTACEL (PF) INTRAMUSCULAR KIT 15LF-20MCG-5LF- 62 DU/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
PRIORIX (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10EXP3.4-4.2-3.3CCID50/0.5ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
PROQUAD (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10EXP3-4.3-3-3.99 TCID50/0.5	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
QUADRACEL (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 15 LF-48 MCG- 5 LF UNIT/0.5ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
QUADRACEL (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 15 LF-48 MCG- 5 LF UNIT/0.5ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
RABAVERT (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 2.5 UNIT	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA BvD; $0 copay
RECOMBIVAX HB (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 10 MCG/ML, 40 MCG/ML, 5 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA BvD; $0 copay
RECOMBIVAX HB (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 10 MCG/ML, 5 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	PA BvD; $0 copay
ROTARIX ORAL SUSPENSION 10EXP6 CCID50 /1.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
ROTARIX ORAL SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10EXP6 CCID50/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
ROTATEQ VACCINE ORAL SOLUTION 2 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
SHINGRIX (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 50 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay; QL (2 per 365 days)
SHINGRIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 50 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay; QL (2 per 365 days)
TDVAX INTRAMUSCULAR SUSPENSION 2-2 LF UNIT/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
TENIVAC (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 5 LF UNIT- 2 LF UNIT/0.5ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TENIVAC (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 5-2 LF UNIT/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
TICOVAC INTRAMUSCULAR SYRINGE 1.2 MCG/0.25 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
TICOVAC INTRAMUSCULAR SYRINGE 2.4 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
TRUMENBA INTRAMUSCULAR SYRINGE 120 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
TWINRIX (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 720 ELISA UNIT- 20 MCG/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
TYPHIM VI INTRAMUSCULAR SOLUTION 25 MCG/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
TYPHIM VI INTRAMUSCULAR SYRINGE 25 MCG/0.5 ML (typhoid vi polysacch vaccine)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
VAQTA (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 25 UNIT/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
VAQTA (PF) INTRAMUSCULAR SUSPENSION 50 UNIT/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
VAQTA (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 25 UNIT/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
VAQTA (PF) INTRAMUSCULAR SYRINGE 50 UNIT/ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
VARIVAX (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 1,350 UNIT/0.5 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
VAXCHORA VACCINE ORAL SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 4X10EXP8 TO 2X 10EXP9 CF UNIT	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
VIMKUNYA INTRAMUSCULAR SYRINGE 40 MCG/0.8 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VIVOTIF ORAL CAPSULE,DELAYED RELEASE(DR/EC) 2 BILLION UNIT		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
YF-VAX (PF) SUBCUTANEOUS SUSPENSION FOR RECONSTITUTION 10 EXP4.74 UNIT/0.5 ML, 10 EXP4.74 UNIT/0.5 ML(2.5 ML IN 1 VIAL)		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	$0 copay
Inflammatory Bowel Disease Agents			
Inflammatory Bowel Disease Agents			
alosetron oral tablet 0.5 mg	(Lotronex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
alosetron oral tablet 1 mg	(Lotronex)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
balsalazide oral capsule 750 mg	(Colazal)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
budesonide oral capsule,delayed,extend.release 3 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
budesonide rectal foam 2 mg/actuation	(Uceris)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
hydrocortisone rectal enema 100 mg/60 ml	(Cortenema)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mesalamine oral capsule, extended release 500 mg	(Pentasa)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mesalamine oral capsule,extended release 24hr 0.375 gram	(Apriso)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
mesalamine oral tablet,delayed release (dr/ec) 1.2 gram	(Lialda)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
sulfasalazine oral tablet 500 mg	(Azulfidine)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sulfasalazine oral tablet,delayed release (dr/ec) 500 mg	(Azulfidine EN-tabs)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
Metabolic Bone Disease Agents			
Metabolic Bone Disease Agents			

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
alendronate oral solution 70 mg/75 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (300 per 28 days)
alendronate oral tablet 10 mg		$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
alendronate oral tablet 35 mg		$0 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
alendronate oral tablet 70 mg	(Fosamax)	$0 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
calcitonin (salmon) nasal spray,non-aerosol 200 unit/actuation		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
calcitriol oral capsule 0.25 mcg, 0.5 mcg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cinacalcet oral tablet 30 mg, 60 mg	(Sensipar)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
cinacalcet oral tablet 90 mg	(Sensipar)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
ibandronate oral tablet 150 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
NATPARA SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 100 MCG/DOSE, 25 MCG/DOSE, 50 MCG/DOSE, 75 MCG/DOSE		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (2 per 28 days)
OSENVELT SUBCUTANEOUS SOLUTION 120 MG/1.7 ML (70 MG/ML)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
paricalcitol oral capsule 1 mcg, 2 mcg	(Zemplar)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
paricalcitol oral capsule 4 mcg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
RAYALDEE ORAL CAPSULE,EXTENDED RELEASE 24 HR 30 MCG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (60 per 30 days)
STOBOCLO SUBCUTANEOUS SYRINGE 60 MG/ML		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (1 per 180 days)
teriparatide subcutaneous pen injector 20 mcg/dose (560mcg/2.24ml)	(Bonsity)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (2.24 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TYMLOS SUBCUTANEOUS PEN INJECTOR 80 MCG (3,120 MCG/1.56 ML)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1.56 per 30 days)
Miscellaneous Therapeutic Agents		
Miscellaneous Therapeutic Agents		
ACTIMMUNE SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 MCG/0.5 ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
BAQSIMI NASAL SPRAY,NON-AEROSOL 3 MG/ACTUATION	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
betaine oral powder 1 gram/scoop (Cystadane)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
buspirone oral tablet 10 mg, 15 mg, 30 mg, 5 mg, 7.5 mg	$0 (Tier 1)	
diazoxide oral suspension 50 mg/ml (Proglycem)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
glucagon emergency kit (human) injection recon soln 1 mg	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
glutamine (sickle cell) oral powder in packet 5 gram (Endari)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (180 per 30 days)
GVOKE HYPOPEN 2-PACK SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 0.5 MG/0.1 ML, 1 MG/0.2 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
GVOKE PFS 1-PACK SYRINGE SUBCUTANEOUS SYRINGE 0.5 MG/0.1 ML, 1 MG/0.2 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
GVOKE SUBCUTANEOUS SOLUTION 1 MG/0.2 ML	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
hydroxyzine pamoate oral capsule 100 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
hydroxyzine pamoate oral capsule 25 mg, 50 mg	$0 (Tier 1)	
leucovorin calcium oral tablet 10 mg, 15 mg, 25 mg, 5 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
mesna oral tablet 400 mg	(Mesnex)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS
nitroglycerin rectal ointment 0.4 % (w/w)	(Rectiv)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
pyridostigmine bromide oral tablet 60 mg	(Mestinon)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
THALOMID ORAL CAPSULE 100 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (120 per 30 days)
THALOMID ORAL CAPSULE 150 MG, 200 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (56 per 28 days)
THALOMID ORAL CAPSULE 50 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA NSO; NDS; QL (224 per 28 days)
TYBOST ORAL TABLET 150 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
VEOZAH ORAL TABLET 45 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	PA; QL (30 per 30 days)
VOWST ORAL CAPSULE 1 X 10EXP6 TO 3 X 10EXP7 CELL		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (12 per 30 days)
Ophthalmic Agents			
Antiglaucoma Agents			
acetazolamide oral capsule, extended release 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
acetazolamide oral tablet 125 mg, 250 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
acetazolamide sodium injection recon soln 500 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
betaxolol ophthalmic (eye) drops 0.5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
brimonidine ophthalmic (eye) drops 0.1 %, 0.15 %	(Alphagan P)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
brimonidine ophthalmic (eye) drops 0.2 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
brimonidine-timolol ophthalmic (eye) drops 0.2-0.5 %	(Combigan)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
brinzolamide ophthalmic (eye) drops,suspension 1 %	(Azopt)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
carteolol ophthalmic (eye) drops 1 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dorzolamide ophthalmic (eye) drops 2 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dorzolamide-timolol ophthalmic (eye) drops 22.3-6.8 mg/ml	(Cosopt)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
latanoprost ophthalmic (eye) drops 0.005 %	(Xalatan)	$0 (Tier 1)	QL (2.5 per 25 days)
levobunolol ophthalmic (eye) drops 0.5 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
LUMIGAN OPHTHALMIC (EYE) DROPS 0.01 %	(bimatoprost)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (2.5 per 25 days)
methazolamide oral tablet 25 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
pilocarpine hcl ophthalmic (eye) drops 1 %, 2 %, 4 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
RHOPRESSA OPHTHALMIC (EYE) DROPS 0.02 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (2.5 per 25 days)
ROCKLATAN OPHTHALMIC (EYE) DROPS 0.02-0.005 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (2.5 per 25 days)
SIMBRINZA OPHTHALMIC (EYE) DROPS,SUSPENSION 1-0.2 %		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	
timolol maleate ophthalmic (eye) drops 0.25 %, 0.5 %		$0 (Tier 1)	
timolol ophthalmic (eye) drops 0.5 %	(Betimol)	$0 (Tier 1)	
travoprost ophthalmic (eye) drops 0.004 %	(Travatan Z)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (2.5 per 25 days)
VYZULTA OPHTHALMIC (EYE) DROPS 0.024 %		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (5 per 30 days)
Replacement Preparations			
Replacement Preparations			
d5 % (d-glucose)-0.9 % sodchlr intravenous parenteral solution	(d5 % and 0.9 % sodium chloride)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
d5 % and 0.9 % sodium chloride intravenous parenteral solution	(D5 % (d-glucose)-0.9 % sodchlr)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
d5 %-0.45 % sodium chloride intravenous parenteral solution		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
klor-con m10 oral tablet,er particles/crystals 10 meq	(potassium chloride)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
klor-con m15 oral tablet,er particles/crystals 15 meq	(potassium chloride)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
klor-con m20 oral tablet,er particles/crystals 20 meq	(potassium chloride)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
magnesium sulfate injection solution 500 mg/ml (50 %)		$4.90 - $12.65 (Tier 4)	
magnesium sulfate injection syringe 500 mg/ml (50 %)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium chloride intravenous solution 2 meq/ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium chloride oral capsule, extended release 10 meq, 8 meq		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium chloride oral liquid 20 meq/15 ml, 40 meq/15 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium chloride oral tablet extended release 10 meq	(Klor-Con 10)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium chloride oral tablet extended release 15 meq, 20 meq		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium chloride oral tablet extended release 8 meq	(Klor-Con 8)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium chloride oral tablet,er particles/crystals 10 meq	(Klor-Con M10)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium chloride oral tablet,er particles/crystals 15 meq	(Klor-Con M15)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium chloride oral tablet,er particles/crystals 20 meq	(Klor-Con M20)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium citrate oral tablet extended release 10 meq (1,080 mg)	(Urocit-K 10)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium citrate oral tablet extended release 15 meq	(Urocit-K 15)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
potassium citrate oral tablet extended release 5 meq (540 mg)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
sodium chloride 0.45 % intravenous parenteral solution 0.45 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sodium chloride 0.9 % intravenous parenteral solution		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
sodium chloride 0.9% solution mini-bag, single use		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Respiratory Tract Agents			
Anti-Inflammatories, Inhaled Corticosteroids			
ADVAIR HFA INHALATION HFA AEROSOL INHALER 115-21 MCG/ACTUATION, 230-21 MCG/ACTUATION, 45-21 MCG/ACTUATION	(fluticasone propion-salmeterol)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (12 per 30 days)
AIRSUPRA 90-80 MCG INHALER 90-80 MCG/ACTUATION		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (32.1 per 30 days)
ARNUITY ELLIPTA INHALATION BLISTER WITH DEVICE 100 MCG/ACTUATION, 200 MCG/ACTUATION, 50 MCG/ACTUATION	(fluticasone furoate)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
BREO ELLIPTA INHALATION BLISTER WITH DEVICE 100-25 MCG/DOSE, 200-25 MCG/DOSE	(fluticasone furoate-vilanterol)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
BREO ELLIPTA INHALATION BLISTER WITH DEVICE 50-25 MCG/DOSE		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
breyna inhalation hfa aerosol inhaler 160-4.5 mcg/actuation, 80-4.5 mcg/actuation	(budesonide-formoterol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30.9 per 30 days)
budesonide inhalation suspension for nebulization 0.25 mg/2 ml, 0.5 mg/2 ml, 1 mg/2 ml	(Pulmicort)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD; QL (120 per 30 days)
budesonide-formoterol inhalation hfa aerosol inhaler 160-4.5 mcg/actuation, 80-4.5 mcg/actuation	(Breyna)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30.6 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
fluticasone propionate inhalation hfa aerosol inhaler 110 mcg/actuation		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
fluticasone propionate inhalation hfa aerosol inhaler 220 mcg/actuation		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)
fluticasone propionate inhalation hfa aerosol inhaler 44 mcg/actuation		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (21.2 per 30 days)
fluticasone propion-salmeterol inhalation blister with device 100-50 mcg/dose, 250-50 mcg/dose, 500-50 mcg/dose	(Wixela Inhub)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
wixela inhub inhalation blister with device 100-50 mcg/dose, 250-50 mcg/dose, 500-50 mcg/dose	(fluticasone propion-salmeterol)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
Antileukotrienes			
montelukast oral tablet 10 mg	(Singulair)	$0 (Tier 1)	
montelukast oral tablet,chewable 4 mg, 5 mg	(Singulair)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
zafirlukast oral tablet 10 mg, 20 mg	(Accolate)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Bronchodilators			
AIRSUPRA INHALATION HFA AEROSOL INHALER 90-80 MCG/ACTUATION		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (32.1 per 30 days)
albuterol sulfate inhalation hfa aerosol inhaler 90 mcg/actuation	(Ventolin HFA)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (17 per 30 days)
albuterol sulfate inhalation hfa aerosol inhaler 90 mcg/actuation (nda020503)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (13.4 per 30 days)
albuterol sulfate inhalation hfa aerosol inhaler 90 mcg/actuation (nda020983)		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (36 per 30 days)
albuterol sulfate inhalation solution for nebulization 0.63 mg/3 ml, 1.25 mg/3 ml, 2.5 mg /3 ml (0.083 %), 2.5 mg/0.5 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ANORO ELLIPTA INHALATION BLISTER WITH DEVICE 62.5-25 MCG/ACTUATION	(umeclidinium-vilanterol)	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
ATROVENT HFA INHALATION HFA AEROSOL INHALER 17 MCG/ACTUATION	(ipratropium bromide)	$4.90 - $12.65 (Tier 4)	QL (25.8 per 28 days)
BREZTRI AEROSPHERE INHALATION HFA AEROSOL INHALER 160-9-4.8 MCG/ACTUATION		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (10.7 per 30 days)
COMBIVENT RESPIMAT INHALATION MIST 20-100 MCG/ACTUATION		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (8 per 30 days)
ipratropium bromide inhalation hfa aerosol inhaler 17 mcg/actuation	(Atrovent HFA)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (25.8 per 28 days)
ipratropium bromide inhalation solution 0.02 %		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
ipratropium-albuterol inhalation solution for nebulization 0.5 mg-3 mg(2.5 mg base)/3 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD; QL (540 per 30 days)
SEREVENT DISKUS INHALATION BLISTER WITH DEVICE 50 MCG/DOSE		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
SPIRIVA RESPIMAT INHALATION MIST 1.25 MCG/ACTUATION		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)
SPIRIVA RESPIMAT INHALATION MIST 2.5 MCG/ACTUATION		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)
STIOLTO RESPIMAT INHALATION MIST 2.5-2.5 MCG/ACTUATION		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (4 per 30 days)
STRIVERDI RESPIMAT INHALATION MIST 2.5 MCG/ACTUATION		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (4 per 28 days)
theophylline oral solution 80 mg/15 ml		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
theophylline oral tablet extended release 12 hr 100 mg, 200 mg, 300 mg, 450 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
theophylline oral tablet extended release 24 hr 400 mg, 600 mg	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tiotropium bromide inhalation capsule, w/inhalation device 18 mcg (Spiriva with HandiHaler)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TRELEGY ELLIPTA INHALATION BLISTER WITH DEVICE 100-62.5-25 MCG, 200-62.5-25 MCG	$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
Respiratory Tract Agents, Other		
acetylcysteine solution 100 mg/ml (10 %), 200 mg/ml (20 %)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
ALYFTREK ORAL TABLET 10-50-125 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
ALYFTREK ORAL TABLET 4-20-50 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
BRONCHITOL INHALATION CAPSULE, W/INHALATION DEVICE 40 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	NDS; QL (560 per 28 days)
cromolyn inhalation solution for nebulization 20 mg/2 ml	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA BvD
FASENRA PEN SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 30 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)
FASENRA SUBCUTANEOUS SYRINGE 10 MG/0.5 ML, 30 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 28 days)
KALYDECO ORAL GRANULES IN PACKET 13.4 MG, 25 MG, 5.8 MG, 50 MG, 75 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
KALYDECO ORAL TABLET 150 MG	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
NUCALA SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 100 MG/ML	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (3 per 28 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NUCALA SUBCUTANEOUS RECON SOLN 100 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (3 per 28 days)
NUCALA SUBCUTANEOUS SYRINGE 100 MG/ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (3 per 28 days)
NUCALA SUBCUTANEOUS SYRINGE 40 MG/0.4 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (0.4 per 28 days)
OFEV ORAL CAPSULE 100 MG, 150 MG	(nintedanib)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
ORKAMBI ORAL TABLET 100-125 MG, 200-125 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (112 per 28 days)
pirfenidone oral capsule 267 mg		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (270 per 30 days)
pirfenidone oral tablet 267 mg	(Esbriet)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (270 per 30 days)
pirfenidone oral tablet 534 mg		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
pirfenidone oral tablet 801 mg	(Esbriet)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
PROLASTIN-C INTRAVENOUS SOLUTION 1,000 MG (+/-)/20 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA BvD; NDS
roflumilast oral tablet 250 mcg	(Daliresp)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (28 per 28 days)
roflumilast oral tablet 500 mcg	(Daliresp)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TRIKAFTA ORAL GRANULES IN PACKET, SEQUENTIAL 100-50-75MG (D) /75 MG (N), 80-40-60 MG (D) /59.5 MG (N)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (56 per 28 days)
TRIKAFTA ORAL TABLETS, SEQUENTIAL 100-50-75 MG(D) /150 MG (N), 50-25-37.5 MG (D)/75 MG (N)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (84 per 28 days)
WINREVAIR SUBCUTANEOUS KIT 120 MG (60 MG X 2), 45 MG, 60 MG, 90 MG (45 MG X 2)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (1 per 21 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
XOLAIR SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR 150 MG/ML, 300 MG/2 ML, 75 MG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
XOLAIR SUBCUTANEOUS RECON SOLN 150 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
XOLAIR SUBCUTANEOUS SYRINGE 150 MG/ML, 300 MG/2 ML, 75 MG/0.5 ML		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
Skeletal Muscle Relaxants			
Skeletal Muscle Relaxants			
baclofen oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
cyclobenzaprine oral tablet 10 mg, 5 mg		$0 (Tier 1)	
dantrolene oral capsule 100 mg, 50 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
dantrolene oral capsule 25 mg	(Dantrium)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
methocarbamol oral tablet 500 mg, 750 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tizanidine oral tablet 2 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
tizanidine oral tablet 4 mg	(Zanaflex)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	
Sleep Disorder Agents			
Sleep Disorder Agents			
armodafinil oral tablet 150 mg, 200 mg, 250 mg, 50 mg	(Nuvigil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (30 per 30 days)
BELSOMRA ORAL TABLET 10 MG, 15 MG, 20 MG, 5 MG		$4.90 - $12.65 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
doxepin oral tablet 3 mg, 6 mg	(Silenor)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
eszopiclone oral tablet 1 mg, 2 mg, 3 mg	(Lunesta)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
modafinil oral tablet 100 mg	(Provigil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (30 per 30 days)
modafinil oral tablet 200 mg	(Provigil)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (60 per 30 days)
sodium oxybate oral solution 500 mg/ml	(Xyrem)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (540 per 30 days)
zaleplon oral capsule 10 mg, 5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
zolpidem oral tablet 10 mg, 5 mg	(Ambien)	$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
Vasodilating Agents			
Vasodilating Agents			
ADEMPAS ORAL TABLET 0.5 MG, 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 2.5 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (90 per 30 days)
alyq oral tablet 20 mg	(tadalafil (pulm. hypertension))	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (60 per 30 days)
bosentan oral tablet 125 mg, 62.5 mg	(Tracleer)	$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; LA; NDS; QL (60 per 30 days)
OPSUMIT ORAL TABLET 10 MG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (30 per 30 days)
sildenafil (pulm.hypertension) oral tablet 20 mg	(Revatio)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (360 per 30 days)
tadalafil oral tablet 2.5 mg		$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (30 per 30 days)
tadalafil oral tablet 5 mg	(Cialis)	$1.60 - $5.10 (Tier 2)	PA; QL (30 per 30 days)
UPTRAVI ORAL TABLET 1,000 MCG, 1,200 MCG, 1,400 MCG, 1,600 MCG, 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (60 per 30 days)
UPTRAVI ORAL TABLET 200 MCG		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS; QL (240 per 30 days)
UPTRAVI ORAL TABLETS,DOSE PACK 200 MCG (140)- 800 MCG (60)		$1.60 - $12.65 (Tier 5)	PA; NDS
Vitamins And Minerals			

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Vitamins And Minerals		
bal-care dha combo pack 27-1-430 mg	$0 (Tier 1)	
bal-care dha essential pack 27 mg iron-1 mg -374 mg	$0 (Tier 1)	
c-nate dha softgel 28 mg iron-1 mg -200 mg	$0 (Tier 1)	
completenate tablet chew 29 mg iron-1 mg	$0 (Tier 1)	
folivane-ob capsule 85-1 mg	$0 (Tier 1)	
kosher prenatal plus iron tab 30 mg iron- 1 mg	$0 (Tier 1)	
marnatal-f capsule 60 mg iron-1 mg	$0 (Tier 1)	
m-natal plus tablet 27 mg iron- 1 mg (pnv,calcium 72-iron-folic acid)	$0 (Tier 1)	
mynatal advance oral tablet 90-1-50 mg	$0 (Tier 1)	
mynatal capsule 65 mg iron- 1 mg	$0 (Tier 1)	
mynatal oral tablet 90-1-50 mg	$0 (Tier 1)	
mynatal plus captab 65 mg iron- 1 mg	$0 (Tier 1)	
mynatal-z captab 65 mg iron- 1 mg	$0 (Tier 1)	
mynate 90 plus oral tablet extended release 90 mg iron-1 mg	$0 (Tier 1)	
newgen tablet 32-1,000 mg-mcg	$0 (Tier 1)	
niva-plus tablet 27 mg iron- 1 mg	$0 (Tier 1)	
obstetrix dha combo pack 29 mg iron- 1,700 mcg dfe	$0 (Tier 1)	
obstetrix dha oral combo pack,tablet and cap,dr 29 mg iron-1 mg -50 mg	$0 (Tier 1)	
pnv prenatal plus multivit tab gluten-free (rx) 27 mg iron- 1 mg (pnv,calcium 72-iron-folic acid)	$0 (Tier 1)	
pnv-dha + docusate oral capsule 27-1.25-55-300 mg	$0 (Tier 1)	
pnv-omega softgel 28-1-300 mg	$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug		What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
pr natal 400 combo pack 29-1-400 mg		$0 (Tier 1)	
pr natal 400 ec combo pack 29-1-400 mg		$0 (Tier 1)	
pr natal 430 combo pack 29 mg iron-1 mg -430 mg		$0 (Tier 1)	
pr natal 430 ec combo pack 29-1-430 mg		$0 (Tier 1)	
prena1 true combo pack 30 mg iron-1.4 mg-300 mg		$0 (Tier 1)	
prenaissance oral capsule 29-1.25-55-325 mg		$0 (Tier 1)	
prenaissance plus oral capsule 28-1-50-250 mg		$0 (Tier 1)	
prenatabs fa tablet 29-1 mg		$0 (Tier 1)	
prenatal 19 (with docusate) oral tablet 29 mg iron- 1 mg-25 mg		$0 (Tier 1)	
prenatal 19 chewable tablet 29 mg iron- 1 mg		$0 (Tier 1)	
prenatal plus iron tablet (rx) 29 mg iron- 1 mg	(pnv,calcium 72-iron,carb-folic)	$0 (Tier 1)	
prenatal vitamin plus low iron oral tablet 27 mg iron- 1 mg	(pnv,calcium 72-iron-folic acid)	$0 (Tier 1)	
prenatal-u capsule 106.5-1 mg		$0 (Tier 1)	
preplus oral tablet 27 mg iron- 1 mg	(pnv,calcium 72-iron-folic acid)	$0 (Tier 1)	
r-natal ob softgel 20 mg iron- 1 mg-320 mg		$0 (Tier 1)	
select-ob chewable caplet 29 mg iron- 1 mg		$0 (Tier 1)	
select-ob chewable caplet 29 mg iron- 1 mg		$0 (Tier 1)	
se-natal 19 chewable tablet 29 mg iron- 1 mg		$0 (Tier 1)	
taron-c dha capsule 35-1-200 mg		$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

Name of Drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
taron-prex prenatal-dha oral capsule 30 mg iron-1.2 mg-55 mg-265 mg	$0 (Tier 1)	
virt-c dha oral capsule 35-1-200 mg	$0 (Tier 1)	
virt-nate dha softgel 28 mg iron-1 mg -200 mg	$0 (Tier 1)	
virt-pn dha softgel (rx) 27 mg iron-1 mg -300 mg	$0 (Tier 1)	
vitafol gummies 3.33 mg iron- 0.33 mg	$0 (Tier 1)	
vitafol nano oral tablet 18 mg iron- 1 mg	$0 (Tier 1)	
vitafol-ob+dha combo pack 65-1-250 mg	$0 (Tier 1)	
vp-ch-pnv oral capsule 30 mg iron-1 mg -50 mg-260 mg	$0 (Tier 1)	
vp-pnv-dha oral capsule 28 mg iron-1 mg-200 mg	$0 (Tier 1)	
zatean-pn dha capsule 27 mg iron-1 mg -300 mg	$0 (Tier 1)	
zatean-pn plus softgel 28-1-300 mg	$0 (Tier 1)	
zingiber tablet 1.2 mg-40 mg- 124.1 mg-100 mg	$0 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations on this table mean by going to the introduction pages of this document.

D.Chỉ Mục Thuốc Được Đài Thọ

Trong phần này, quý vị có thể tìm thấy một loại thuốc bằng cách tìm kiếm tên theo thứ tự bảng chữ cái. Điều này sẽ cho quý vị biết số trang mà quý vị có thể tìm thấy thông tin đài thọ bổ sung cho thuốc của mình.

INDEX

1

1ST TIER UNIFINE PENTIPS 137

1ST TIER UNIFINE PENTIPS PLUS 137

A

abacavir 96

abacavir-lamivudine 96

ABELCET 79

abigale 196

abigale lo 196

ABILIFY ASIMTUFII 88

ABILIFY MAINTENA 89

abiraterone 42

abiraterone, submicronized 42

abirtega 42

ABRYSVO (PF) 209

acamprosate 31

acarbose 73

acebutolol 111

acetaminophen-codeine 27

acetazolamide 218

acetazolamide sodium 218

acetic acid 187

acetylcysteine 224

acitretin 132

ACTHIB (PF) 209

ACTIMMUNE 217

acyclovir 103, 132

acyclovir sodium 103

ADACEL(TDAP ADOLESN/ADULT)(PF) 209

adalimumab-aaty 201

adalimumab-aaty(cf) ai crohns 201

adapalene 136

adefovir 103

ADEMPAS 227

adrucil 42

ADVAIR HFA 221

ADVOCATE PEN NEEDLE 138

ADVOCATE SYRINGES .. 137, 138

afirmelle 123

AIMOVIG AUTOINJECTOR 82

AIRSUPRA 221, 222

AKEEGA 42

ak-poly-bac 187

ala-cort 134

albendazole 85

albuterol sulfate 222

ALCOHOL PADS 138

ALCOHOL PREP PADS 160

ALCOHOL PREP SWABS. 138

ALCOHOL SWABS 155

ALCOHOL WIPES 138

ALECENSA 42

alendronate 216

alfuzosin 195

aliskiren 118

allopurinol 81

alosetron 215

alprazolam 32

altavera (28) 123

ALTRENO 136

ALUNBRIG 42

ALVAIZ 105

alyacen 1/35 (28) 123

alyacen 7/7/7 (28) 123

ALYFTREK 224

alyq 227

amantadine hcl 87

amethyst (28) 123

amikacin 34

amiloride 115

amiloride-hydrochlorothiazide 115

amiodarone 110

amitriptyline 69

amlodipine 114

amlodipine-atorvastatin 116

amlodipine-benazepril 114

amlodipine-olmesartan 114

amlodipine-valsartan 114

amlodipine-valsartan-hcthiazid 114

ammonium lactate 132

amoxapine 69

amoxicil-clarithromy-lansopraz 191

amoxicillin 38

amoxicillin-pot clavulanate .. 38, 39

amphotericin b 79

amphotericin b liposome 79

ampicillin 39

ampicillin sodium 39

ampicillin-sulbactam 39

anagrelide 106

anastrozole 42

ANKTIVA 42

ANORO ELLIPTA 223

aprepitant 84, 85

apri 123

APTIVUS 96

AQINJECT PEN NEEDLE . 138

ARCALYST 201

AREXVY (PF) 209

ARIKAYCE 34

aripiprazole 89
ARISTADA 89
ARISTADA INITIO 89
armodafinil 226
ARNUITY ELLIPTA 221
asenapine maleate 89
aspirin-dipyridamole 106
ASSURE ID DUO PRO SFTY PEN NDL 139
ASSURE ID DUO-SHIELD 139
ASSURE ID INSULIN SAFETY 139
ASSURE ID PEN NEEDLE 139
ASSURE ID PRO PEN NEEDLE 139
ASTAGRAF XL 201, 202
atazanavir 96
atenolol 111
atenolol-chlorthalidone 111
atomoxetine 119
atorvastatin 116
atovaquone 85
atovaquone-proguanil 86
atropine 187
ATROVENT HFA 223
ATTRUBY 113
aubra eq 123
AUGTYRO 42
aurovela 1.5/30 (21) 123
aurovela 1/20 (21) 123
aurovela 24 fe 123
aurovela fe 1.5/30 (28) 123
aurovela fe 1-20 (28) 123
AUSTEDO 119
AUSTEDO XR 119, 120
AUSTEDO XR TITRATION KT(WK1-4) 120
AUTOSHIELD DUO PEN NEEDLE 139
AUVELITY 69
aviane 123
AVMAPKI 42
AVMAPKI-FAKZYNJA 42
AVONEX 120
AXTLE 42
ayuna 124
AYVAKIT 43
azacitidine 43
azathioprine 202
azathioprine sodium 202
azelastine 187
azithromycin 37
aztreonam 38
azurette (28) 124

B

bacitracin 187
bacitracin-polymyxin b 187
baclofen 226
bal-care dha 228
bal-care dha essential 228
balsalazide 215
BALVERSA 43
BAQSIMI 217
BCG VACCINE, LIVE (PF) 209
BD ALCOHOL SWABS 140
BD AUTOSHIELD DUO PEN NEEDLE 139
BD ECLIPSE LUER-LOK .. 139
BD INSULIN SYRINGE 140
BD INSULIN SYRINGE (HALF UNIT) 139
BD INSULIN SYRINGE ULTRA-FINE 139, 140
BD LO-DOSE ULTRA-FINE 140
BD NANO 2ND GEN PEN NEEDLE 140
BD SAFETYGLIDE INSULIN SYRINGE 140
BD SAFETYGLIDE SYRINGE 140
BD ULTRA-FINE MICRO PEN NEEDLE 141
BD ULTRA-FINE MINI PEN NEEDLE 141
BD ULTRA-FINE NANO PEN NEEDLE 141
BD ULTRA-FINE ORIG PEN NEEDLE 141
BD ULTRA-FINE SHORT PEN NEEDLE 141
BD VEO INSULIN SYR (HALF UNIT) 141
BD VEO INSULIN SYRINGE UF 141
BELSOMRA 226
benazepril 109
benazepril-hydrochlorothiazide 109
bendamustine 43
BENDAMUSTINE 43
BENDEKA 43
BENLYSTA 202
benztropine 87
BESREMI 202
betaine 217
betamethasone dipropionate 134
betamethasone valerate 134
betamethasone, augmented .. 134
BETASERON 120
betaxolol 218
bethanechol chloride 194
bexarotene 43
BEXSERO 209
bicalutamide 43
BICILLIN L-A 39
BIKTARVY 96
bisoprolol fumarate 111
bisoprolol-hydrochlorothiazide 111
BIZENGRI 43
bleomycin 43
blisovi 24 fe 124
blisovi fe 1.5/30 (28) 124
blisovi fe 1/20 (28) 124

BOOSTRIX TDAP 210
BORDERED GAUZE.....141
bortezomib.....43
BORUZU 43
bosentan 227
BOSULIF 44
BRAFTOVI.....44
BREO ELLIPTA.....221
breyna.....221
BREZTRI AEROSPHERE ..223
brimonidine 218
brimonidine-timolol.....218
brinzolamide.....218
BRIVIACT.....62
bromfenac.....190
bromocriptine.....87
BRONCHITOL.....224
BRUKINSA 44
budesonide.....215, 221
budesonide-formoterol 221
bumetanide 115
buprenorphine.....27
buprenorphine hcl 31
buprenorphine-naloxone ..31, 32
bupropion hcl 70
bupropion hcl (smoking deter) 32
buspirone.....217
butalbital-acetaminop-caf-cod 27
*butalbital-acetaminophen-caff*27
C
CABENUVA.....96
cabergoline.....87
CABOMETYX.....44
cabotegravir 96, 97
calcipotriene.....132
calcitonin (salmon).....216
calcitriol 216
calcium acetate(phosphat bind) 194
CALQUENCE.....44
CALQUENCE (ACALABRUTINIB MAL) 44
CAMCEVI (6 MONTH) 44
camila 124
CAMZYOS..... 113
candesartan 108
candesartan-hydrochlorothiazid 108
CAPLYTA..... 89
CAPRELSA..... 44
captopril..... 109
carbamazepine..... 62, 63
carbidopa-levodopa..... 87
CAREFINE PEN NEEDLE. 141
CARETOUCH ALCOHOL PREP PAD..... 142
CARETOUCH INSULIN SYRINGE..... 142
CARETOUCH PEN NEEDLE 142
carglumic acid 192
carteolol..... 219
cartia xt..... 112
carvedilol 111
CAYSTON 38
cefaclor 36
cefadroxil 36
cefazolin..... 36
cefdinir..... 36
cefepime 36
cefixime..... 36
cefoxitin 36
cefpodoxime 36
cefprozil 36
ceftaroline fosamil 36
ceftazidime 36
ceftriaxone 36
cefuroxime axetil..... 37
cefuroxime sodium 37
celecoxib 29
cephalexin..... 37
cevimeline 131
chateal eq (28) 124
chlordiazepoxide hcl 32
chlorhexidine gluconate..... 131
chloroquine phosphate..... 86
chlorpromazine 90
chlorthalidone..... 115
cholestyramine (with sugar) 116
cholestyramine light..... 116
ciclopirox 79
cilostazol 106
CIMDUO 97
cimetidine hcl 191
CIMZIA 202
CIMZIA POWDER FOR RECONST 202
CIMZIA STARTER KIT..... 202
cinacalcet 216
ciprofloxacin hcl 40, 188
ciprofloxacin in 5 % dextrose 40
ciprofloxacin-dexamethasone 188
citalopram 70
clarithromycin..... 37
CLICKFINE PEN NEEDLE 142, 155
clindamycin hcl 34
clindamycin phosphate.... 34, 82, 133
clindamycin-benzoyl peroxide 133
CLINIMIX 6%-D5W (SULFITE-FREE)..... 107
CLINIMIX 8%-D10W(SULFITE-FREE) . 107
CLINIMIX 8%-D14W(SULFITE-FREE) . 107
CLINIMIX E 8%-D10W SULFITEFREE..... 107
CLINIMIX E 8%-D14W SULFITEFREE..... 107
clobazam 63

clobetasol 134, 135
clobetasol-emollient 135
clomipramine.....70
clonazepam.....32, 33
clonidine.....107, 108
clonidine hcl.....107
clopidogrel 107
clorazepate dipotassium.....33
clotrimazole.....79
clotrimazole-betamethasone...79
clozapine.....90
c-nate dha.....228
COARTEM 86
COBENFY 90
COBENFY STARTER PACK 90
colchicine 81, 82
colesevelam 116
colestipol 116, 117
colistin (colistimethate na).....34
COMBIVENT RESPIMAT .223
COMETRIQ.....44
COMFORT EZ INSULIN SYRINGE.142, 143, 144, 145
COMFORT EZ PEN NEEDLES 143, 144
COMFORT EZ PRO SAFETY PEN NDL.....144
COMFORT TOUCH PEN NEEDLE 145
completenate.....228
compro.....85
conjugated estrogens.....197
constulose.....192
COPIKTRA.....44
CORLANOR.....113
CORTROPHIN GEL.....199
COSENTYX.....202
COSENTYX (2 SYRINGES) 202
COSENTYX PEN (2 PENS)202
COSENTYX UNOREADY PEN..... 202
COTELLIC..... 45
CREON..... 186
CRESEMBA..... 80
cromolyn 187, 192, 224
cryselle (28) 124
CURAD GAUZE PAD..... 145
CURITY ALCOHOL SWABS 145
CURITY GAUZE..... 145
cyclobenzaprine 226
cyclophosphamide 45
cyclosporine..... 190, 202, 203
cyclosporine modified.. 202, 203
CYLTEZO(CF) 203
CYLTEZO(CF) PEN..... 203
CYLTEZO(CF) PEN CROHN'S-UC-HS..... 203
CYLTEZO(CF) PEN PSORIASIS-UV 203
cyred eq..... 124

D

d5 % (d-glucose)-0.9 % sodchlr 219
d5 % and 0.9 % sodium chloride 219
d5 %-0.45 % sodium chloride 220
dabigatran etexilate..... 104
dalfampridine..... 120
danazol..... 196
dantrolene..... 226
DANYELZA 45
DANZITEN 45
dapagliflozin propanediol..... 73
dapsone..... 84
DAPTACEL (DTAP PEDIATRIC) (PF)..... 210
daptomycin..... 35
darunavir 97
dasatinib 45
dasetta 1/35 (28) 124
dasetta 7/7/7 (28) 124
DATROWAY 45
DAURISMO 45
deblitane.....124
decitabine.....45
deferasirox 195, 196
DELSTRIGO 97
demeclocycline.....41
DENGVAXIA (PF) 210
denta 5000 plus.....131
dentagel.....131
DEPO-SUBQ PROVERA 104 200
DERMACEA.....146
DERMACEA NON-WOVEN 146
dermacinrx lidocan.....31
DESCOVY.....97
desipramine.....70
desmopressin.....199
desog-e.estradiol/e.estradiol 124
desogestrel-ethinyl estradiol 124
desvenlafaxine succinate.....70
dexamethasone.....198
dexamethasone sodium phosphate.....190, 198
dextroamphetamine-amphetamine.....120
dextrose 5 % in water (d5w) 107
DIACOMIT.....63
diazepam 33, 63
diazepam intensol.....33
diazoxide 217
diclofenac epolamine 29
diclofenac potassium.....29
diclofenac sodium 29, 30, 190
diclofenac-misoprostol.....30
dicloxacillin.....39
dicyclomine 192
didanosine.....97
difluprednate.....190

digoxin 113
dihydroergotamine 82
DILANTIN 63
diltiazem hcl 112, 113
dilt-xr 113
dimethyl fumarate 120
diphenoxylate-atropine 192
dipyridamole 107
disulfiram 32
divalproex 63
dofetilide 110
dolishale 124
donepezil 68, 69
dorzolamide 219
dorzolamide-timolol 219
DOVATO 97
doxazosin 108
doxepin 70, 226
doxorubicin, peg-liposomal 45
doxy-100 41
doxycycline hyclate 41
doxycycline monohydrate 41
DRIZALMA SPRINKLE 70
dronabinol 85
DROPLET INSULIN SYR(HALF UNIT) 146, 147
DROPLET INSULIN SYRINGE 146, 147, 148
DROPLET MICRON PEN NEEDLE 148
DROPLET PEN NEEDLE 148, 149
DROPSAFE ALCOHOL PREP PADS 149
DROPSAFE INSULIN SYRINGE 149
DROPSAFE PEN NEEDLE 149
droxidopa 108
duloxetine 70
DUPIXENT PEN 203
DUPIXENT SYRINGE 203
dutasteride 195

E

EASY COMFORT ALCOHOL PAD 150
EASY COMFORT INSULIN SYRINGE 150, 151
EASY COMFORT PEN NEEDLES 150, 151
EASY COMFORT SAFETY PEN NEEDLE 149, 150
EASY GLIDE INSULIN SYRINGE 151
EASY GLIDE PEN NEEDLE 151
EASY TOUCH 153, 154
EASY TOUCH ALCOHOL PREP PADS 152
EASY TOUCH AUTORETRACT SYRINGE 152
EASY TOUCH FLIPLOCK INSULIN 153
EASY TOUCH FLIPLOCK SYRINGE 152
EASY TOUCH INSULIN SAFETY SYR 152
EASY TOUCH INSULIN SYRINGE 151, 152, 153, 154
EASY TOUCH LUER LOCK INSULIN 153
EASY TOUCH PEN NEEDLE 153
EASY TOUCH SAFETY PEN NEEDLE 154
EASY TOUCH SHEATHLOCK INSULIN 152, 153
EASY TOUCH UNI-SLIP 154
econazole nitrate 80
EDURANT 97
EDURANT PED 97
efavirenz 97
efavirenz-emtricitabin-tenofov 97
efavirenz-lamivu-tenofov disop 97
ELAHERE 45
ELEPSIA XR 63
ELIGARD 46
ELIGARD (3 MONTH) 45
ELIGARD (4 MONTH) 46
ELIGARD (6 MONTH) 46
elinest 124
ELIQUIS 104
ELIQUIS DVT-PE TREAT 30D START 104
ELIQUIS SPRINKLE 104
ELREXFIO 46
eltrombopag olamine 105, 106
eluryng 124
EMBRACE PEN NEEDLE 154, 155
EMCYT 46
EMGALITY PEN 83
EMGALITY SYRINGE 83
EMRELIS 46
EMSAM 70
emtricitabine 97
emtricitabine-tenofovir (tdf) 97, 98
emtricita-rilpivirine-tenof df 98
EMTRIVA 98
emzahh 124
enalapril maleate 109
enalapril-hydrochlorothiazide 109, 110
ENBREL 203
ENBREL MINI 203
ENBREL SURECLICK 204
endocet 27
ENGERIX-B (PF) 210
ENGERIX-B PEDIATRIC (PF) 210
enilloring 125
enoxaparin 104
enpresse 125

ENSACOVE....46
enskyce 125
entacapone 87
entecavir 103
ENTRESTO 108
ENTRESTO SPRINKLE 108
enulose 192
EPCLUSA 102
EPIDIOLEX 64
epinastine 187
epinephrine 113, 114
epitol 64
EPIVIR HBV 98
EPKINLY 46
eplerenone 118
ERBITUX 46
ergoloid 69
ERIVEDGE 46
ERLEADA 46
erlotinib 46
errin 125
ertapenem 38
erythromycin 38, 188
erythromycin ethylsuccinate 37
erythromycin with ethanol 133
ERZOFRI 90
escitalopram oxalate 71
eslicarbazepine 64
esomeprazole magnesium 191
estarylla 125
estradiol 197
estradiol-norethindrone acet 197
eszopiclone 226
ethambutol 84
ethosuximide 64
ethynodiol diac-eth estradiol 125
etodolac 30
etonogestrel-ethinyl estradiol 125
ETOPOPHOS 47
etoposide 47
etravirine 98
EUCRISA 135
EULEXIN 47
everolimus (antineoplastic) 47
everolimus (immunosuppressive) 204
EVOTAZ 98
EXEL INSULIN 155
exemestane 47
EXTENCILLINE 39
EXXUA 71
EYSUVIS 190
ezetimibe 117
ezetimibe-simvastatin 117

F

FAKZYNJA 47
falmina (28) 125
famciclovir 103
famotidine 191
FANAPT 90
FANAPT TITRATION PACK A 91
FANAPT TITRATION PACK B 91
FANAPT TITRATION PACK C 91
FARXIGA 73
FASENRA 224
FASENRA PEN 224
febuxostat 82
feirza 125
felbamate 64
felodipine 115
femynor 125
fenofibrate 117
fenofibrate micronized 117
fenofibrate nanocrystallized 117
fentanyl 28
fentanyl citrate 27, 28
fesoterodine 195
FETZIMA 71
FIASP FLEXTOUCH U-100 INSULIN 76
FIASP PENFILL U-100 INSULIN 76
FIASP PUMPCART 76
FIASP U-100 INSULIN 76
fidaxomicin 38
finasteride 195
fingolimod 120
FINTEPLA 64
FIRMAGON KIT W DILUENT SYRINGE 47
flavoxate 195
flecainide 110
floxuridine 47
fluconazole 80
fluconazole in nacl (iso-osm) 80
flucytosine 80
fludrocortisone 198
flunisolide 190
fluocinolone 135
fluocinolone acetonide oil 190
fluocinonide 135
fluoride (sodium) 131, 132
fluorometholone 190
fluorouracil 47, 132
fluoxetine 71
fluphenazine decanoate 91
fluphenazine hcl 91
flurbiprofen 30
flurbiprofen sodium 190
flutamide 47
fluticasone propionate 135, 190, 222
fluticasone propion-salmeterol 222
fluvastatin 117
fluvoxamine 71
folivane-ob 228
fondaparinux 104
fosamprenavir 98
fosfomycin tromethamine 35
fosinopril 110

fosinopril-hydrochlorothiazide 110
fosphenytoin 64
FOTIVDA 47
FREESTYLE PRECISION .. 155
FRUZAQLA 48
fulvestrant 48
furosemide 115
FUZEON 98
FYARRO 48
G
gabapentin 64
galantamine 69
gallifrey 200
GAMUNEX-C 204
GARDASIL 9 (PF) 210
GAUZE BANDAGE 155
GAUZE PAD 155
gavilyte-c 194
gavilyte-g 194
gavilyte-n 194
GAVRETO 48
gefitinib 48
gemfibrozil 117
generlac 192
gengraf 204
gentak 188
gentamicin 34, 133, 188
gentamicin sulfate (ped) (pf) .. 34
gentamicin sulfate (pf) 34
GENVOYA 98
GILOTRIF 48
glatiramer 121
glatopa 121
glimepiride 78
glipizide 78, 79
glipizide-metformin 79
glucagon emergency kit (human) 217
glutamine (sickle cell) 217
glyburide 79
glyburide micronized 79
glyburide-metformin 79
glycopyrrolate 192
glydo 31
GLYXAMBI 73
GOMEKLI 48
griseofulvin microsize 80
griseofulvin ultramicrosize 80
guanfacine 108, 121
GVOKE 217
GVOKE HYPOPEN 2-PACK 217
GVOKE PFS 1-PACK SYRINGE 217
H
HADLIMA 204
HADLIMA PUSHTOUCH . 204
HADLIMA(CF) 204
HADLIMA(CF) PUSHTOUCH 204
HAEGARDA 106
hailey 24 fe 125
hailey fe 1.5/30 (28) 125
hailey fe 1/20 (28) 125
halobetasol propionate 135
haloette 125
haloperidol 91
haloperidol decanoate 91
haloperidol lactate 91
HARVONI 102, 103
HAVRIX (PF) 210
HEALTHWISE INSULIN SYRINGE 156, 157
HEALTHWISE PEN NEEDLE 157
HEALTHY ACCENTS UNIFINE PENTIP 157
heather 125
heparin (porcine) 105
HEPLISAV-B (PF) 210
HERCEPTIN HYLECTA 48
HERNEXEOS 48
HIBERIX (PF) 211
HUMIRA 204
HUMIRA PEN 204
HUMIRA PEN CROHNS-UC-HS START 204
HUMIRA PEN PSOR-UVEITS-ADOL HS 204
HUMIRA(CF) 205
HUMIRA(CF) PEDI CROHNS STARTER 204
HUMIRA(CF) PEN 205
HUMIRA(CF) PEN CROHNS-UC-HS 205
HUMIRA(CF) PEN PEDIATRIC UC 205
HUMIRA(CF) PEN PSOR-UV-ADOL HS 205
HUMULIN R U-500 (CONC) INSULIN 76
HUMULIN R U-500 (CONC) KWIKPEN 76
hydralazine 114
hydrochlorothiazide 115
hydrocodone-acetaminophen . 28
hydrocortisone 135, 136, 198, 215
hydrocortisone valerate 136
hydrocortisone-acetic acid ... 188
hydromorphone 28
hydroxychloroquine 86
hydroxyurea 48
hydroxyzine hcl 82
hydroxyzine pamoate 217
HYRNUO 48
I
ibandronate 216
IBRANCE 48
IBTROZI 48
ibu 30
ibuprofen 30
icatibant 114
iclevia 125
ICLUSIG 49

icosapent ethyl.....117
IDHIFA 49
ifosfamide 49
ILEVRO 190
imatinib.....49
IMBRUVICA 49
IMDELLTRA.....49
imipenem-cilastatin 38
imipramine hcl.....71
imiquimod.....132
IMJUDO.....49
IMKELDI.....49
IMOVAX RABIES VACCINE (PF).....211
IMPAVIDO.....86
incassia.....126
INCONTROL ALCOHOL PADS.....157
INCONTROL PEN NEEDLE 157
INCRELEX.....199
indapamide.....115
indomethacin 30
INFANRIX (DTAP) (PF).....211
infliximab.....205
INGREZZA.....121
INGREZZA INITIATION PK(TARDIV).....121
INGREZZA SPRINKLE.....121
INLEXZO.....49
INLURIYO.....49
INLYTA.....49
INPEN (FOR HUMALOG) BLUE 157
INPEN (FOR HUMALOG) GREY 157
INPEN (FOR HUMALOG) PINK.....157
INPEN (NOVOLOG OR FIASP) BLUE 158
INPEN (NOVOLOG OR FIASP) GREY.....158
INPEN (NOVOLOG OR FIASP) PINK..... 158
INQOVI..... 49
INREBIC 50
insulin asp prt-insulin aspart. 76
insulin aspart u-100..... 76
insulin glargine-yfgn..... 77
insulin lispro 77
INSULIN SYR/NDL U100 HALF MARK..... 158
INSULIN SYRINGE MICROFINE 140
INSULIN SYRINGE NEEDLELESS 159
INSULIN SYRINGE-NEEDLE U-100..... 155, 158, 159, 166, 167, 168, 172, 176, 177
INSULIN U-500 SYRINGE-NEEDLE..... 159
INSUPEN PEN NEEDLE .. 159, 160
INTELENCE 98
introvale..... 126
INVEGA HAFYERA..... 91
INVEGA SUSTENNA..... 92
INVEGA TRINZA 92
INVELTYS..... 190
IPOL 211
ipratropium bromide.... 187, 223
ipratropium-albuterol..... 223
irbesartan..... 108
irbesartan-hydrochlorothiazide 108
ISENTRESS 98
ISENTRESS HD..... 98
isibloom 126
isoniazid..... 84
isosorbide dinitrate..... 118, 119
isosorbide mononitrate..... 119
ITOVEBI 50
itraconazole 80
IV PREP WIPES 160
ivabradine 114
ivermectin..... 86
IWILFIN 50
IXIARO (PF) 211
J
JAKAFI..... 50
jantoven..... 105
JANUMET..... 73
JANUMET XR 73
JANUVIA 73
JARDIANCE 73
javygtor 186
JAYPIRCA 50
JEMPERLI..... 50
jencycla 126
JENTADUETO..... 74
JENTADUETO XR 74
jolessa 126
juleber 126
JULUCA 98
junel 1.5/30 (21)..... 126
junel 1/20 (21)..... 126
junel fe 1.5/30 (28)..... 126
junel fe 1/20 (28)..... 126
junel fe 24..... 126
JYLAMVO 50
JYNARQUE 115
JYNNEOS (PF)..... 211
K
KALETRA..... 98
KALYDECO..... 224
kariva (28)..... 126
kelnor 1/35 (28)..... 126
kelnor 1/50 (28)..... 126
KERENDIA 118
KESIMPTA PEN 121
ketoconazole..... 80
ketorolac 30, 190
KEYTRUDA..... 50
KEYTRUDA QLEX..... 50
KIMMTRAK 50
KINERET 205

KINRIX (PF) 211
kionex 192
KISQALI 50, 51
KISQALI FEMARA CO-PACK 50, 51
KLISYRI (250 MG) 132
klor-con m10 220
klor-con m15 220
klor-con m20 220
KLOXXADO 32
KOMZIFTI 51
KOSELUGO 51
kosher prenatal plus iron 228
KRAZATI 51
kurvelo (28) 126
KYLEENA 126
KYNMOBI 88

L

labetalol 111
lacosamide 64
lactulose 193
lamivudine 98, 99
lamivudine-zidovudine 99
lamotrigine 65
lanreotide 199
lansoprazole 191
LANTUS SOLOSTAR U-100 INSULIN 77
LANTUS U-100 INSULIN 77
lapatinib 51
larin 1.5/30 (21) 126
larin 1/20 (21) 127
larin 24 fe 127
larin fe 1.5/30 (28) 127
larin fe 1/20 (28) 127
latanoprost 219
LAZCLUZE 51
leflunomide 205
lenalidomide 51
LENTOCILIN S 39
LENVIMA 51
lessina 127
letrozole 52
leucovorin calcium 217
LEUKERAN 52
leuprolide 52
leuprolide acetate (3 month) 52
levetiracetam 65
levobunolol 219
levocetirizine 82
levofloxacin 40
levofloxacin in d5w 40
levonest (28) 127
levonorgest-eth.estradiol-iron 127
levonorgestrel-ethinyl estrad 127
levonorg-eth estrad triphasic 127
levora-28 127
levothyroxine 201
LEXIVA 99
LIBERVANT 65
lidocaine 31
lidocaine hcl 31
lidocaine viscous 31
lidocaine-prilocaine 31
lidocan iii 31
LILETTA 127
linezolid 35
linezolid in dextrose 5% 35
LINZESS 193
liomny 201
liothyronine 201
LISCO 160
lisinopril 110
lisinopril-hydrochlorothiazide 110
LITE TOUCH INSULIN PEN NEEDLES 160
LITE TOUCH INSULIN SYRINGE 160, 161
lithium carbonate 121
lithium citrate 121
LIVTENCITY 102
LOKELMA 193
lomustine 52
LONSURF 52
loperamide 193
lopinavir-ritonavir 99
LOQTORZI 52
lorazepam 33
lorazepam intensol 33
LORBRENA 52
losartan 108
losartan-hydrochlorothiazide 108
LOTEMAX 190
LOTEMAX SM 190
loteprednol etabonate 190, 191
lovastatin 117
low-ogestrel (28) 127
loxapine succinate 92
lubiprostone 193
luizza 127
LUMAKRAS 52
LUMIGAN 219
LUNSUMIO 52
LUNSUMIO VELO 52
LUPRON DEPOT 53, 199
LUPRON DEPOT (3 MONTH) 53, 199
LUPRON DEPOT (4 MONTH) 53
LUPRON DEPOT (6 MONTH) 53
LUPRON DEPOT-PED 199
LUPRON DEPOT-PED (3 MONTH) 199
lurasidone 92
lutera (28) 127
LUTRATE DEPOT (3 MONTH) 53
LYBALVI 92
lyleq 128
LYNOZYFIC 53
LYNPARZA 53
LYSODREN 53

LYTGOBI 53
lyza 128
M
MAGELLAN INSULIN SAFETY SYRNG 161
MAGELLAN SYRINGE 161
magnesium sulfate 220
malathion 137
maraviroc 99
MARGENZA 53
marlissa (28) 128
marnatal-f 228
MARPLAN 71
MATULANE 53
MAVENCLAD (10 TABLET PACK) 121
MAVENCLAD (4 TABLET PACK) 121
MAVENCLAD (5 TABLET PACK) 122
MAVENCLAD (6 TABLET PACK) 122
MAVENCLAD (7 TABLET PACK) 122
MAVENCLAD (8 TABLET PACK) 122
MAVENCLAD (9 TABLET PACK) 122
MAXICOMFORT II PEN NEEDLE 161
MAXICOMFORT INSULIN SYRINGE 161
MAXI-COMFORT INSULIN SYRINGE 161
MAXI-COMFORT INSULIN SYRINGE 162
MAXICOMFORT SAFETY PEN NEEDLE 162
MAYZENT 122
MAYZENT STARTER(FOR 1MG MAINT) 122
MAYZENT STARTER(FOR 2MG MAINT) 122
meclizine 85
medroxyprogesterone 200
mefloquine 86
megestrol 53, 200
MEKINIST 53, 54
MEKTOVI 54
meleya 128
meloxicam 30
memantine 69
MENACTRA (PF) 211
MENQUADFI (PF) 211
MENVEO A-C-Y-W-135-DIP (PF) 211
mercaptopurine 54
meropenem 38
mesalamine 215
mesna 218
metformin 74
methadone 28
methazolamide 219
methenamine hippurate 35
methimazole 201
methocarbamol 226
methotrexate sodium 54
methotrexate sodium (pf) 54
methoxsalen 133
methsuximide 65
methylphenidate hcl 122
methylprednisolone 198
methylprednisolone acetate . 198
metoclopramide hcl 193
metolazone 115
metoprolol succinate 111
metoprolol ta-hydrochlorothiaz 111
metoprolol tartrate 111
metronidazole 35, 82, 133
metronidazole in nacl (iso-os) 35
metyrosine 114
micafungin 80
miconazole-3 80
MICRODOT INSULIN PEN NEEDLE 162
MICRODOT READYGARD PEN NEEDLE 162
microgestin 1.5/30 (21) 128
microgestin 1/20 (21) 128
microgestin 24 fe 128
microgestin fe 1.5/30 (28) 128
microgestin fe 1/20 (28) 128
midodrine 108
MIEBO (PF) 187
mifepristone 74
mili 128
mimvey 197
MINI ULTRA-THIN II 162
minocycline 41
minoxidil 119
MIPLYFFA 185
MIRENA 128
mirtazapine 71
misoprostol 191
mitoxantrone 54
M-M-R II (PF) 211
m-natal plus 228
modafinil 227
MODEYSO 54
moexipril 110
molindone 93
mometasone 136, 191
MONOJECT INSULIN SAFETY SYRING 163
MONOJECT INSULIN SYRINGE 162, 163
MONOJECT SYRINGE 162
MONOJECT ULTRA COMFORT INSULIN 179
mono-linyah 128
montelukast 222
morphine 28
MORPHINE 28
morphine concentrate 28

MOUNJARO 74
MOVANTIK 193
moxifloxacin 40, 188
moxifloxacin-sod.ace,sul-water 40
moxifloxacin-sod.chloride(iso) 40
MRESVIA (PF) 211
MULTAQ 110
mupirocin 133
mycophenolate mofetil 205
mycophenolate mofetil (hcl) 205
mycophenolate sodium 205
mynatal 228
mynatal advance 228
mynatal plus 228
mynatal-z 228
mynate 90 plus 228
MYRBETRIQ 195
N
nabumetone 30
nafcillin 39
naloxone 32
naltrexone 32
NANO 2ND GEN PEN NEEDLE 163
NANO PEN NEEDLE 164
naproxen 30
naratriptan 83
NATACYN 188
nateglinide 74
NATPARA 216
NAYZILAM 65
nebivolol 112
nefazodone 71
neomycin 34
neomycin-bacitracin-poly-hc 188
neomycin-bacitracin-polymyxin 188
neomycin-polymyxin b-dexameth 188
neomycin-polymyxin-gramicidin 188
neomycin-polymyxin-hc 188
neo-polycin 189
neo-polycin hc 189
NERLYNX 54
nevirapine 99
newgen 228
NEXLETOL 117
NEXLIZET 117
NEXPLANON 128
niacin 117
NICOTROL NS 32
nifedipine 115
NIKTIMVO 205
nilotinib hcl 54
nilutamide 54
NINLARO 54
nitazoxanide 86
nitisinone 186
nitrofurantoin macrocrystal 35
nitrofurantoin monohyd/m-cryst 35
nitroglycerin 119, 218
niva-plus 228
NIVESTYM 106
NORDITROPIN FLEXPRO 199
norelgestromin-ethin.estradiol 128
norethindrone (contraceptive) 128
norethindrone acetate 201
norethindrone-e.estradiol-iron 128, 129
norgestimate-ethinyl estradiol 129
nortrel 1/35 (21) 129
nortrel 1/35 (28) 129
nortrel 7/7/7 (28) 129
nortriptyline 72
NORVIR 99
NOVOFINE 30 164
NOVOFINE 32 164
NOVOFINE PLUS 164
NOVOLIN 70/30 U-100 INSULIN 77
NOVOLIN 70-30 FLEXPEN U-100 77
NOVOLIN N FLEXPEN 77
NOVOLIN N NPH U-100 INSULIN 77
NOVOLIN R FLEXPEN 77
NOVOLIN R REGULAR U100 INSULIN 77
NOVOLOG FLEXPEN U-100 INSULIN 78
NOVOLOG MIX 70-30 U-100 INSULN 78
NOVOLOG MIX 70-30FLEXPEN U-100 78
NOVOLOG PENFILL U-100 INSULIN 78
NOVOLOG U-100 INSULIN ASPART 78
NOVOTWIST 164
NUBEQA 54
NUCALA 224, 225
NULOJIX 206
NUPLAZID 93
NURTEC ODT 83
nyamyc 81
nylia 1/35 (28) 129
nylia 7/7/7 (28) 129
nymyo 129
nystatin 81
nystatin-triamcinolone 81
nystop 81
NYVEPRIA 106
O
obstetrix dha 228
obstetrix dha prenatal duo 228
octreotide acetate 199
ODEFSEY 99
ODOMZO 54

OFEV 225
ofloxacin 189
OGIVRI 54
OGSIVEO 55
OJEMDA 55
OJJAARA 55
olanzapine 93
olmesartan 108
olmesartan-amlodipin-hcthiazid 109
olmesartan-hydrochlorothiazide 109
olopatadine 187
omega-3 acid ethyl esters 118
omeprazole 191
OMNIPOD 5 (G6/LIBRE 2 PLUS) 164
OMNIPOD 5 G6-G7 INTRO KT(GEN5) 164
OMNIPOD 5 G6-G7 PODS (GEN 5) 164
OMNIPOD 5 INTRO(G6/LIBRE2PLUS) 164
OMNIPOD CLASSIC PDM KIT(GEN 3) 164
OMNIPOD CLASSIC PODS (GEN 3) 164
OMNIPOD DASH INTRO KIT (GEN 4) 164
OMNIPOD DASH PDM KIT (GEN 4) 164
OMNIPOD DASH PODS (GEN 4) 164
ONAPGO 88
ondansetron 85
ondansetron hcl 85
ONUREG 55
OPDIVO 55
OPDIVO QVANTIG 55
OPDUALAG 55
OPIPZA 93
OPSUMIT 227
ORENCIA 206
ORENCIA (WITH MALTOSE) 206
ORENCIA CLICKJECT 206
ORFADIN 186
ORGOVYX 200
ORILISSA 200
ORKAMBI 225
orquidea 129
ORSERDU 55
oseltamivir 102
OSENVELT 216
OTEZLA 206
OTEZLA STARTER 206
OTEZLA XR 206
OTEZLA XR INITIATION 206
oxandrolone 196
oxcarbazepine 65
oxybutynin chloride 195
oxycodone 28, 29
oxycodone-acetaminophen 29
OZEMPIC 74

P

pacerone 111
paclitaxel protein-bound 55
paliperidone 93
PANRETIN 133
pantoprazole 192
paricalcitol 216
paroxetine hcl 72
PAXLOVID 102
pazopanib 55
PEDIARIX (PF) 211
PEDVAX HIB (PF) 212
peg 3350-electrolytes 194
PEGASYS 103
peg-electrolyte soln 194
PEMAZYRE 55
pemetrexed disodium 56
PEMRYDI RTU 56
PEN NEEDLE 165
PEN NEEDLE, DIABETIC 145, 155, 156, 162, 164, 165, 167
PEN NEEDLE, DIABETIC, SAFETY 168
PENBRAYA (PF) 212
PENBRAYA MENACWY COMPONENT(PF) 212
PENBRAYA MENB COMPONENT (PF) 212
penicillamine 196
penicillin g potassium 39
penicillin g procaine 40
penicillin v potassium 40
PENMENVY MEN A-B-C-W-Y (PF) 212
PENMENVY MENACWY COMPONENT(PF) 212
PENMENVY MENB COMPONENT (PF) 212
PENTACEL (PF) 212
pentamidine 86
PENTIPS PEN NEEDLE 165
pentoxifylline 107
perampanel 65, 66
perindopril erbumine 110
periogard 132
permethrin 137
perphenazine 93
perphenazine-amitriptyline 72
PERSERIS 93
phenelzine 72
phenobarbital 66
phenytek 66
phenytoin 66
phenytoin sodium 66
phenytoin sodium extended 66
PIFELTRO 99
pilocarpine hcl 132, 219
pimecrolimus 136
pimozide 93
pimtrea (28) 129
pioglitazone 74

pioglitazone-metformin 74, 75
PIP PEN NEEDLE 165, 166
piperacillin-tazobactam 40
PIQRAY 56
pirfenidone 225
pitavastatin calcium 118
PLEGRIDY 122
pnv-dha + docusate 228
pnv-omega 228
podofilox 133
polycin 189
polymyxin b sulf-trimethoprim 189
pomalidomide 56
POMALYST 56
portia 28 129
posaconazole 81
potassium chloride 220
potassium citrate 220
pr natal 400 229
pr natal 400 ec 229
pr natal 430 229
pr natal 430 ec 229
pramipexole 88
prasugrel hcl 107
pravastatin 118
praziquantel 86
prazosin 108
prednisolone 198
prednisolone acetate 191
prednisolone sodium phosphate 198
prednisone 198
pregabalin 66
PREMARIN 197
PREMPHASE 197
PREMPRO 197
prena1 true 229
prenaissance 229
prenaissance plus 229
prenatabs fa 229
prenatal 19 229
prenatal 19 (with docusate) . 229
prenatal plus 229
prenatal plus (calcium carb) 228
prenatal vitamin plus low iron 229
prenatal-u 229
preplus 229
prevalite 118
PREVENT DROPSAFE PEN NEEDLE..... 166
PREVYMIS 102
PREZCOBIX 99
PREZISTA..... 99, 100
PRIFTIN 84
PRIMAQUINE 86
primidone 66
PRIORIX (PF) 212
PRO COMFORT ALCOHOL PADS 166
PRO COMFORT INSULIN SYRINGE 166
PRO COMFORT PEN NEEDLE..... 166
probenecid 82
probenecid-colchicine 82
prochlorperazine 85
prochlorperazine edisylate ... 85, 93
prochlorperazine maleate..... 85
PRO-COMFORT ALCOHOL PADS 166
procto-med hc 136
proctosol hc 136
proctozone-hc 136
PRODIGY INSULIN SYRINGE..... 166, 167
progesterone micronized 201
PROGRAF 206
PROLASTIN-C 225
promethazine 85
promethegan 85
propafenone 111
propranolol 112
propylthiouracil 201
PROQUAD (PF) 212
protriptyline 72
PULMOZYME 186
PURE COMFORT ALCOHOL PADS 167
PURE COMFORT PEN NEEDLE 167
PURE COMFORT SAFETY PEN NEEDLE 167
pyrazinamide 84
pyridostigmine bromide 218
pyrimethamine 86

Q

QINLOCK..... 56
QUADRACEL (PF)..... 213
quetiapine 94
quinapril 110
quinapril-hydrochlorothiazide 110
quinidine sulfate 111
quinine sulfate 87
QULIPTA 83

R

RABAVERT (PF)..... 213
rabeprazole 192
RALDESY 72
raloxifene 197
ramipril 110
ranolazine 114
rasagiline 88
RASUVO (PF)..... 206
RAYALDEE 216
reclipsen (28) 129
RECOMBIVAX HB (PF).... 213
RELENZA DISKHALER.... 102
repaglinide 75
REPATHA PUSHTRONEX 118
REPATHA SURECLICK.... 118
REPATHA SYRINGE..... 118
RETACRIT 106

RETEVMO....56
RETROVIR....100
REVCOVI....186
REVUFORJ....56
REXULTI....94
REYATAZ....100
REZDIFFRA....201
REZLIDHIA....56
REZUROCK....206
RHOPRESSA....219
ribavirin....103
rifabutin....84
rifampin....84
rilpivirine....100
rilpivirine hcl....100
riluzole....122
RINVOQ....207
RINVOQ LQ....207
risperidone....94
risperidone microspheres....94
ritonavir....100
RITUXAN HYCELA....57
rivaroxaban....105
rivastigmine....69
rivastigmine tartrate....69
rizatriptan....83
r-natal ob....229
ROCKLATAN....219
roflumilast....225
ROMVIMZA....57
ropinirole....88
rosadan....133
rosuvastatin....118
ROTARIX....213
ROTATEQ VACCINE....213
ROZLYTREK....57
RUBRACA....57
rufinamide....66, 67
RUKOBIA....100
RYBELSUS....75
RYBREVANT....57
RYBREVANT FASPRO....57
RYDAPT....57
RYKINDO....94
RYTELO....57
S
sacubitril-valsartan....109
SAFESNAP INSULIN SYRINGE....168
SAFETY PEN NEEDLE....168
SANTYL....133
sapropterin....186
SCEMBLIX....57
scopolamine base....85
SECUADO....94
SECURESAFE INSULIN SYRINGE....168
SECURESAFE PEN NEEDLE....168
SELARSDI....207
select-ob....229
select-ob (folic acid)....229
selegiline hcl....88
selenium sulfide....133
SELZENTRY....100
se-natal 19 chewable....229
SEREVENT DISKUS....223
SEROSTIM....200
sertraline....72
setlakin....129
sevelamer carbonate....194
sevelamer hcl....194
SEZABY....67
sf 5000 plus....132
sharobel....129
SHINGRIX (PF)....213
SIGNIFOR....200
sildenafil (pulm.hypertension)....227
silver sulfadiazine....134
SIMBRINZA....219
simliya (28)....129
SIMPLI PEN NEEDLE....156
simvastatin....118
sirolimus....207
SIRTURO....84
SKY SAFETY PEN NEEDLE....168
SKYLA....130
SKYRIZI....207
sodium chloride 0.45 %....221
sodium chloride 0.9 %....221
sodium fluoride-pot nitrate....132
sodium oxybate....227
*sodium polystyrene sulfonate*193
sodium,potassium,mag sulfates....194
solifenacin....195
SOLIQUA 100/33....78
SOLTAMOX....57
SOMATULINE DEPOT....200
SOMAVERT....200
sorafenib....57
sorine....112
sotalol....112
sotalol af....112
SPIRIVA RESPIMAT....223
spironolactone....115
spironolacton-hydrochlorothiaz....116
SPRAVATO....72
sprintec (28)....130
SPRITAM....67
sps (with sorbitol)....193
sronyx....130
ssd....134
stavudine....100
STERILE PADS....155
STIOLTO RESPIMAT....223
STIVARGA....58
STOBOCLO....216
STRENSIQ....186
streptomycin....34
STRIBILD....100
STRIVERDI RESPIMAT....223
subvenite....67

SUBVENITE.....67
sucralfate.....192
sulfacetamide sodium.....189
sulfacetamide-prednisolone .189
sulfadiazine.....40
sulfamethoxazole-trimethoprim 40, 41
sulfasalazine.....215
sulindac 30
sumatriptan.....83
sumatriptan succinate 83, 84
sunitinib malate.....58
SUNLENCA.....100
SURE COMFORT ALCOHOL PREP PADS.....169
SURE COMFORT INS. SYR. U-100.....169
SURE COMFORT INSULIN SYRINGE.....169
SURE COMFORT PEN NEEDLE 169, 170
SURE COMFORT SAFETY PEN NEEDLE.....169
SURE-FINE PEN NEEDLES 170
SURE-JECT INSULIN SYRINGE.....170
SURE-PREP ALCOHOL PREP PADS.....170
SYMPAZAN.....67
SYMTUZA.....100
SYNJARDY 75
SYNJARDY XR 75
SYNRIBO 58
SYRINGE WITH NEEDLE, SAFETY.....168

T

TABLOID 58
TABRECTA.....58
tacrolimus.....136, 207
tadalafil 227
TAFINLAR 58
TAGRISSO..... 58
TALVEY 58
TALZENNA..... 58
tamoxifen 58
tamsulosin..... 195
tarina 24 fe..... 130
tarina fe 1-20 eq (28)..... 130
taron-c dha 229
taron-prex prenatal-dha 230
TASIGNA..... 58
TAVNEOS..... 207
tazarotene 137
tazicef..... 37
taztia xt 113
TAZVERIK 58
TDVAX 213
TECHLITE INSULIN SYRINGE..... 171
TECHLITE INSULN SYR(HALF UNIT).. 170, 171
TECHLITE PEN NEEDLE 171, 172
TECHLITE PLUS PEN NEEDLE..... 172
TECVAYLI 58
telmisartan 109
telmisartan-hydrochlorothiazid 109
temazepam 33
TEMIXYS 101
TENIVAC (PF)..... 213, 214
tenofovir disoproxil fumarate 101
TEPMETKO..... 58
terazosin..... 195
terbinafine hcl..... 81
terconazole..... 82
teriparatide 216
TERUMO INSULIN SYRINGE 172
testosterone..... 196
testosterone cypionate 196
testosterone enanthate 196
tetrabenazine.....123
tetracycline.....41
TEVIMBRA.....58
THALOMID 218
theophylline.....223, 224
THINPRO INSULIN SYRINGE 172, 173
thioridazine 95
thiothixene.....95
tiadylt er.....113
tiagabine 67
TIBSOVO 59
ticagrelor.....107
TICE BCG 59
TICOVAC.....214
tigecycline 41
tilia fe 130
timolol 219
timolol maleate.....112, 219
tinidazole.....87
tiotropium bromide 224
TIVDAK 59
TIVICAY 101
TIVICAY PD 101
tizanidine.....226
TOBI PODHALER.....34
tobramycin 189
tobramycin in 0.225 % nacl...34
tobramycin sulfate.....34
tobramycin-dexamethasone .189
tobramycin-lotepred.....189
tolterodine.....195
tolvaptan (polycys kidney dis) 116
TOPCARE CLICKFINE 173
TOPCARE ULTRA COMFORT 173
topiramate.....67
toposar 59
toremifene 59
torpenz.....59

torsemide 116
TOUJEO MAX U-300 SOLOSTAR 78
TOUJEO SOLOSTAR U-300 INSULIN 78
TRADJENTA 75
tramadol 29
tramadol-acetaminophen 29
trandolapril 110
tranexamic acid 106
tranylcypromine 72
travoprost 219
trazodone 72
TRECATOR 84
TRELEGY ELLIPTA 224
TRELSTAR 59
TREMFYA 207, 208
TREMFYA ONE-PRESS 208
TREMFYA PEN 208
TREMFYA PEN INDUCTION PK(2PEN) 208
tretinoin 137
tretinoin (antineoplastic) 59
triamcinolone acetonide 132, 136, 198
triamterene-hydrochlorothiazid 116
tridacaine ii 31
trientine 196
tri-estarylla 130
trifluoperazine 95
trifluridine 189
trihexyphenidyl 88
TRIJARDY XR 75
TRIKAFTA 225
tri-legest fe 130
tri-linyah 130
tri-lo-estarylla 130
tri-lo-marzia 130
tri-lo-mili 130
tri-lo-sprintec 130
trimethoprim 35
tri-mili 130
trimipramine 72
TRINTELLIX 72
tri-nymyo 130
tri-sprintec (28) 130
TRIUMEQ 101
TRIUMEQ PD 101
trivora (28) 130
tri-vylibra 131
tri-vylibra lo 131
TRIZIVIR 101
TROGARZO 101
trospium 195
TRUE COMFORT ALCOHOL PADS 174
TRUE COMFORT INSULIN SYRINGE 173, 174
TRUE COMFORT PEN NEEDLE 174
TRUE COMFORT PRO ALCOHOL PADS 174
TRUE COMFORT PRO INS SYRINGE 173, 174
TRUE COMFORT SAFE INSULIN SYRG 173, 174, 175
TRUE COMFORT SAFETY PEN NEEDLE 173
TRUE-COMFORT PRO PEN NEEDLE 175
TRUEPLUS INSULIN 175, 176
TRUEPLUS PEN NEEDLE 175
TRULANCE 193
TRULICITY 75
TRUMENBA 214
TRUQAP 59
TRUXIMA 59
TUKYSA 59
TURALIO 59
turqoz (28) 131
TWINRIX (PF) 214
TYBOST 218
TYENNE 208
TYENNE AUTOINJECTOR 208
TYMLOS 217
TYPHIM VI 214

U

UBRELVY 84
UDENYCA ONBODY 106
ULTICARE 176, 177
ULTICARE INSULIN SYRINGE 176
ULTICARE INSULN SYR(HALF UNIT) 176
ULTICARE PEN NEEDLE 177
ULTICARE SAFETY PEN NEEDLE 177
ULTIGUARD SAFEPACK-INSULIN SYR 177, 178
ULTIGUARD SAFEPACK-PEN NEEDLE 178
ULTILET ALCOHOL SWAB 178
ULTILET INSULIN SYRINGE 158, 159, 178
ULTILET PEN NEEDLE 179
ULTRA CMFT INS SYR (HALF UNIT) 156, 169
ULTRA COMFORT INSULIN SYRINGE 149, 156, 179
ULTRA FLO INSUL SYR(HALF UNIT) 179
ULTRA FLO INSULIN SYRINGE 180
ULTRA FLO PEN NEEDLE 179
ULTRA THIN PEN NEEDLE 180
ULTRACARE INSULIN SYRINGE 180
ULTRACARE PEN NEEDLE 180, 181

ULTRA-FINE INS SYR (HALF UNIT) 181
ULTRA-FINE INSULIN SYRINGE 181
ULTRA-FINE PEN NEEDLE 181
ULTRA-THIN II (SHORT) INS SYR 182
ULTRA-THIN II (SHORT) PEN NDL 182
ULTRA-THIN II INS PEN NEEDLES 182
ULTRA-THIN II INSULIN SYRINGE 182
UNIFINE OTC PEN NEEDLE 182
UNIFINE PEN NEEDLE 182
UNIFINE PENTIPS 164, 182, 183
UNIFINE PENTIPS MAXFLOW 183
UNIFINE PENTIPS PLUS 183
UNIFINE PENTIPS PLUS MAXFLOW 183
UNIFINE PROTECT 183
UNIFINE SAFECONTROL PEN NEEDLE 183, 184
UNIFINE ULTRA PEN NEEDLE 184
UPTRAVI 227
ursodiol 193
ustekinumab-aauz 208
UZEDY 95

V

valacyclovir 103
VALCHLOR 133
valganciclovir 103
valproate sodium 67
valproic acid 67
valproic acid (as sodium salt) 67
valsartan 109
valsartan-hydrochlorothiazide 109
VALTOCO 67
valtya 131
vancomycin 35
VANFLYTA 59
VANISHPOINT INSULIN SYRINGE 184
VANISHPOINT SYRINGE 184
VAQTA (PF) 214
varenicline tartrate 32
VARIVAX (PF) 214
VAXCHORA VACCINE 214
VELTASSA 194
VEMLIDY 101
VENCLEXTA 59, 60
VENCLEXTA STARTING PACK 60
venlafaxine 73
VEOZAH 218
verapamil 113
VERIFINE INSULIN SYRINGE 184, 185
VERIFINE PEN NEEDLE 184, 185
VERIFINE PLUS PEN NEEDLE 185
VERIFINE PLUS PEN NEEDLE-SHARP 185
VERQUVO 114
VERSACLOZ 95
VERSALON 185
VERZENIO 60
V-GO 20 185
V-GO 30 185
V-GO 40 185
vienva 131
vigabatrin 68
vigadrone 68
vigpoder 68
vilazodone 73
VIMKUNYA 214
vinorelbine 60
viorele (28) 131
VIRACEPT 101
VIREAD 101
virt-c dha 230
virt-nate dha 230
virt-pn dha 230
vitafol gummies 230
vitafol nano 230
vitafol-ob+dha 230
VITRAKVI 60
VIVIMUSTA 60
VIVOTIF 215
VIZIMPRO 60
VOCABRIA 101
volnea (28) 131
VONJO 60
VOQUEZNA 192
VORANIGO 60
voriconazole 81
VOSEVI 103
VOWST 218
vp-ch-pnv 230
vp-pnv-dha 230
VRAYLAR 95
VUMERITY 123
VYALEV 88
vylibra 131
VYLOY 60
VYNDAMAX 114
VYZULTA 219

W

warfarin 105
WEBCOL 185
WELIREG 60
WINREVAIR 225
wixela inhub 222

X

XALKORI 60, 61
xarah fe 131
XARELTO 105

XARELTO DVT-PE TREAT 30D START 105
XATMEP 61
XCOPRI 68
XCOPRI MAINTENANCE PACK 68
XCOPRI TITRATION PACK 68
XDEMVY 189
XELJANZ 208
XELJANZ XR 208
XERMELO 194
XIFAXAN 35
XIGDUO XR 75
XIIDRA 191
XOLAIR 226
XOSPATA 61
XPOVIO 61
XTANDI 61
xulane 131
XULTOPHY 100/3.6 78
Y
YERVOY 61
YESINTEK 208, 209
YF-VAX (PF) 215
YONSA 61
YUFLYMA(CF) 209
YUFLYMA(CF) AI CROHN'S-UC-HS 209
YUFLYMA(CF) AUTOINJECTOR 209
yuvafem 197
Z
zafemy 131
zafirlukast 222
zaleplon 227
zatean-pn dha 230
zatean-pn plus 230
ZEJULA 61
ZELBORAF 62
zenatane 133
ZENPEP 186
zidovudine 101
ZIIHERA 62
zingiber 230
ziprasidone hcl 95
ziprasidone mesylate 96
ZIRABEV 62
ZIRGAN 189
ZOLADEX 62
ZOLINZA 62
zolpidem 227
ZONISADE 68
zonisamide 68
zovia 1/35e (28) 131
zovia 1-35 (28) 131
ZTALMY 68
ZTLIDO 31
ZURZUVAE 73
ZYDELIG 62
ZYKADIA 62
ZYNLONTA 62
ZYNYZ 62
ZYPREXA RELPREVV 96

Health Plan of San Joaquin

Mountain Valley Health Plan

Advantage D-SNP

Danh Sách Thuốc này được cập nhật vào 07/01/2026 .

Để biết thêm thông tin gần đây hoặc các câu hỏi khác, hãy liên hệ với chúng tôi theo số 1-888-361-7526 (TTY: 711), 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, 7 ngày/tuần từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 và thứ Hai đến thứ Sáu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9 hoặc truy cập trang www.hpsj-mvhp.org.